

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

1.1. Căn cứ pháp lý

Quyết định số 26/2005/QĐ-TTg ngày 31/01/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Lao động – Xã hội;

Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Quyết định số 1264/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ sở Sơn Tây trực thuộc Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Quyết định số 1265/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ sở II trực thuộc Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Quyết định số 500/QĐ-LĐTBXH ngày 08/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Quyết định số 529/QĐ-BGDĐT ngày 06/2/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao Trường Đại học Lao động – Xã hội đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học hệ chính quy;

Luật Giáo dục đại học năm 2012; Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018; Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội ban hành Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm 2020 – 2021.

1.2. Căn cứ khoa học

Để xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tổ xây dựng chương trình đã tham khảo các chương trình đào tạo của nhiều cơ sở đào tạo khác nhau như Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế quốc dân; Đại học Kinh tế, ĐHQG Hà Nội; Đại học Thương Mại; Đại học Công đoàn; University of Houston; SMU Singapore Management University; Đại học Memorial (Canada); Đại học Licoín (Malaixia); Đại học Cornell (Mỹ).

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Lao động - Xã hội được xây dựng theo định hướng ứng dụng nhằm giúp học viên phát triển các kiến thức, có năng lực chuyên sâu, năng lực nghiên cứu và phát hiện các vấn đề và giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh. Chương trình cũng nhằm mục tiêu cung cấp cho người học về quản trị kinh doanh những kỹ năng để tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của lĩnh vực quản trị kinh doanh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Có phương pháp tư duy khoa học, kiến thức nâng cao về quản trị kinh doanh hiện đại; các kiến thức về kinh tế và kinh doanh vận dụng trong quản trị kinh doanh;
- Nắm vững kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh và điều hành doanh nghiệp;
- Vận hành và triển khai các chiến lược và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp, giải quyết các tình huống trong kinh doanh và quản trị, ra các quyết định quản trị tối ưu, phù hợp với đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp;
- Hiểu và thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm hài hòa các lợi ích trong xã hội và phát triển doanh nghiệp bền vững.

2.2.2. Về kỹ năng

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và kỹ năng nghiên cứu độc lập của học viên đối với các vấn đề quản trị kinh doanh, đồng thời nâng cao kỹ năng ứng dụng, để giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- Có kỹ năng điều hành các nghiệp vụ quản trị kinh doanh của doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả.
- Có kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp về lĩnh vực quản trị kinh doanh.

- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

2.3. Vị trí công tác có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

(a) Học viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức tài chính, các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương với tư cách là nhà quản trị, quản lý, nhà kinh doanh, nhà nghiên cứu;

(b) Học viên có khả năng tự tạo lập và điều hành doanh nghiệp; tự tìm kiếm và tận dụng cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân;

(c) Học viên có khả năng nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục, các Viện nghiên cứu chuyên ngành.

3. Chuẩn đầu ra mà người học đạt được sau tốt nghiệp

3.1. Yêu cầu về kiến thức

- Hiểu và vận dụng sáng tạo phương pháp nghiên cứu khoa học, các phương pháp phân tích định tính và định lượng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nhận dạng cơ hội kinh doanh, hoạch định chiến lược phát triển kinh doanh, huy động và tổ chức nguồn lực để thực hiện thành công các cơ hội.

- Xây dựng mô hình tổ chức, phân công, điều độ nhân sự và trang thiết bị phù hợp với đặc điểm kinh doanh.

- Phát hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh giữa những người lao động trong doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với môi trường đầu tư kinh doanh trên cơ sở đúng pháp luật, khoa học, hiệu quả và nhân văn...phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hiểu và vận dụng các công cụ, chiến lược Marketing để xây dựng, phát triển và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng và các bên liên quan

- Hiểu và vận dụng sáng tạo khoa học lãnh đạo, lý thuyết ra quyết định để có thể đương đầu với các biến động trong môi trường kinh doanh.

- Có kiến thức chuyên sâu về quản trị chiến lược, quản trị điều hành.

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

- Có kỹ năng trong việc tổng hợp, phân tích, phản biện, đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học để đưa ra các giải pháp giải quyết các vấn đề liên quan tới hoạt động quản lý của doanh nghiệp;

- Có kỹ năng phát triển tư duy sáng tạo trong kinh doanh và quản lý doanh nghiệp, kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp; kỹ năng truyền bá, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn, quảng bá và phát triển thương hiệu, xây dựng tinh thần doanh nhân và kiểm soát rủi ro trong các tổ chức, doanh nghiệp;

- Có khả năng tư duy hệ thống, khoa học, phương pháp làm việc chuyên nghiệp, tác nghiệp độc lập sáng tạo, chịu được áp lực công việc;

- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường kinh doanh; khả năng hướng dẫn, quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động trong

sản xuất kinh doanh và nghiên cứu;

- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có thể tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; tự chủ trong hoạt động; có tinh thần trách nhiệm với công việc;
- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn;
- Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn.

3.4. Yêu cầu về thái độ

- Có ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần tự giác và trách nhiệm cao.
- Có phẩm chất đạo đức chính trị vững vàng, lập trường trong sáng.
- Cầu tiến, sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực công việc cao
- Có tinh thần hợp tác, chia sẻ, làm việc theo nhóm và phối hợp đa bên.
- Ý thức nắm bắt sự thay đổi của tổ chức và môi trường xung quanh

3.5. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Học viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức tài chính, các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương với tư cách là nhà quản trị, quản lý, nhà kinh doanh, nhà nghiên cứu;
- Học viên có khả năng tự tạo lập và điều hành doanh nghiệp; tự tìm kiếm và tận dụng cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân;
- Học viên có khả năng nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục, các Viện nghiên cứu chuyên ngành.

3.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Người học có thể tự học tập, tự nghiên cứu và đăng ký thi tuyển để tiếp tục học tập lên bậc tiến sỹ, đồng thời có thể tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Từ đó người học có thể đạt được những chức danh, học vị cao hơn.

4. Yêu cầu đối với người dự tuyển

4.1. Điều kiện dự thi

(1). Về văn bằng:

Các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với chuyên ngành dự thi		Quy định về học bổ sung kiến thức
Ngành đúng, ngành phù hợp	- Ngành tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh hoặc - Ngành tốt nghiệp đại học là ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh của	Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức khi dự thi

	Trường Đại học Lao động – Xã hội dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành	
Ngành gần	- Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau: Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may. - Ngành tốt nghiệp đại học là ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Lao động – Xã hội từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn hết hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 01 học phần: Quản trị chiến lược (02 tín chỉ/ học phần)
Ngành khác	a. Tốt nghiệp đại học thuộc một trong số các ngành sau: - Tài chính – Ngân hàng - Bảo hiểm - Kế toán - Kiểm toán - Khoa học quản lý - Quản lý công - Quản trị nhân lực - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị văn phòng - Quan hệ lao động - Quản lý dự án - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị khách sạn - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn hết hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 02 học phần: Quản trị chiến lược và Quản trị Marketing (02 tín chỉ/ học phần)
	b. Thí sinh tốt nghiệp không thuộc các ngành nêu trên	Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn hết hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 05 học phần: Kinh tế vi mô; Quản trị chiến lược; Quản trị Marketing; Quản trị học; Lý thuyết tổ

		chức; (02 tín chỉ/ học phần).
--	--	-------------------------------

(2). *Về thâm niên công tác, chuyên môn:*

+ Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

+ Thí sinh tốt nghiệp ngành khác phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

(3). *Lý lịch bản thân rõ ràng*, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

(4). *Có đủ sức khỏe để học tập.*

(5). *Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của trường.*

4.2 Đối tượng và chính sách ưu tiên

4.2.1. Đối tượng

a) Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái, công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động,;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại mục a nêu trên;

e) Con đẻ của người kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

4.2.2. Chính sách ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn thi chủ chốt nếu cả 02 môn thi đạt điểm trên 5, nếu một trong hai môn thi đạt điểm dưới 5 thì được cộng điểm vào môn thi đạt điểm dưới 5.

4.3. Môn thi tuyển sinh và điều kiện trúng tuyển

- Các môn thi tuyển:

+ **Tiếng Anh**

+ **Quản trị học (Môn chủ chốt)**

+ **Kinh tế học vi mô**

- Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của *Trường* thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ tiếng Anh trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp quy định theo bảng dưới đây:

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

- Điều kiện trúng tuyển:

+ Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, kiểm tra (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

+ Căn cứ chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi, kiểm tra của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

+ Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi, kiểm tra nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

b) Người có điểm cao hơn của môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành;

c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

+ Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được *Hiệu trưởng* căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

5. Điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và Quy định đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường, người học được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

- Đạt trình độ ngoại ngữ do *Hiệu trưởng* quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường;

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

- Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho *Trường* để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điều c, Khoản 2, Điều 33 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

d) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của *Trường* theo quy định tại Khoản 9, Điều 34 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

6. Chương trình đào tạo

6.1. Khái quát chương trình

Tổng số các học phần và số tín chỉ:

- Toàn bộ chương trình: 60 tín chỉ
- Tổng số học phần: 16 học phần

Nhóm các học phần:

Phần 1: Khối các kiến thức chung: 02 học phần

- Triết học: 04 tín chỉ
- Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh: 02 tín chỉ
- Tổng số: 06 tín chỉ, chiếm 10% tổng toàn bộ chương trình.

Phần 2: Kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 14 học phần

- *Các học phần bắt buộc*
- + Số học phần: 8 học phần
- + Số tín chỉ: 24 tín chỉ
- *Các học phần tự chọn:*
- + Số học phần: 6 học phần
- + Số tín chỉ: 18 tín chỉ

Tổng số tín chỉ của nhóm các học phần bắt buộc và tự chọn là 42 tín chỉ, chiếm 70% tổng toàn bộ chương trình

Phần 3: Luận văn thạc sĩ

Luận văn thạc sĩ: 12 tín chỉ, chiếm 20% tổng toàn bộ chương trình

Bảng 6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	Phần 1. Kiến thức chung	6
	- Triết học	4
	- Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2
2	Phần 2. Kiến thức cơ sở	15
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	9
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	6
3	Phần 3. Kiến thức chuyên ngành	27
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	15
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	12
4	Phần 4. Luận văn thạc sĩ	12
Tổng số		60

6.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo**Bảng 5.2. Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh**

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận
I.	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			6	4	2
1	QTNT	501	Triết học	4	3	1
2	QKPP	502	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2	1	1
II.	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			15	10	5
2.1	Các môn bắt buộc			9	6	3
1	QKVI	503	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3	2	1
2	QK VX	504	Kinh tế vi mô ứng dụng	3	2	1
3	QKQT	505	Quản trị chiến lược kinh doanh	3	2	1
2.2	Các môn tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần sau)			6	4	2
1	QKTĐ	511	Quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp	3	2	1
2	QKQL	512	Quản lý Nhà nước về kinh tế	3	2	1
3	QKPL	513	Pháp luật trong kinh doanh	3	2	1
4	QKKP	514	Kinh tế phát triển trong điều kiện hội nhập	3	2	1
III.	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			27	18	9
3.1	Các môn bắt buộc			15	10	5

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận
1	QKDA	506	Phân tích dự án đầu tư	3	2	1
2	QKRR	507	Quản trị rủi ro nâng cao	3	2	1
3	QKTH	508	Quản trị Thương hiệu	3	2	1
4	QKLĐ	508	Lãnh đạo doanh nghiệp	3	2	1
5	QKQN	510	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	3	2	1
3.2	Các môn tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần sau)			12	8	4
1	QKKT	515	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	2	1
2	QKKH	516	Quản trị quan hệ khách hàng	3	2	1
3	QKTN	517	Quản trị tác nghiệp	3	2	1
4	QKQT	518	Kinh doanh quốc tế	3	2	1
5	QKCC	519	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao	3	2	1
6	QKTM	520	Thương mại quốc tế	3	2	1
7	QKCT	521	Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp	3	2	1
8	QKVH	522	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	3	2	1
IV.	LUẬN VĂN THẠC SĨ			12	0	12
TỔNG CỘNG (I+II+III + IV)				60	32	28

7. Đề cương chi tiết các học phần

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG KINH DOANH

1. Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh;

Mã học phần: QKPP502

2. Số tín chỉ: 2 TC (20,16,47)

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	PGS. TS. Nguyễn Bá Ngọc	0913271694	bangoc_uls@yaho.com.vn
2	TS. Ngô Anh Cường	0827694608	cuong_tmc@yaho.com

5. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:* Học phần cung cấp cho học viên khái niệm về phương pháp nghiên cứu khoa học; quy trình nghiên cứu khoa học khi thực hiện một đề tài, một đề án; các phương pháp nghiên cứu thường sử dụng trong nghiên cứu khoa học; cách xử lý và phân tích dữ liệu; cách thức viết một báo cáo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu.

- *Về kỹ năng:* học viên sẽ được trang bị các kỹ năng để thực hiện một đề tài, đề án khoa học: kỹ năng xác định đề tài, xây dựng đề cương, chọn mẫu, thiết lập bảng hỏi, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu, trình bày dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu. Kết thúc học phần, học viên có thể tự mình triển khai một đề tài nghiên cứu khoa học độc lập hoặc tham gia làm các đề tài, đề án cùng với các nhóm nghiên cứu khoa học khác.

- *Về thái độ:* học viên cần nắm vững và biết cách triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học.

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần sẽ cung cấp cho học viên cao học ngành quản trị kinh doanh các nội dung cơ bản của quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học: xác định tên đề tài, đề cương nghiên cứu; phương pháp chọn mẫu, xây dựng bảng hỏi, thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu trong nghiên cứu; trình bày kết quả nghiên cứu...

7. Nhiệm vụ của học viên: học viên tham gia đầy đủ các buổi học ở trên lớp và hoàn thiện các yêu cầu về nội dung học tập của giảng viên.

8. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] Nguyễn Đình Thọ, Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, Nhà xuất bản Tài chính, 2014.

- *Tài liệu tham khảo:*

[2] Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, Nhà xuất bản Thống Kê, 2008.

[3] Trần Thị Kim Thu, Giáo trình lý thuyết thống kê, Nhà xuất bản Đại học KTQD, 2012.

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết, tự luận

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Chương I: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học	[1]	5	4	1	0	7.5
2	Chương II: Phương pháp nghiên cứu	[1]	10	5	5	0	12.5
3	Chương III: Phân tích và xử lý dữ liệu nghiên cứu	[2]	15	8	6	1	19.5
4	Chương IV: Trình bày kết quả nghiên cứu	[1]	6	3	3	0	7.5
Tổng cộng			36	20	15	1	47

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1.1 Khái niệm và mô hình nghiên cứu khoa học cơ bản

1.1.1 Khái niệm phương pháp nghiên cứu khoa học

1.1.2 Mô hình nghiên cứu khoa học cơ bản

1.2. Quy trình nghiên cứu khoa học

1.2.1 Giai đoạn chuẩn bị

1.2.1.1 Xác định tên đề tài nghiên cứu

1.2.1.2 Xây dựng đề cương nghiên cứu

1.2.1.3 Xác định phương pháp nghiên cứu

1.2.2 Giai đoạn triển khai nghiên cứu

1.2.2.1 Nghiên cứu tài liệu

1.2.2.2 Nghiên cứu định tính

1.2.2.3 Nghiên cứu định lượng

1.2.3 Giai đoạn kiểm tra kết quả nghiên cứu

1.2.3.1 Kiểm tra sơ bộ

1.2.3.2 Kiểm tra chính thức

1.2.4 Giai đoạn viết kết quả nghiên cứu

1.2.5 Giai đoạn viết báo cáo kết quả nghiên cứu

CHƯƠNG II: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Mẫu nghiên cứu

2.1.1 Khái niệm mẫu

2.1.2. Kích thước mẫu nghiên cứu

2.1.3 Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu

2.1.4 Phương pháp phân bổ mẫu nghiên cứu

2.2 Xây dựng bảng hỏi (phiếu phỏng vấn)

2.2.1 Khái niệm bảng hỏi

2.2.2 Yêu cầu và nguyên tắc xây dựng bảng hỏi

2.2.3 Thang đo sử dụng khi xây dựng bảng hỏi

2.2.4 Các loại câu hỏi sử dụng trong bảng hỏi

2.3 Thu thập dữ liệu nghiên cứu

2.3.1 Khái niệm và phân loại dữ liệu

2.3.2 Các phương pháp thu thập dữ liệu

2.4 Công cụ xử lý dữ liệu

2.5 Phương pháp phân tích dữ liệu

CHƯƠNG III: PHÂN TÍCH VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU (SỬ DỤNG PHẦN MỀM SPSS)

3.1 Nhập, khai báo dữ liệu và kiểm tra dữ liệu

3.1.1 Nhập, khai báo dữ liệu

3.1.2 Kiểm tra dữ liệu

3.2 Phân tích thống kê mô tả

3.2.1 Bảng thống kê

3.2.1.1 Bảng tần số giản đơn

3.2.1.2 Bảng kết hợp (từ 2 biến trở lên)

3.2.2 Đồ thị thống kê

3.2.3 Mô tả dữ liệu định lượng

3.3 Kiểm định giả thuyết nghiên cứu

3.3.1 Những vấn đề chung về kiểm định giả thuyết nghiên cứu

3.3.2 Các loại kiểm định thường dùng trong nghiên cứu

3.3.1 Kiểm định mối quan hệ giữa 2 biến định tính

3.3.2 Kiểm định sự khác biệt về trung bình của tổng thể

3.3.3 Kiểm định mối quan hệ giữa 2 biến định lượng

3.4 Phân tích tương quan và hồi quy

3.4.1 Phân tích tương quan

3.4.2 Phân tích hồi quy

3.4.2.1 Phân tích hồi quy đơn biến

3.4.2.2 Phân tích hồi quy đa biến

3.5 Đánh giá độ tin cậy của thang đo

3.6 Phân tích nhân tố

CHƯƠNG IV: VIẾT BÁO CÁO VÀ TRÌNH BÀY KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

5.1 Các bước khi viết báo cáo nghiên cứu

5.2 Khái quát cách trình bày báo cáo nghiên cứu

5.3 Trình bày báo cáo nghiên cứu

5.4 Đánh giá và phản biện báo cáo nghiên cứu

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

KINH TẾ VĨ MÔ NÂNG CAO

1. **Tên học phần:** Kinh tế vĩ mô nâng cao; **Mã học phần:** QKVI503
2. **Số tín chỉ:** 3 TC (40,10,85)
3. **Điều kiện tiên quyết:** Không
4. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	PGS. TS. Vũ Quang Thọ	0913.043.832	vuquangtho@yahoo.com
2	TS. Lương Xuân Dương	0934346576	lxduongldxh@gmail.com
3	TS. Nguyễn Thị Vân Anh	0975277276	bluewhite_83@yahoo.com

5. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức:

+ Hiểu được cách thức vận hành và những mối quan hệ kinh tế vĩ mô chủ yếu của một nền kinh tế thông qua các lý thuyết và mô hình kinh tế.

+ Hiểu và phân tích được bản chất của các biến động kinh tế vĩ mô và cách thức giải quyết chúng.

+ Hiểu được cách thức vận dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm góp phần giảm bớt các biến động kinh tế có tính chu kỳ trong một nền kinh tế.

- Về kỹ năng:

+ Có thể hiểu, phân tích, đánh giá các bài viết về kinh tế được bàn luận trên các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài và tạp chí,...

+ Có kỹ năng sử dụng một số phương pháp phân tích tối ưu, phân tích cân bằng tổng thể trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá các hiện tượng và sự kiện kinh tế vĩ mô.

+ Có khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá một số vấn đề kinh tế và chính sách kinh tế vĩ mô.

- Về thái độ:

+ Góp phần giúp học viên nâng cao hiểu biết về kinh tế, có khả năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá các hiện tượng, sự kiện và các chính sách kinh tế vĩ mô.

+ Xác lập ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tự rèn luyện nâng cao trình độ để có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, thất nghiệp,... Hệ thống các mục tiêu và công cụ kinh tế vĩ mô; các chính sách kinh tế vĩ mô; mô hình IS-LM và kinh tế vĩ mô trong điều kiện mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế

7. Nhiệm vụ của học viên

- Đến lớp đầy đủ trong suốt quá trình học

- Tự nghiên cứu và chuẩn bị bài trong giờ tự học, làm đầy đủ các bài chuẩn bị, bài thảo luận, bài tập theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện quy chế đào tạo của trường Đại học Lao động – Xã hội

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu bắt buộc:

[1]. N. Gregroy Mankiw, *Những nguyên lý của Kinh tế học (Tập II: Kinh tế học vĩ mô)*, NXB Thống kê, 2004.

[2]. Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công, *Giáo trình Kinh tế học (tập II)*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2013.

- Tài liệu tham khảo:

[3]. David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch, *Kinh tế học Vĩ mô*, Nhà xuất bản thống kê, 2009.

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (*Kết hợp tự luận với trắc nghiệm*).

- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

- + Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

- + Loại không đạt:

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Chương I. Tổng quan về kinh tế học vĩ mô	[1], [2], [3]	5	4	1		8,5
2	Chương II. Hệ thống, mục tiêu và công cụ kinh tế vĩ mô	[1], [2], [3]	6	5	1		10,5

3	Chương III. Tổng cầu và chính sách tài khóa	[1], [2], [3]	8	6	2		13
4	Chương IV. Tiền tệ và chính sách tiền tệ	[1], [2], [3]	8	6	2		13
5	Chương V. Mô hình IS – LM và các chính sách kinh tế vĩ mô trong một nền kinh tế đóng	[1], [2], [3]	12	10	2	1	21,5
7	Chương VI. Kinh tế học vĩ mô cho nền kinh tế mở	[1], [2], [3]	10	9	1		18,5
	Tổng số		50	40	9	1	85

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

1.1. Khoa học kinh tế vĩ mô

1.1.1. Kinh tế vĩ mô là gì?

1.1.2. Phương pháp nghiên cứu kinh tế vĩ mô

1.2. Số liệu của kinh tế vĩ mô

1.2.1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)

1.2.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

1.3. Một số vấn đề kinh tế vĩ mô cơ bản

1.3.1. Năng suất và tăng trưởng kinh tế

1.3.2. Chu kỳ kinh tế và sự thiếu hụt sản lượng

1.3.3. Tăng trưởng và thất nghiệp

1.3.4. Tăng trưởng và lạm phát

1.3.5. Lạm phát và thất nghiệp

1.3.6. Tiền tệ và lạm phát

CHƯƠNG II. HỆ THỐNG, MỤC TIÊU VÀ CÔNG CỤ KINH TẾ VĨ MÔ

2.1. Hệ thống kinh tế vĩ mô

2.1.1. Mô tả hệ thống kinh tế vĩ mô

2.1.2. Mô hình tổng cầu – tổng cung

2.2. Mục tiêu và công cụ kinh tế vĩ mô

2.2.1. Mục tiêu kinh tế vĩ mô

2.2.2. Công cụ kinh tế vĩ mô

CHƯƠNG III. TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

3.1. Lý thuyết của Keynes và ảnh hưởng đến tổng cầu

3.1.1. Các giả thiết của Keynes

3.1.2. Đường tổng chi tiêu và ảnh hưởng đến tổng cầu

3.1.3. Mô hình xác định sản lượng cân bằng

3.2. Chính sách tài khóa

3.2.1. Chính sách tài khóa chủ động

3.2.2. Cơ chế tự ổn định

3.2.3. Chính sách tài khóa và ngân sách chính phủ

CHƯƠNG IV. TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

4.1. Hệ thống tiền tệ và các công cụ điều tiết cung tiền

4.1.1. Tiền tệ và các loại tiền trong nền kinh tế

- 4.1.2. Hệ thống ngân hàng và cung tiền
- 4.1.3. Ngân hàng Trung ương và các công cụ điều tiết cung tiền

4.2. Lý thuyết ưa thích thanh khoản

- 4.2.1. Cung tiền và các nhân tố tác động đến cung tiền
- 4.2.2. Cầu tiền và các nhân tố tác động đến cầu tiền
- 4.2.3. Cân bằng thị trường tiền tệ

4.3. Tác động của chính sách tiền tệ

- 4.3.1. Cung tiền và lãi suất
- 4.3.2. Lãi suất, tổng chi tiêu và sản lượng cân bằng
- 4.3.3. Hiệu quả của chính sách tiền tệ

CHƯƠNG V. MÔ HÌNH IS – LM VÀ CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ TRONG MỘT NỀN KINH TẾ ĐÓNG

5.1. Mô hình IS – LM

- 5.1.1. Cân bằng thị trường tiền tệ: Đường LM
- 5.1.2. Cân bằng thị trường hàng hóa: Đường IS

5.2. Giải thích về sự thay đổi của thu nhập và lãi suất

- 5.2.1. Những thay đổi do đường LM dịch chuyển
- 5.2.2. Những thay đổi do đường IS dịch chuyển

5.3. Mô hình IS – LM với tư cách là lý thuyết về tổng cầu

- 5.3.1. Từ mô hình IS – LM đến đường tổng cầu
- 5.3.2. Phân tích IS – LM và AD – AS trong ngắn hạn và dài hạn

CHƯƠNG VI. KINH TẾ HỌC VĨ MÔ CHO NỀN KINH TẾ MỞ

6.1. Cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái

- 6.1.1. Cán cân thanh toán
- 6.1.2. Tỷ giá hối đoái
- 6.1.3. Lý thuyết ngang giá sức mua
- 6.1.4. Thị trường ngoại hối
- 6.1.5. Các hệ thống tỷ giá hối đoái

6.2. Chính sách tiền tệ và tài khóa trong một nền kinh tế mở

- 6.2.1. Mô hình Mundell – Fleming
- 6.2.2. Trường hợp vốn luân chuyển không hoàn hảo
- 6.2.3. Trường hợp vốn luân chuyển hoàn hảo

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

KINH TẾ VI MÔ ỨNG DỤNG

- 1. Tên học phần:** Kinh tế vi mô ứng dụng; **Mã học phần:** QK VX504
- 2. Số tín chỉ:** 3 TC (40,10,85)
- 3. Điều kiện tiên quyết:** Không
- 4. Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Doãn Thị Mai Hương	0904864518	huongdoanthimai@yahoo.com
2	PGS. TS. Vũ Quang Thọ	0913.043.832	vuquangtho@yahoo.com
3	TS. Hoàng Thanh Tùng	098.908.5078	hoangthanhtung15@gmail.com

5. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức:

+ Ứng dụng các lý thuyết, mô hình kinh tế cơ bản trong phân tích và ra các quyết định kinh doanh.

+ Hiểu rõ cách thức hoạt động trên thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố sản xuất trong điều kiện thị trường tự do và khi có sự can thiệp của Chính phủ. Ứng dụng để đánh giá tác động của một số chính sách đến các thành viên tham gia vào nền kinh tế và phúc lợi xã hội trong điều kiện hội nhập.

+ Nắm vững nguyên tắc ra quyết định kinh tế tối ưu của các tác nhân riêng rẽ (người tiêu dùng, người sản xuất...) trong nền kinh tế, đặc biệt trong điều kiện rủi ro.

- Kỹ năng:

+ Có thể hiểu, phân tích các bài về kinh tế được bàn luận trên các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài và tạp chí,...

+ Ứng dụng các lý thuyết kinh tế để lý giải, phân tích một số hiện tượng kinh tế diễn ra hàng ngày.

+ Ứng dụng các nguyên tắc kinh tế tối ưu để đưa ra được các quyết định kinh doanh.

- Thái độ:

+ Góp phần rèn luyện học viên trở thành người có tính cẩn thận và trách nhiệm khi đưa ra quyết định lựa chọn trong môi trường luôn biến động, đặc biệt trong điều kiện rủi ro.

+ Góp phần giúp học viên có khả năng quản trị tốt, tránh lãng phí các nguồn lực của bản thân, gia đình và xã hội từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong doanh nghiệp và các tổ chức nói chung.

6. Mô tả văn tắt nội dung của học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Mô hình kinh tế và phương pháp tối ưu hóa; Lý thuyết cung cầu thị trường và phúc lợi; Lựa chọn của người tiêu dùng và ứng dụng độ co giãn của cầu; Lý thuyết hành vi người sản xuất và tổ chức ngành; Thị trường các yếu tố sản xuất như tài nguyên, sức lao động.

7. Nhiệm vụ của học viên

- Đến lớp đầy đủ trong suốt quá trình học
- Tự nghiên cứu và chuẩn bị bài trong giờ tự học, làm đầy đủ các bài chuẩn bị, bài thảo luận, bài tập theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện quy chế đào tạo của trường Đại học Lao động – Xã hội

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu bắt buộc:
 - [1]. N. Gregory Mankiw, *Những nguyên lý Kinh tế học (Tập I: Kinh tế học vi mô)*, NXB Lao động – Xã hội, 2004.
 - [2]. Vũ Kim Dũng, Phạm Văn Minh, *Giáo trình Kinh tế học vi mô (Dành cho khối cao học kinh tế và Quản trị kinh doanh)*, NXB Hồng Đức, 2011.
- Tài liệu tham khảo:
 - [3]. David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch, *Kinh tế học Vi mô*, NXB thống kê, 2010.

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết (*Kết hợp tự luận với trắc nghiệm*).
- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình
D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu
+ Loại không đạt:
F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Chương I. Mô hình kinh tế và phương pháp tối ưu hóa	[1], [2], [3]	3	2	1		4,5
2	Chương II. Cung – Cầu: Thị trường và phúc lợi	[1], [2], [3]	12	10	2		21
3	Chương III: Lựa chọn của người tiêu dùng và ứng dụng độ co giãn của cầu	[1], [2], [3]	12	10	2		21
4	Chương IV. Lựa chọn trong điều kiện rủi ro	[1], [2], [3]	6	5	1		10,5
5	Chương V. Hành vi của doanh nghiệp và tổ chức ngành	[1], [2], [3]	11	8	2	1	17,5
6	Chương VI: Thị trường yếu tố sản xuất	[1], [2], [3]	6	5	1		10,5
	Tổng số		50	40	9	1	85

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I. MÔ HÌNH KINH TẾ VÀ PHƯƠNG PHÁP TỐI ƯU HÓA

1.1. Mô hình kinh tế

1.1.1. Các mô hình lý thuyết

1.1.2. Đặc điểm chung của các mô hình kinh tế

1.1.3. Các phương pháp biểu diễn các mối quan hệ kinh tế

1.2. Tối ưu hóa

1.2.1. Cấu trúc của bài toán tối ưu hóa

1.2.2. Một số phương pháp tối ưu hóa

CHƯƠNG II. CUNG – CẦU: THỊ TRƯỜNG VÀ PHÚC LỢI

2.1. Hoạt động của thị trường

2.1.1. Cung – cầu và trạng thái cân bằng

2.1.2. Thay đổi trạng thái cân bằng

2.2. Cung – cầu và chính sách của chính phủ

2.2.1. Kiểm soát giá

2.2.2. Chính sách thuế

2.3. Thị trường và phúc lợi

2.3.1. Thặng dư tiêu dùng, thặng dư sản xuất và hiệu quả của thị trường

2.3.2. Ứng dụng đánh giá tác động của thuế đến phúc lợi

2.3.3. Ứng dụng phân tích một số chính sách cơ bản trong thương mại quốc tế

CHƯƠNG III. LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ ỨNG DỤNG ĐỘ CO GIÃN CỦA CẦU

3.1. Lựa chọn của người tiêu dùng

3.1.1. Lựa chọn tiêu dùng tối ưu

3.1.2. Sự điều chỉnh đối với thay đổi của thu nhập

3.1.3. Sự điều chỉnh đối với thay đổi của giá

3.1.4. Hiệu ứng thu nhập và hiệu ứng thay thế

3.1.5. Thiết lập đường cầu

3.2. Độ co giãn của cầu và ứng dụng

3.2.1. Độ co giãn của cầu

3.2.2. Ứng dụng độ co giãn của cầu trong kinh doanh

CHƯƠNG IV. LỰA CHỌN TRONG ĐIỀU KIỆN RỦI RO

4.1. Rủi ro và ra quyết định trong điều kiện rủi ro

4.1.1. Mô tả rủi ro

4.1.2. Ra quyết định trong điều kiện rủi ro

4.2. Giảm rủi ro

4.2.1. Đa dạng hóa

4.2.2. Bảo hiểm

4.2.3. Rủi ro đạo đức và sự lựa chọn ngược

4.2.4. Giá trị của thông tin

4.2.5. Cầu về tài sản rủi ro

CHƯƠNG V. HÀNH VI CỦA DOANH NGHIỆP VÀ TỔ CHỨC NGÀNH

5.1. Sản xuất và chi phí

5.1.1. Hàm sản xuất

5.1.2. Chi phí và lợi nhuận

5.1.3. Các thước đo khác nhau về chi phí

5.1.4. Tính kinh tế quy mô và tính phi kinh tế quy mô

5.1.5. Các yếu tố làm giảm chi phí doanh nghiệp

5.2. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo

5.2.1. Đặc trưng của thị trường cạnh tranh hoàn hảo

5.2.2. Quyết định của doanh nghiệp trên thị trường cạnh tranh hoàn hảo

5.3. Độc quyền

5.3.1. Độc quyền và nguyên nhân dẫn đến độc quyền

5.3.2. Quyết định của doanh nghiệp trên thị trường độc quyền

5.4. Cạnh tranh độc quyền

5.4.1. Những đặc điểm cơ bản

5.4.2. Quyết định của doanh nghiệp trên thị trường cạnh tranh độc quyền

5.5. Độc quyền tập đoàn

5.5.1. Những đặc điểm cơ bản

5.5.2. Quyết định của doanh nghiệp trên thị trường độc quyền tập đoàn

CHƯƠNG VI. THỊ TRƯỜNG YẾU TỐ SẢN XUẤT

6.1. Thị trường lao động

6.1.1. Cân bằng thị trường lao động

6.1.2. Thay đổi trạng thái cân bằng thị trường lao động

6.2. Thị trường đất đai và tư bản

6.2.1. Trạng thái cân bằng trên thị trường đất đai và tư bản

6.2.2. Quyết định đầu tư vào tư bản mới

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

- 1. Tên học phần:** Quản trị chiến lược kinh doanh; **Mã học phần:** QKQT505
- 2. Số tín chỉ:** 03 TC (40,10,85)
- 3. Điều kiện tiên quyết:** Không
- 4. Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Thị Anh Trâm	0982551207	tramnguyen.ulsa@gmail.com
2	TS. Lục Mạnh Hiên	0906238118	hienlm@gmail.com

5. Mục tiêu của học phần

- *Kiến thức:*
 - + Nắm được khái niệm cơ bản về chiến lược, nhà quản trị chiến lược và nội dung cơ bản về quá trình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp.
 - + Hiểu, phân tích và đánh giá được những vấn đề liên quan đến quá trình hoạch định chiến lược như sứ mệnh, mục tiêu của doanh nghiệp, môi trường kinh doanh.
 - + Lựa chọn chiến lược theo các định hướng chiến lược cả 3 cấp (cấp doanh nghiệp, cấp kinh doanh và cấp chức năng).
 - + Hiểu, phân tích được những vấn đề liên quan đến triển khai thực hiện chiến lược qua công cụ bản đồ chiến lược; cách thức kiểm soát và điều chỉnh chiến lược qua thẻ điểm cân bằng BSC
- *Kỹ năng:*
 - + Rèn luyện kỹ năng tư duy chiến lược, hình thành “phản xạ” đối với các nhân tố chiến lược.
 - + Làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc phân tích, đánh giá và tổng hợp các vấn đề liên quan đến những tình huống quản trị chiến lược cụ thể.
- *Thái độ:*
 - + Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của quản trị chiến lược trong hoạt động kinh doanh.
 - + Có sự tự tin trong việc tìm hiểu và phân tích các vấn đề kinh tế nảy sinh trong thực tiễn sản xuất kinh doanh.

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này cung cấp những kiến thức về tư duy quản trị chiến lược hiện đại, đảm bảo sự cân bằng giữa hệ thống chiến lược và sự thay đổi của môi trường; triển khai thực hiện chiến lược qua bản đồ chiến lược; kiểm soát chiến lược trong doanh nghiệp bằng công cụ thẻ điểm cân bằng BSC.

7. Nhiệm vụ của học viên

- Học viên cần thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học phần theo hướng dẫn của giảng viên.
- Dự lớp: 70% số giờ trở lên
- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp
- Tham gia học tập và tìm hiểu thực tế học phần theo một nhóm học chính thức thuộc lớp học phần (bài tập nhóm).
- Tham gia nghe giảng đầy đủ và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.

- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

8. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1]. PGS.TS Ngô Kim Thanh, *Giáo trình Quản trị chiến lược*- NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2012

[2]. Fred R. David, *Quản trị chiến lược* - NXB Kinh tế TP. HCM, 2015

- *Tài liệu tham khảo:*

[3]. TS. Nguyễn Mạnh Hùng, TS. Lê Việt Long, TS. Đỗ Thị Thanh Vinh, Ths. Nguyễn Kim Nam, *Giáo trình quản trị chiến lược*, NXB Phương Đông.

[4]. PGS.TS Lê Thế Giới, TS. Nguyễn Thanh Liêm, Ths. Trần Hữu Hải, *Quản trị chiến lược*, NXB Thống kê, 2007.

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (Tự luận - trắc nghiệm)
- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Chương I. Tổng quan về Quản trị chiến lược	[1], [2]	10	10			20

2	Chương II. Xây dựng chiến lược kinh doanh	[1], [2]	16	12	4		26
3	Chương III. Xây dựng bản đồ chiến lược	[1], [2], [3]	12	10	2		21
4	Chương IV. Kiểm soát chiến lược qua thẻ điểm cân bằng	[1], [2], [4]	12	8	4		18
	Tổng số		50	40	10		85

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

1.1. Khái niệm, vai trò của quản trị chiến lược

1.2.1. Các khái niệm chiến lược và quản trị chiến lược

1.2.2. Vai trò của quản trị chiến lược

1.2. Mô hình quản trị chiến lược

1.4.1. Mô hình quản trị chiến lược tổng quát

1.4.2. Mô hình ba giai đoạn quản trị chiến lược

1.3. Các cấp quản trị chiến lược

1.3.1. Chiến lược cấp doanh nghiệp

1.3.2. Chiến lược kinh doanh

1.3.3. Chiến lược cấp chức năng.

1.4. Nhà quản trị chiến lược

1.4.1. Khái niệm và vai trò của nhà quản trị chiến lược

1.4.2. Yêu cầu về năng lực của nhà quản trị chiến lược

1.5. Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược

1.5.1. Xác định nhiệm vụ của doanh nghiệp

1.5.2. Mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp

1.5.3. Trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh

CHƯƠNG II. XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

2.1. Phân tích môi trường kinh doanh

2.1.1. Môi trường vĩ mô

2.1.2. Môi trường vi mô

2.2. Phân tích môi trường nội bộ doanh nghiệp

2.2.1. Phân tích chuỗi giá trị

2.2.2. Phân tích theo tiềm năng các nguồn lực của doanh nghiệp

2.3. Lựa chọn định hướng chiến lược

CHƯƠNG III. XÂY DỰNG BẢN ĐỒ CHIẾN LƯỢC

3.1. Các nguyên tắc xây dựng và mô hình bản đồ chiến lược tổng quát

3.1.1. Các nguyên tắc xây dựng bản đồ chiến lược

3.1.2. Mô hình bản đồ chiến lược tổng quát

3.2. Xây dựng các mục tiêu chiến lược

- 3.2.1. Giá trị dài hạn của cổ đông
- 3.2.2. Tập hợp giá trị cung ứng cho khách hàng

3.3. Xây dựng các quy trình tạo giá trị

- 3.3.1. Các quy trình quản trị vận hành
- 3.3.2. Các quy trình quản trị khách hàng
- 3.3.3. Các quy trình đổi mới

3.4. Gắn kết các nguồn lực với chiến lược

- 3.4.1. Sự sẵn sàng của nguồn nhân lực
- 3.4.2. Sự sẵn sàng của nguồn lực thông tin
- 3.4.3. Sự sẵn sàng của nguồn vốn tổ chức

3.5. Điều chỉnh bản đồ chiến lược theo chiến lược của doanh nghiệp

- 3.5.1. Chiến lược dẫn đầu về chi phí
- 3.5.2. Chiến lược dẫn đầu về sản phẩm
- 3.5.3. Chiến lược giải pháp khách hàng toàn diện
- 3.5.4. Chiến lược khóa chặt vào hệ thống

CHƯƠNG IV. KIỂM SOÁT CHIẾN LƯỢC QUA THẺ ĐIỂM CÂN BẰNG

4.1. Khái niệm và vai trò của kiểm soát chiến lược

- 4.1.1. Khái niệm kiểm soát chiến lược
- 4.1.2. Vai trò của kiểm soát chiến lược

4.2. Thẻ điểm cân bằng BSC

- 4.2.1. Đo lường khía cạnh tài chính
- 4.2.2. Đo lường khía cạnh khách hàng
- 4.2.3. Đo lường khía cạnh quy trình nội bộ
- 4.2.4. Đo lường khía cạnh học tập và tăng trưởng
- 4.2.5. Kết nối các thước đo của thẻ điểm cân bằng với chiến lược

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ SỰ THAY ĐỔI TRONG DOANH NGHIỆP

1. **Tên học phần:** Quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp; **Mã học phần:** QKTĐ511
2. **Số tín chỉ:** 3 TC (40,10,85)
3. **Điều kiện tiên quyết:** Không
4. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Duy Phương	941411618	nguyenduyphuong@ulsa.edu.vn
2	PGS. TS. Lê Thanh Hà	942162962	halinhoanh@yahoo.com

5. Mục tiêu của học phần

- Về kiến thức:

+ Sau khi học xong học phần này học viên cần phải hiểu được các nội dung kiến thức liên quan đến quản trị sự thay đổi trong kinh doanh nói chung và các doanh nghiệp cụ thể:

+ Nắm rõ phương pháp tiếp cận cơ bản để làm rõ bản chất của sự thay đổi, các hình thức thay đổi trong doanh nghiệp và nội dung quản trị sự thay đổi cơ cấu tổ chức doanh nghiệp.

+ Hoạch định các bước cho việc thay đổi trong doanh nghiệp

+ Hiểu được cách tổ chức thực hiện chương trình thay đổi hiệu quả.

+ Thích ứng, thay đổi liên tục trong môi trường kinh doanh hiện đại

- Về kỹ năng

+ Nhận diện các vấn đề cần thay đổi trong mô hình tổ chức doanh nghiệp hoặc mô hình kinh doanh cụ thể

+ Lập kế hoạch thay đổi trong ngắn hạn và dài hạn tại một doanh nghiệp cụ thể.

+ Vận dụng những vấn đề lý luận về sự thay đổi và quản trị sự thay đổi để nhận xét, liên hệ với thực tiễn quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp.

+ Phân tích đánh giá khả năng thích ứng với sự thay đổi trong doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh hiện đại.

+ Phát triển kỹ năng tư duy logic, kỹ năng xử lý tình huống và ra quyết định, phát triển kỹ năng tự học và nghiên cứu, kỹ năng tra cứu thông tin, kỹ năng giao tiếp hai chiều, kỹ năng làm việc nhóm.

- Về thái độ

+ Nhận thức tầm quan trọng của việc quản trị sự thay đổi trong hoạt động kinh doanh và tổ chức doanh nghiệp, từ đó có thái độ tích cực rèn luyện các kỹ năng và năng lực của cá nhân để đáp ứng các yêu cầu trong công việc.

+ Nhận thức tầm quan trọng của việc phân tích tác động của từng bước thay đổi, từ đó có những lựa chọn phù hợp khi hoạch định thay đổi trong doanh nghiệp.

+ Nhận thức nhưng vấn đề trong quá trình thay đổi, tìm kiếm giải pháp để sự thay đổi diễn ra theo đúng mục tiêu của nhà quản lý.

+ Nhận thức những ưu điểm, lợi ích của việc quản trị sự thay đổi về tổ chức doanh nghiệp hoặc mô hình kinh doanh từ đó vận dụng cho phù hợp với các tình huống cụ thể trong hoạt động kinh doanh.

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức sau: Cơ sở lý luận về sự thay đổi trong doanh nghiệp; Hoạch định sự thay đổi trong doanh nghiệp;

Các vấn đề thường gặp và phương pháp tiếp cận để thay đổi cơ cấu doanh nghiệp; Các bước tiến hành thay đổi cơ cấu doanh nghiệp; Quản trị sự thay đổi trong thế kỷ 21; và thực hành quản trị sự thay đổi trong một số tình huống minh họa cụ thể.

7. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: 70% số giờ trở lên
- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp
- Tham gia học tập và tìm hiểu thực tế học phần theo một nhóm học chính thức thuộc lớp học phần (có bài tập nhóm nộp cuối kỳ theo yêu cầu của Giảng viên).
- Tham gia nghe giảng đầy đủ và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu bắt buộc:

[1]. GS. TS. Nguyễn Thành Độ - PGS. TS. Nguyễn Ngọc Huyền, *Giáo trình quản trị kinh doanh* (tái bản lần 8), NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2015.

[2]. John P. Kotter (Dịch Giả Vũ Thái Hà, Lê Bảo Luân, Bùi Thu Hà), *Dẫn dắt sự thay đổi*, NXB Lao động Xã hội, 2018.

- Tài liệu tham khảo:

[3]. Harvard, *Quản lý sự thay đổi và chuyển tiếp*, Biên dịch: Trần Thị Bích Nga và Phạm Ngọc Sáu, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi kết hợp tự luận với trắc nghiệm
- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Cơ sở lý luận về sự thay đổi trong doanh nghiệp	[1]	6	5	1	0	10.5
2	Hoạch định sự thay đổi trong doanh nghiệp	[1]	6	5	1	0	10.5
3	Thay đổi cơ cấu doanh nghiệp	[1] [2]	11	9	2	0	19
4	Các bước tiến hành thay đổi cơ cấu doanh nghiệp	[2]	11	8	1	1	17
5	Quản trị sự thay đổi trong thế kỷ 21	[2]	8	7	2	0	15
6	Thực hành quản trị sự thay đổi	[1] [2]	8	6	2	0	13
	Tổng số		50	40	9	1	85

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ SỰ THAY ĐỔI TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Các khái niệm cơ bản

1.1.1 Sự thay đổi

1.1.2. Sự phát triển

1.1.3. Các phương thức thay đổi trong kinh doanh, doanh nghiệp cơ bản

1.2. Sự cần thiết quản trị thay đổi trong kinh doanh

1.2.1. Tính tất yếu của thay đổi và phát triển doanh nghiệp

1.2.2. Nhận thức về sự thay đổi trong doanh nghiệp

1.3. Các phương thức thay đổi trong doanh nghiệp

1.3.1. Các phương thức thay đổi và phát triển về lượng

1.3.2. Các phương thức thay đổi và phát triển về chất

CHƯƠNG 2: HOẠCH ĐỊNH SỰ THAY ĐỔI TRONG DOANH NGHIỆP

2.1. Căn cứ

2.1.1. Đối tượng, nhu cầu thay đổi

2.1.2. Các lực lượng (nhân tố) thúc đẩy và cản trở sự thay đổi

2.2. Nội dung

2.2.1. Xác định đối tượng thay đổi

2.2.2. Xác hướng tiếp cận và giải pháp cần thiết

2.2.3. Xác định thời điểm, tiến độ

CHƯƠNG 3: THAY ĐỔI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

3.1. Các vấn đề thường gặp.

3.1.1. Thay đổi cấu trúc doanh nghiệp

3.1.2. Lý do thất bại

3.2. Phương pháp tiếp cận

3.2.1. Tiếp cận nguồn lực

3.2.2 Tiếp cận mục tiêu

3.2.3 Tiếp cận quy trình

CHƯƠNG 4. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH THAY ĐỔI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

4.1. Chuẩn bị

4.1.1. Xác định vấn đề trong mô hình tổ chức hiện tại

4.1.2. Thành lập nhóm chuyên trách

4.1.3. Xây dựng và Phát triển tầm nhìn, chiến lược

4.2. Thực hiện

4.2.1. Truyền thông sự thay đổi trong doanh nghiệp

4.2.2. Phân quyền triển khai thay đổi cơ cấu doanh nghiệp

4.3. Cải tiến và duy trì.

4.3.1. Đánh giá kết quả

4.3.2. Điều chỉnh, củng cố sự thay đổi tốt

CHƯƠNG 5: QUẢN TRỊ SỰ THAY ĐỔI TRONG MÔI TRƯỜNG KINH DOANH HIỆN ĐẠI.

5.1. Mô hình tổ chức doanh nghiệp cho tương lai

5.1.1. Tác động của môi trường

5.1.2. Nhu cầu của các doanh nghiệp

6.1. Lãnh đạo và học tập

CHƯƠNG 6: THỰC HÀNH QUẢN TRỊ SỰ THAY ĐỔI

6.1. Tìm hiểu các mô hình quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

6.2. Nguyên tắc sử dụng mô hình quản trị sự thay đổi

6.3. Một số phương pháp áp dụng cơ bản

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

- 1. Tên học phần:** Quản lý nhà nước về kinh tế; **Mã học phần:** QKQL512
2. Số tín chỉ: 03 TC (40,10,85)
3. Điều kiện tiên quyết: Không
4. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Doãn Thị Mai Hương	0904864518	huongdoanthimai@yahoo.com
2	PGS. TS. Nguyễn Bá Ngọc	0913271694	bangoc_ulsa@yahoo.com.vn

5. Mục tiêu của học phần

-Về kiến thức:

- + Hiểu được sự cần thiết phải có quản lý nhà nước về kinh tế; Mục tiêu, chức năng, nguyên tắc, phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế
- + Nắm vững các công cụ và bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế
- + Nắm được các nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, đối với kinh tế đối ngoại

- Về kỹ năng:

- + Kỹ năng nắm bắt thông tin, phân tích và ứng dụng thực tế về các hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế
- + Vận dụng, triển khai các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế trên thực tế

- Về thái độ:

- + Nghiêm túc tuân thủ pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- + Tôn trọng luật pháp, đề cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
- + Nghiêm túc trong các hoạt động quản lý

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức sau: Vai trò và sự cần thiết của quản lý nhà nước về kinh tế; Mục tiêu, chức năng và nguyên tắc QLNN về kinh tế; Công cụ, phương pháp và bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế; Hoạt động quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, với kinh tế đối ngoại.

7. Nhiệm vụ của học viên

- Đến lớp đầy đủ trong suốt quá trình học
- Tự nghiên cứu và chuẩn bị bài trong giờ tự học, làm đầy đủ các bài chuẩn bị, bài thảo luận, bài tập theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện quy chế đào tạo của trường Đại học Lao động – Xã hội

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu bắt buộc

[1]. Giáo trình “ *Quản lý nhà nước về kinh tế*”, Chủ biên: GS.TS.Phan Huy Đường; NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015. (HLBB 1)

- Tài liệu tham khảo:

[2]. GS.TS. Đỗ Hoàng Toàn, PGS.TS. Mai Văn Bưu, Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế, NXB Lao động Xã hội, 2005

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết, hình thức: Trắc nghiệm + Tự luận

- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm:

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)					Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	BTL	KT	
1	Chương I: Tổng quan về quản lý nhà nước về kinh tế.	[1]	6	6	0	0	0	12
2	Chương II: Mục tiêu, chức năng và nguyên tắc QLNN về kinh tế	[1]; [2]	8	6	2	0	0	13
3	Chương III: Công cụ và phương pháp quản lý của nhà nước về kinh tế	[1]; [2]	10	8	2	0	0	17
4	Chương IV: Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế.	[1]; [2]	8	6	2	0	0	13
5	Chương V: Quản lý	[1]; [2]	10	8	1	0	1	17

	nhà nước đối với doanh nghiệp							
	Chương VI: Quản lý nhà nước với kinh tế đối ngoại.	[1]; [2]	8	6	2	0	0	13
	Tổng số		50	40	9	0	1	85

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; BTL: Bài tập lớn.

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

1.1. Sự cần thiết khách quan của quản lý Nhà nước về kinh tế

1.1.1. Nhà nước và vai trò quản lý nhà nước

1.1.2. Sự cần thiết phải có quản lý nhà nước về kinh tế

1.2. Đặc điểm và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế

1.2.1. Đặc điểm của quản lý nhà nước về kinh tế

1.2.2. Nội dung của quản lý nhà nước về kinh tế

1.3. Kinh tế thị trường và quản lý nhà nước

1.3.1. Kinh tế thị trường

1.3.2. Nhà nước với nền kinh tế thị trường

CHƯƠNG II: MỤC TIÊU, CHỨC NĂNG VÀ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

2.1. Mục tiêu quản lý nhà nước về kinh tế

2.1.1. Mục tiêu tối cao

2.1.2. Mục tiêu cơ bản

2.2. Chức năng của quản lý nhà nước về kinh tế

2.2.1. Chức năng định hướng sự phát triển cho nền kinh tế

2.2.2. Chức năng tạo lập môi trường cho sự phát triển kinh tế

2.2.3. Chức năng điều tiết hoạt động kinh tế

2.2.4. Chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động kinh tế

2.3. Nguyên tắc trong quản lý nhà nước về kinh tế

2.3.1. Nguyên tắc thống nhất chính trị và kinh tế

2.3.2. Nguyên tắc tập trung dân chủ

2.3.3. Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và theo lãnh thổ

2.3.4. Nguyên tắc phân định và kết hợp QLNN về kinh tế với quản lý doanh nghiệp

2.3.5. Nguyên tắc tăng cường pháp chế XHCN trong QLNN về kinh tế

CHƯƠNG III: CÔNG CỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

3.1. Công cụ trong quản lý nhà nước về kinh tế

3.1.1. Pháp luật

3.1.2. Kế hoạch hóa

3.1.3. Các chính sách điều hành

3.1.4. Tài sản quốc gia

3.2. Phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế

3.2.1. Phương pháp hành chính

3.2.2. Phương pháp kinh tế

3.2.3. Phương pháp giáo dục, thuyết phục

CHƯƠNG IV: BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

4.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế

4.1.1. Khái niệm và đặc điểm

4.1.2. Vai trò của bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế

4.2. Hệ thống bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tại VN

4.2.1. Các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế ở cấp trung ương

4.2.2. Các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế ở cấp địa phương

4.2.3. Công chức quản lý nhà nước về kinh tế

Chương V: Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp

5.1. Các loại hình doanh nghiệp theo pháp lý

5.1.1. Doanh nghiệp một chủ sở hữu

5.1.2. Doanh nghiệp đa sở hữu

5.2. Chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp

5.2.1. Chức năng định hướng

5.2.2. Chức năng tạo lập môi trường kinh doanh cho DN

5.2.3. Chức năng điều tiết thị trường

5.2.4. Chức năng thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm

5.3. Nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp

5.3.1. Quản lý doanh nghiệp bằng pháp luật

5.3.2. Quản lý doanh nghiệp bằng các chính sách

CHƯƠNG VI: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỚI KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

6.1. Kinh tế đối ngoại

6.1.1. Khái niệm và vai trò của nhà nước trong kinh tế đối ngoại

6.1.2. Chức năng của kinh tế đối ngoại

6.1.3. Quan điểm của Đảng và nhà nước về kinh tế đối ngoại

6.2. Phạm vi quản lý nhà nước trong kinh tế đối ngoại

6.2.1. Quản lý nhà nước trong thương mại quốc tế

6.2.1. Trong hoạt động đầu tư nước ngoài, hợp tác và chuyển giao KHCN

6.3. Nội dung quản lý nhà nước trong kinh tế đối ngoại

6.3.1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để phát triển các hình thức KTĐN

6.3.2. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật

6.3.3. Nhà nước sử dụng các chính sách hỗ trợ cho các hình thức KTĐN

6.3.4. Quản lý nhà nước đối với xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ

6.3.5. Quản lý nhà nước đối với đầu tư nước ngoài; chuyển giao công nghệ, thương hiệu

6.3.6. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức và cung cấp thông tin, giúp đỡ các doanh nghiệp tiếp cận với thị trường nước ngoài

6.3.7. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, xử lý vi phạm trong KTĐN

6.3.8. Đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng CBCC hoạt động trong lĩnh vực KTĐN

6.3.9. Bảo đảm ổn định chính trị và chính sách kinh tế; xây dựng cơ sở hạ tầng, văn hoá, xã hội, giáo dục, ý tế... phù hợp với phát triển kinh tế đối ngoại

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Thời lượng của học phần là 3 TC được phân bổ 40 tiết lý thuyết và 10 tiết thảo luận.

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÁP LUẬT TRONG KINH DOANH

1. **Tên học phần:** Pháp luật trong kinh doanh; **Mã học phần:** QKPL513
2. **Số tín chỉ:** 03TC (40, 10, 85).
3. **Điều kiện tiên quyết:** Không
4. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Khuất Thị Thu Hiền	0903314073	hienktt2000@yahoo.com.vn
2	TS. Đào Xuân Hội	904236027	xuanhoi2000@yahoo.com
3	TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	0984328948	vanluat72@yahoo.com

5. Mục tiêu của học phần:

- Về kiến thức:

+ Có những hiểu biết toàn diện về các hoạt động thương mại chủ yếu do thương nhân tiến hành;

+ Nắm được các đặc trưng pháp lý của các hoạt động mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ thương mại, trung gian thương mại, xúc tiến thương mại, đấu thầu, đấu giá, dịch vụ logistics và một số hoạt động thương mại khác;

+ Nắm được quy định về quyền và nghĩa cơ bản của thương nhân khi tiến hành các hoạt động thương mại nói trên;

+ Nắm được quy định cơ bản về hình thức và nguyên tắc áp dụng chế tài trong thương mại;

+ Có những hiểu biết căn bản về tranh chấp thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại trong nền kinh tế thị trường;

+ Nắm được bản chất của trọng tài thương mại, các hình thức trọng tài và nguyên tắc cơ bản của tổ tụng trọng tài cũng như ưu điểm và hạn chế của thủ tục tổ tụng này;

+ Hiểu biết về vai trò hỗ trợ của cơ quan tư pháp đối với hoạt động trọng tài;

+ Trình bày được trình tự, thủ tục giải quyết một vụ tranh chấp thương mại theo thủ tục trọng tài.

- Về kỹ năng:

+ Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của luật thương mại.

+ Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh;

+ Vận dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong thương mại;

+ Vận dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại;

+ Vận dụng kiến thức về thương mại và giải quyết tranh chấp thương mại để tham

gia trực tiếp vào việc giải quyết tranh chấp thương mại;

+ Có kĩ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.

- Về thái độ:

+ Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do hợp đồng, quyền tự do hoạt động thương mại của tổ chức, cá nhân;

+ Hình thành thái độ khách quan đối với những phương thức giải quyết tranh chấp thương mại khác nhau, đặc biệt là các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài toà án.

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức sau: Pháp luật về mua bán hàng hoá; Những vấn đề chung về cung ứng dịch vụ thương mại ; Pháp luật về đại diện cho thương nhân và môi giới thương mại ; Pháp luật về uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lí thương mại; Pháp luật về khuyến mại và quảng cáo thương mại; Pháp luật về dịch vụ logistics; Pháp luật về đấu giá hàng hoá; Pháp luật về đấu thầu hàng hoá, dịch vụ; Pháp luật về một số hoạt động thương mại khác; Chế tài thương mại ; Những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại ; Thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại; Pháp luật về cạnh tranh

7. Nhiệm vụ của học viên

- Đến lớp đầy đủ trong suốt quá trình học

- Tự nghiên cứu và chuẩn bị bài trong giờ tự học, làm đầy đủ các bài chuẩn bị, bài thảo luận, bài tập theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện quy chế đào tạo của trường Đại học Lao động – Xã hội

8. Tài liệu học tập

-Tài liệu bắt buộc:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật thương mại Việt Nam* (tập 2), NXB Tư pháp, 2017.

[2]. TS. Nguyễn Thị Dung, *Hướng dẫn môn học luật thương mại* (tập 2), NXB Lao động, 2014.

- Tài liệu tham khảo:

[3]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học* (thuật ngữ luật kinh tế), Nxb. CAND, Hà Nội, 2000.

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Tiểu luận

- Phương thức đánh giá học phần:

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân

với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Nội dung	Tài liệu sử dụng	Phân bổ thời gian (giờ)					TH (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	BTL	KT	
1.	Vấn đề 1. Pháp luật về mua bán hàng hoá Vấn đề 2. Những vấn đề chung về cung ứng dịch vụ thương mại	[1], [2]	5	4	1			8.5
2.	Vấn đề 3. Pháp luật về đại diện cho thương nhân và môi giới thương mại	[1], [2]	5	4	1			8.5
3.	Vấn đề 4. Pháp luật về uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lý thương mại	[1], [2]	5	4	1			8.5
4.	Vấn đề 5. Pháp luật về khuyến mại và quảng cáo thương mại	[1], [2]	5	4	1			8.5
5.	Vấn đề 6. Pháp luật về dịch vụ logistics	[1], [2]	5	4	1			8.5
6.	Vấn đề 7. Pháp luật về đấu giá hàng hoá	[1], [2]						8.5
7.	Vấn đề 8. Pháp luật về đấu thầu hàng hoá, dịch vụ	[1], [2]	5	4			1	8.5
8.	Vấn đề 9. Pháp luật về một số hoạt động thương mại khác Vấn đề 10. Chế tài thương mại	[1], [2]	5	4	1			8.5
9.	Vấn đề 11. Những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại Vấn đề 12. Thủ tục giải	[1], [2]	5	4	1			8.5

	quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương							
10.	Vấn đề 13. Pháp luật về cạnh tranh	[1], [2]	5	4	1			8.5
	Tổng số		50	40	9		1	85

B. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Pháp luật về mua bán hàng hoá

1.1. Khái quát về mua bán hàng hoá

1.1.1. Khái niệm mua bán hàng hoá

1.1.2. Nguồn luật điều chỉnh các quan hệ mua bán hàng hoá

1.2. Hợp đồng mua bán hàng hoá trong thương mại

1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hoá

1.2.2. Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hoá

1.3. Giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá

1.4. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hoá

1.5. Thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá

1.6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hoá

Chương 2. Những vấn đề chung về cung ứng dịch vụ thương mại

2.1. Khái niệm, đặc điểm của dịch vụ

2.2. Khái niệm, đặc điểm của cung ứng dịch vụ thương mại

2.3. Các dịch vụ thương mại theo Luật thương mại năm 2005

2.4. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng cung ứng dịch vụ thương mại

2.4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ thương mại

2.4.2. Quyền và nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ thương mại

Chương 3. Pháp luật về đại diện cho thương nhân và môi giới thương mại

3.1. Đại diện cho thương nhân

3.1.1. Khái niệm, đặc điểm

3.1.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ đại diện cho thương nhân

3.1.3. Chấm dứt hợp đồng đại diện cho thương nhân

3.2. Môi giới thương mại

3.2.1. Khái niệm, đặc điểm

3.2.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ môi giới thương mại

Chương 4. Pháp luật về uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lý thương mại

4.1. Uỷ thác mua bán hàng hoá

4.1.1. Khái niệm, đặc điểm

4.1.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ uỷ thác mua bán hàng hoá

4.2. Đại lý thương mại

4.2.1. Khái niệm, đặc điểm

4.2.2. Các hình thức đại lý

4.2.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ đại lý

4.2.4. Chấm dứt hợp đồng đại lý

Chương 5. Pháp luật về khuyến mại và quảng cáo thương mại

5.1. Khuyến mại

5.1.1. Khái niệm, đặc điểm

5.1.2. Các hình thức khuyến mại và hạn mức khuyến mại

5.1.3. Thủ tục thực hiện khuyến mại

5.1.4. Các hoạt động khuyến mại bị cấm thực hiện

5.2. Quảng cáo thương mại

5.2.1. Khái niệm, đặc điểm

5.2.2. Nội dung và phương tiện quảng cáo thương mại

5.2.3. Các chủ thể tham gia vào quá trình quảng cáo

5.2.4. Thủ tục thực hiện quảng cáo thương mại

5.2.5. Các hoạt động quảng cáo thương mại bị cấm thực hiện

Chương 6. Pháp luật về dịch vụ logistics

6.1. Khái niệm và đặc điểm của dịch vụ logistics

6.2. Chuỗi dịch vụ logistics

6.3. Hợp đồng dịch vụ logistics

6.4. Điều kiện để kinh doanh dịch vụ logistics và giới hạn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics.

Chương 7. Pháp luật về đấu giá hàng hoá

7.1. Khái niệm và đặc điểm của đấu giá hàng hoá

7.1.1. Khái niệm đấu giá hàng hoá

7.1.2. Đặc điểm của đấu giá hàng hoá

7.2. Các hình thức đấu giá hàng hoá

7.2.1. Đấu giá theo phương thức trả giá lên và đấu giá theo phương thức đặt giá xuống

7.2.2. Đấu giá dùng lời nói và đấu giá không dùng lời nói

7.3. Chủ thể tham gia vào quan hệ đấu giá hàng hoá

7.3.1. Người bán hàng hoá

7.3.2. Người tổ chức bán đấu giá hàng hoá và người điều hành bán đấu giá

7.3.3. Người mua hàng hoá

7.4. Nguyên tắc cơ bản trong đấu giá hàng hoá

7.4.1. Nguyên tắc công khai

7.4.2. Nguyên tắc trung thực

7.4.3. Nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tham gia

7.5. Thủ tục và trình tự đấu giá hàng hoá

7.5.1. Lập hợp đồng dịch vụ tổ chức bán đấu giá

7.5.2. Xác định giá khởi điểm

7.5.3. Chuẩn bị bán đấu giá hàng hoá

7.5.4. Tiến hành đấu giá hàng hoá

7.5.5. Hoàn thành văn bản bán đấu giá hàng hoá

Chương 8. Pháp luật về đấu thầu hàng hoá, dịch vụ

8.1. Khái niệm và đặc điểm của đấu thầu hàng hoá, dịch vụ

8.1.1. Khái niệm đấu thầu hàng hoá, dịch vụ

8.1.2. Đặc điểm của đấu thầu hàng hoá, dịch vụ

8.2. Phân loại đấu thầu hàng hoá, dịch vụ

8.2.1. Đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế

8.2.2. Đấu thầu một túi hồ sơ và đấu thầu hai túi hồ sơ

8.3. Nguyên tắc cơ bản trong đấu thầu hàng hoá, dịch vụ

8.3.1. Nguyên tắc coi trọng tính hiệu quả

8.3.2. Nguyên tắc cạnh tranh với điều kiện ngang nhau

8.3.3. Nguyên tắc thông tin đầy đủ, công khai

8.3.4. Nguyên tắc bảo mật thông tin đấu thầu

8.3.5. Nguyên tắc đánh giá khách quan, công bằng

8.4. Thủ tục và trình tự đấu thầu hàng hoá, dịch vụ

8.4.1. Mời thầu

8.4.2. Dự thầu

8.4.3. Mở thầu

8.4.4. Đánh giá và so sánh hồ sơ dự thầu

8.4.5. Xếp hạng và lựa chọn nhà thầu

8.4.6. Thông báo kết quả thầu và kí kết hợp đồng

Chương 9. Pháp luật về một số hoạt động thương mại khác

9.1. Gia công trong thương mại

9.1.1. Khái niệm và đặc điểm gia công trong thương mại

9.1.2. Hợp đồng gia công trong thương mại

9.2. Cho thuê hàng hoá

9.2.1. Khái niệm và đặc điểm cho thuê hàng hoá

9.2.2. Hợp đồng cho thuê hàng hoá

9.3. Dịch vụ giám định

9.3.1. Khái quát dịch vụ giám định

9.3.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ giám định

Chương 10. Chế tài thương mại

10.1. Khái niệm chế tài thương mại

10.2. Căn cứ áp dụng chế tài thương mại

10.3. Các hình thức chế tài thương mại

10.4. Miễn trách nhiệm

Chương 11. Những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại

11.1. Khái quát về tranh chấp thương mại

11.2. Giải quyết tranh chấp thương mại tại toà án

11.2.1. Bản chất của việc giải quyết tranh chấp tại toà án

11.2.2. Thẩm quyền của toà án về giải quyết tranh chấp thương mại

11.2.3. Sơ lược về các giai đoạn xét xử tại toà án (chỉ giới thiệu sơ lược nếu sinh viên chưa học luật tố tụng dân sự).

11.3. Các hình thức giải quyết tranh chấp ngoài toà án

11.3.1. Thương lượng

11.3.2. Hoà giải

11.3.3. Trọng tài thương mại

Chương 12. Thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại

12.1. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại

12.1.1. Nguyên tắc thoả thuận trọng tài

12.1.2. Nguyên tắc trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư, phải căn cứ vào pháp luật và tôn trọng sự thoả thuận của các bên khi giải quyết tranh chấp

12.1.3. Nguyên tắc giải quyết một lần

12.1.4. Nguyên tắc giải quyết không công khai

12.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp thương mại của trọng tài thương mại

12.2.1. Trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh

doanh thương mại

12.2.2. Trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại khi các bên tranh chấp là các chủ thể kinh doanh

12.2.3. Trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại khi các bên tranh chấp có thoả thuận trọng tài và thoả thuận trọng tài có hiệu lực

12.3. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại

12.3.1. Nộp và nhận đơn kiện

12.3.2. Thành lập hội đồng trọng tài

12.3.3. Công tác điều tra và chuẩn bị hồ sơ

12.3.4. Phiên họp giải quyết tranh chấp

12.3.5. Huỷ quyết định trọng tài, thi hành quyết định trọng tài

Chương 13. pháp luật về cạnh tranh trong kinh doanh

13.1. Khái quát chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh

13.1.1. Khái niệm cạnh tranh

13.1.2. Phân loại cạnh tranh

13.1.3. Vai trò và ý nghĩa của cạnh tranh

13.1.4. Sự ra đời và phát triển của pháp luật cạnh tranh

13.2. Luật Cạnh tranh Việt Nam

13.2.1. Những quy định chung

13.2.2. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh

13.2.3. Hành vi hạn chế cạnh tranh

13.2.4. Tổ tụng cạnh tranh

13.2.5. Xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh

12. Hướng dẫn thực hiện:

- Thời lượng của học phần là 3 TC được phân bổ 40 tiết lý thuyết (trong đó có 1 tiết kiểm tra) và 10 tiết thảo luận.

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ PHÁT TRIỂN TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP

1. **Tên học phần:** Kinh tế phát triển trong điều kiện hội nhập;

Mã học phần: QKKP514

2. **Số tín chỉ:** 03 (40, 10, 85)

3. **Điều kiện tiên quyết:** Không

4. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Xuân Hương	0912230779	nguyensexuanhuong273@yahoo.com
2	TS. Lương Xuân Dương	0934346576	lxduongldxh@gmail.com

5. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho học viên các nguyên lý phát triển kinh tế, và cách thức để một nền kinh tế đạt được tốc độ tăng trưởng cao, ổn định và bền vững. Đồng thời, học phần học phần còn cung cấp cho người học các mô hình và bằng chứng thực tiễn để chuyển đổi nền kinh tế trì trệ, tốc độ tăng trưởng thấp, tỷ lệ nghèo đói cao, bất công bằng xã hội sâu sắc sang một nền kinh tế có mức độ hội nhập sâu rộng, tốc độ phát triển cao với các chỉ tiêu về môi trường và xã hội ngày càng được hoàn thiện hơn.

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể đạt được một số yêu cầu cụ thể sau:

- **Kiến thức:**

+ Giải thích được các khái niệm liên quan đến phát triển kinh tế.

+ Hiểu được các mô hình tăng trưởng kinh tế, những vấn đề có tính qui luật về xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và vai trò quan trọng của việc đáp ứng phúc lợi cho con người trong phát triển kinh tế.

- **Kỹ năng:**

+ Xác định được các nhân tố đóng góp vào quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế, vai trò và mức độ đóng góp cụ thể của từng nhân tố.

+ Đọc được các chỉ tiêu về phát triển con người, so sánh các chỉ tiêu này giữa các quốc gia. Sử dụng được các công cụ đánh giá bất bình đẳng về phân phối thu nhập để phân tích và đánh giá vấn đề này.

+ Sử dụng được các chỉ tiêu đánh giá nghèo khổ của Việt Nam và quốc tế trong việc phân tích các vấn đề có nội dung liên quan.

+ Có thể tham gia vào các bài viết phân tích các chính sách kinh tế và tham gia đề xuất những giải pháp để phát triển bền vững nền kinh tế.

- **Thái độ:**

Có hiểu biết đúng đắn về những vấn đề có tính qui luật trong phát triển kinh tế. Có khả năng suy nghĩ, phân tích duy lý về các vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức sau: Lý luận phát triển và phát triển bền vững nền kinh tế; Các mô hình tăng trưởng kinh tế; hiện đại hóa và phát triển kinh tế tư nhân; xây dựng năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia; đô thị hóa, môi trường, công bằng và hòa nhập xã hội

7. Nhiệm vụ của học viên

- Thực hiện theo đúng qui chế học tập của trường Đại học Lao động - Xã hội
- Chuẩn bị đề cương sơ lược, đọc tài liệu trước khi đến lớp.
- Trả lời câu hỏi thảo luận và làm bài tập theo yêu cầu trước giờ thực hành.
- Làm bài kiểm tra quá trình và bài thi kết thúc học phần

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu bắt buộc:

[1]. TS. Lương Xuân Dương, *Giáo trình Kinh tế phát triển*, NXB Lao động- xã hội, 2011.

[2]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, WB, *Việt Nam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*, 2016.

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Viết tiểu luận
- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Chương I. Những vấn đề cơ bản về tăng trưởng kinh tế	[1]	2	1	1		2,5
2	Chương II. Các mô hình tăng trưởng kinh tế	[1]	6	4	2		9

3	Chương III. Hiện đại hóa nền kinh tế và phát triển kinh tế tư nhân	[2]	8	7	1		14,5
4	Chương IV. Xây dựng năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia	[2]	8	7	1		14,5
5	Chương V. Đô thị hóa và nâng cao hiệu quả kinh tế	[2]	8	7	1		14,5
6	Chương VI. Phát triển bền vững về môi trường và tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu	[2]	8	6	1	1	13
7	Chương VII. Đảm bảo công bằng và thúc đẩy hòa nhập xã hội	[2]	5	4	1		8,5
8	Chương VIII. Xây dựng thể chế hiện đại và Nhà nước hiệu quả	[2]	5	4	1		8,5
	Tổng số		50	40	9	1	85

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1.1. Bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế

1.1.1. Tăng trưởng kinh tế

1.1.2. Phát triển kinh tế

1.1.3. Phát triển kinh tế bền vững

1.2. Đánh giá phát triển kinh tế

1.2.1. Đánh giá tăng trưởng kinh tế

1.2.2. Đánh giá cơ cấu kinh tế

1.2.3. Đánh giá sự phát triển xã hội

1.3. Các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế

1.3.1. Nhân tố kinh tế

1.3.2. Nhân tố phi kinh tế

CHƯƠNG II. CÁC MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

2.1. Mô hình cổ điển về tăng trưởng kinh tế

2.1.1. Xuất phát điểm của mô hình

2.1.2. Các yếu tố tăng trưởng kinh tế và mối quan hệ giữa chúng

2.1.3. Phân chia các nhóm người trong xã hội và thu nhập của họ.

2.1.4. Quan hệ cung cầu và quan hệ của chính sách với tăng trưởng

2.2. Mô hình của K. Marx về tăng trưởng kinh tế

2.2.1. Các yếu tố tăng trưởng kinh tế

2.2.2. Sự phân chia giai cấp trong xã hội tư bản

2.2.3. Các chỉ tiêu tổng hợp phản ánh sự tăng trưởng

2.2.4. Chu kỳ sản xuất và vai trò của chính sách kinh tế

2.3. Mô hình tân cổ điển về tăng trưởng kinh tế

2.3.1. Nội dung cơ bản của mô hình tân cổ điển về phát triển kinh tế

2.3.2. Hàm sản xuất Cobb-Douglas

2.4. Mô hình của Keynes về tăng trưởng kinh tế

- 2.4.1. Nội dung cơ bản của mô hình
- 2.4.2. Mô hình Harrod-Domar
- 2.4.3. Sự phê phán mô hình Harrod-Domar của trường phái Tân cổ điển

2.5. Lý thuyết tăng trưởng kinh tế hiện đại

- 2.5.1. Sự cân bằng của nền kinh tế
- 2.5.2. Các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế
- 2.5.3. Vai trò của chính phủ trong tăng trưởng kinh tế

CHƯƠNG III. HIỆN ĐẠI HÓA NỀN KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

3.1. Tăng trưởng và hiện đại hóa nền kinh tế Việt Nam

- 3.1.1. Tăng trưởng kinh tế
- 3.1.2. Chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng hiện đại
- 3.1.3. Hội nhập nhanh chóng về thương mại
- 3.1.4. Quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường chưa đồng bộ

3.2. Cơ hội, rủi ro và thách thức cho tăng trưởng tương lai

- 3.2.1. Bài học của một số nước và kịch bản tăng trưởng cho Việt Nam
- 3.2.2. Thách thức về năng suất của Việt Nam qua hai giai đoạn tăng trưởng
- 3.2.3. Nguyên nhân của sự trì trệ về năng suất tại Việt Nam nhìn từ góc độ chính sách và thể chế

3.3. Thúc đẩy hiện đại hóa nền kinh tế và phát triển khu vực tư nhân

- 3.3.1. Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, tạo sân chơi bình đẳng
- 3.3.2. Tăng cường nền tảng kinh tế vi mô để phát triển khu vực tư nhân
- 3.3.3. Hiện đại hóa và thương mại hóa khu vực nông nghiệp
- 3.3.4. Tận dụng cơ hội ngoại thương để tăng trưởng

CHƯƠNG IV. XÂY DỰNG NĂNG LỰC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA

4.1. Việt Nam đang ở đâu về năng lực đổi mới sáng tạo

- 4.1.1. Nền tảng I – nhu cầu về tri thức trong các doanh nghiệp
- 4.1.2. Nền tảng II – năng lực học hỏi công nghệ của các doanh nghiệp
- 4.1.3. Nền tảng III – số lượng, chất lượng và tính phù hợp của các sản phẩm tri thức tiên tiến
- 4.1.4. Nền tảng IV – chất lượng và kỹ năng phù hợp của lực lượng lao động

4.2. Nhu cầu đổi mới sáng tạo từ phía cầu (doanh nghiệp)

- 4.2.1. Tạo sự năng động cho hầu hết các doanh nghiệp
- 4.2.2. Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp Việt Nam
- 4.2.3. Môi trường thuận lợi cho tích lũy tri thức và vốn vật chất

4.3. Đổi mới sáng tạo từ phía cung

- 4.3.1. Tăng đầu tư, tập trung nguồn lực cho các nhà nghiên cứu giỏi nhất và có hiệu suất cao nhất của quốc gia
- 4.3.2. Dỡ bỏ quy định hạn chế đối với giáo dục đại học để có nhiều nhà cung cấp hơn có thể cạnh tranh đáp ứng nhu cầu của sinh viên
- 4.3.3. Các chỉ số bảo đảm thành công, hướng tới một hệ thống giáo dục với các trường đại học đẳng cấp thế giới

4.4. Hướng tới một nền kinh tế dựa vào đổi mới sáng tạo

CHƯƠNG V. ĐÔ THỊ HÓA VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ

5.1. Đô thị hóa và chuyển dịch kinh tế ở Việt Nam

- 5.1.1. Tầm quan trọng của các đô thị đối với tăng trưởng kinh tế
- 5.1.2. Loại bỏ các cản trở để phát triển nhanh

5.2. Đô thị hóa ở Việt Nam theo ba chiều: mật độ, khoảng cách và phân biệt

5.2.1. Phát triển đô thị mật độ thấp và phân tán

5.2.2. Khoảng cách tăng

5.2.3. Sự phân biệt kéo dài

5.2.4. Nguyên nhân của những hạn chế

5.3. Thể chế và kết cấu hạ tầng: chính sách để các đô thị thích nghi với hoạt động của một nền kinh tế thu nhập cao

5.3.1. Đổi mới thể chế để thúc đẩy phát triển đô thị

5.3.2. Nâng cấp kết cấu hạ tầng để tăng kết nối giữa các đô thị với khu vực xung quanh

5.3.3. Tăng kết nối kinh tế nông thôn – đô thị

CHƯƠNG VI. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

6.1. Bền vững về môi trường: chìa khóa để tăng trưởng và phát triển

6.2. Những thách thức về môi trường ở Việt Nam hiện nay và trong tương lai

6.2.1. Suy thoái tài nguyên và ô nhiễm môi trường

6.2.2. Tác động của biến đổi khí hậu

6.2.3. Phát thải khí nhà kính

6.2.4. Nguyên nhân chủ yếu và sắp xếp các thách thức theo thứ tự ưu tiên

6.3. Phát triển bền vững hướng tới năm 2035 – chặng đường phía trước

6.3.1. Tầm nhìn 2035

6.3.2. Xử lý vấn đề suy thoái đất đồng thời với hiện đại hóa nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và lâm nghiệp

6.3.3. Giảm ô nhiễm không khí trong khi vẫn đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về năng lượng và đô thị hóa mạnh hơn

6.3.4. Giảm ô nhiễm nước từ các khu vực đô thị, công nghiệp và nông thôn

6.3.5. Thích ứng với biến đổi khí hậu

6.3.6. Các biện pháp chung

6.4. Chi phí cơ hội của sự phát triển bền vững, hoà nhập và chống chịu với biến đổi khí hậu

CHƯƠNG VII. ĐẢM BẢO CÔNG BẰNG VÀ THÚC ĐẨY HÒA NHẬP XÃ HỘI

7.1. Thực trạng hòa nhập xã hội ở Việt Nam

7.1.1. Hiện trạng

7.1.2. Xu hướng phát triển xã hội

7.1.3. Những định hướng chính sách xã hội

7.2. Tiếp tục thực hiện chương trình bảo đảm bình đẳng về cơ hội cho các nhóm yếu thế

7.2.1. Các dân tộc thiểu số

7.2.2. Người khuyết tật

7.2.3. Người di cư

7.2.4. Bình đẳng giới và mức sinh

7.3. Triển khai chương trình mới: hòa nhập xã hội đối với tầng lớp trung lưu

7.3.1. Thị trường lao động

7.3.2. Xây dựng hệ thống giáo dục cho năm 2035

7.3.3. Y tế

7.3.4. Chiều cạnh văn hóa của hòa nhập xã hội

7.3.5. Bảo trợ xã hội

CHƯƠNG VIII. XÂY DỰNG THỂ CHẾ HIỆN ĐẠI VÀ NHÀ NƯỚC HIỆU QUẢ

8.1. Vai trò của thể chế

8.2. Thực trạng chất lượng thể chế ở Việt Nam

8.2.1. Những thành tựu đáng ghi nhận

8.2.2. Những thách thức cơ bản

8.2.3. Trách nhiệm giải trình của nhà nước trước nhân dân còn thấp

8.3. Hướng tới thể chế hiện đại và nhà nước hiệu quả

8.3.1. Định hướng chung

8.3.2. Xây dựng một hệ thống hành chính hợp lý dựa trên hệ thống chức nghiệp thực tài

8.3.3. Áp dụng nguyên tắc thị trường đối với các quyết sách kinh tế

8.3.4. Tăng cường trách nhiệm giải trình của nhà nước trước nhân dân

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Học phần này bao gồm 03 tín chỉ với thời gian lên lớp là 50 giờ (40 giờ lý thuyết, 10 giờ thực hành/thảo luận và kiểm tra).

- Học viên có 01 bài kiểm tra giữa kỳ

- Để hoàn thành học phần, sinh viên cần tích cực và chủ động nghiên cứu các tài liệu, hoàn thiện các bài tập và bài thảo luận nhóm được giao trước khi đến lớp.

- Giảng viên đưa ra các yêu cầu về thảo luận, bài tập rõ ràng nhằm phát huy tính sáng tạo và chủ động nghiên cứu của học viên.

- Sau 02 năm cần rà soát lại nội dung của đề cương này để đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với thực tiễn thực hiện chương trình.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÂN TÍCH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- 1. Tên học phần:** Phân tích dự án đầu tư; **Mã học phần:** QKDA506
- 2. Số tín chỉ:** 3 TC (40,10,85)
- 3. Điều kiện tiên quyết:** Không
- 4. Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Thị Vân Anh	975277276	bluewhite_83@yahoo.com
2	TS. Lục Mạnh Hiễn	0906238118	hienlm@gmail.com

5. Mục tiêu của học phần

-Về kiến thức:

+ Hiểu được sự cần thiết tiến hành các hoạt động đầu tư theo dự án và tầm quan trọng của việc phân tích các dự án đầu tư.

+ Hiểu được mục đích của phân tích kỹ thuật, phân tích tài chính và phân tích kinh tế - xã hội.

+ Nắm vững các nội dung, các chỉ tiêu khi tiến hành phân tích kỹ thuật, phân tích tài chính và phân tích kinh tế - xã hội khi tiến hành phân tích, lựa chọn dự án đầu tư.

- Về kỹ năng:

+ Có kỹ năng phân tích, lựa chọn dự án trên các phương diện: kỹ thuật, tài chính, kinh tế - xã hội.

+ Phân tích, tổng hợp, và đánh giá hiệu quả dự án đầu tư.

+ Áp dụng các kiến thức đã học vào các học phần khác và công việc thực tế.

- Về thái độ:

+ Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc trong việc nhìn nhận vai trò quan trọng của phân tích dự án đối với hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp và tổ chức.

+ Có ý thức nghiên cứu khoa học trong lý luận cũng như thực tiễn của phân tích dự án đầu tư và thích nghi với một nền kinh tế hội nhập luôn biến động.

+ Có ý thức tích lũy kiến thức chuyên môn cho hoạt động nghề nghiệp khi học tập và nghiên cứu.

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức sau: Các khía cạnh kinh tế xã hội khi nghiên cứu dự án đầu tư; Các kỹ thuật phân tích về tài chính, về lợi ích kinh tế xã hội của dự án; Phương pháp so sánh để lựa chọn phương án đầu tư tối ưu nhất

7. Nhiệm vụ của học viên

- Đến lớp đầy đủ trong suốt quá trình học
- Tự nghiên cứu và chuẩn bị bài trong giờ tự học, làm đầy đủ các bài chuẩn bị, bài thảo luận, bài tập theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện quy chế đào tạo của trường Đại học Lao động – Xã hội

8. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1]. Nguyễn Bạch Nguyệt, *Lập và thẩm định dự án đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2014..

[2]. Nguyễn Bạch Nguyệt, *Lập dự án đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.

- *Tài liệu tham khảo:*

[3]. Mai Văn Bưu, *Giáo trình hiệu quả và quản lý dự án Nhà nước*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2001.

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (*Kết hợp tự luận với trắc nghiệm*).
- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

C. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Chương I. Những vấn đề chung về đầu tư và dự án đầu tư	[1], [2], [3]	5	4	1		8,5
2	Chương II. Nghiên cứu khía cạnh kinh tế - xã hội tổng quát và thị trường dự án đầu tư.	[1], [2], [3]	6	5	1		10,5
3	Chương III. Phân tích kỹ thuật dự án đầu tư	[1], [2], [3]	8	6	2		13
4	Chương IV. Phân tích tài chính dự án đầu tư	[1], [2], [3]	12	10	2		21
5	Chương V. Phân tích kinh tế - xã hội dự án đầu tư	[1], [2], [3]	9	6	2	1	13,5
6	Chương VI. So sánh lựa chọn phương án đầu tư	[1], [2], [3]	10	9	1		18,5
	Tổng số		50	40	9	1	85

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Đầu tư

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Những đặc điểm của hoạt động đầu tư

1.1.3. Nguồn vốn đầu tư

1.1.4. Nội dung của vốn đầu tư

1.2. Dự án đầu tư

1.2.1. Sự cần thiết phải tiến hành các hoạt động đầu tư theo dự án

1.2.2. Khái niệm và công dụng của dự án đầu tư

1.2.3. Đặc trưng của một dự án đầu tư

1.2.4. Phân loại dự án đầu tư

1.2.5. Chu kỳ của một dự án đầu tư

1.3. Tầm quan trọng của việc phân tích dự án đầu tư

CHƯƠNG II. NGHIÊN CỨU KHÍA CẠNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỔNG QUÁT VÀ THỊ TRƯỜNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

2.1. Xem xét tình hình kinh tế khái quát liên quan đến dự án đầu tư

2.2. Nghiên cứu thị trường của dự án đầu tư

2.2.1. Mục đích, vai trò của nghiên cứu thị trường sản phẩm của dự án

2.2.2. Phân tích và đánh giá khái quát thị trường tổng thể

2.2.3. Phân đoạn thị trường và xác định thị trường mục tiêu

2.2.4. Xác định sản phẩm của dự án

2.2.5. Dự báo cung – cầu thị trường về sản phẩm của dự án trong tương lai

2.2.6. Nghiên cứu vấn đề tiếp thị sản phẩm của dự án

2.2.7. Nghiên cứu khả năng cạnh tranh và chiếm lĩnh thị trường của dự án

CHƯƠNG III. PHÂN TÍCH KỸ THUẬT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Mục đích của phân tích kỹ thuật

3.2. Nội dung của phân tích kỹ thuật

3.2.1. Mô tả sản phẩm của dự án

3.2.2. Nghiên cứu kỹ thuật và phương pháp sản xuất

3.2.3. Xác định công suất của máy móc thiết bị và của dự án

3.2.4. Xác định nhu cầu và giải pháp đáp ứng các yếu tố đầu vào dự án

3.2.5. Phân tích địa bàn triển khai dự án

3.2.6. Lịch trình thực hiện dự án

CHƯƠNG IV. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

4.1. Mục đích của phân tích tài chính

4.2. Giá trị theo thời gian của tiền

4.2.1. Khái niệm về giá trị thời gian của tiền

4.2.2. Biểu đồ dòng tiền tệ

4.2.3. Giá trị tương đương của tiền

4.3. Nội dung phân tích tài chính dự án đầu tư

4.3.1. Xác định tổng mức vốn đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của dự án

4.3.2. Xác định doanh thu, chi phí, lợi nhuận ròng và dòng tiền ròng của dự án

4.3.3. Tính toán và phân tích các chỉ tiêu hiệu quả tài chính của dự án

CHƯƠNG V. PHÂN TÍCH KINH TẾ - XÃ HỘI DỰ ÁN ĐẦU TƯ

5.1. Sự cần thiết phải xem xét khía cạnh kinh tế - xã hội các dự án đầu tư

5.2. Mục tiêu và tiêu chuẩn đánh giá khía cạnh kinh tế - xã hội dự án đầu tư

5.2.1. Mục tiêu

5.2.2. Các tiêu chuẩn đánh giá

5.3. Phương pháp đánh giá lợi ích kinh tế - xã hội do thực hiện dự án đầu tư

5.3.1. Xuất phát từ góc độ nhà đầu tư

5.3.2. Xuất phát từ góc độ quản lý vĩ mô của nhà nước

5.4. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư xem xét ở tầm vĩ mô

- 5.4.1. Giá trị gia tăng thuần túy
- 5.4.2. Chỉ số số lao động
- 5.4.3. Tác động đến phân phối thu nhập và công bằng xã hội
- 5.4.4. Tiết kiệm và tăng nguồn ngoại tệ
- 5.4.5. Chỉ tiêu khả năng cạnh tranh quốc tế
- 5.4.6. Những tác động khác của dự án

CHƯƠNG VI. SO SÁNH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ

6.1. So sánh lựa chọn phương án đầu tư xét trên phương diện tài chính

- 6.1.1. So sánh phương án đầu tư loại trừ nhau
- 6.1.2. Lựa chọn tập phương án đầu tư

6.2. So sánh lựa chọn phương án đầu tư theo khía cạnh kinh tế xã hội

6.3. So sánh lựa chọn phương án đầu tư phối hợp các chỉ tiêu hiệu quả

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG DOANH NGHIỆP

- 1. Tên học phần: Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp; Mã học phần: QKRR507**
- 2. Số tín chỉ: 03 TC (40,10,85)**
- 3. Điều kiện tiên quyết: Kế toán quản trị, Luật kinh doanh**
- 4. Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Thị Vân Anh	975277276	bluewhite_83@yahoo.com
2	TS. Nguyễn Duy Phương	941411618	nguyenduyphuong@ulsa.edu.vn

5. Mục tiêu của học phần

- Về kiến thức

Cung cấp cho người học những khái niệm kiến thức chuyên môn về quản trị rủi ro trong doanh nghiệp như các mô hình quản trị rủi ro phổ biến đã được nhiều doanh nghiệp ở Việt Nam và thế giới áp dụng như *ISO 31000:2009* và *COSO ERM*; đồng thời cung cấp các giải pháp quản trị rủi ro trong doanh nghiệp theo nhóm nhân tố tác động là vi mô và vĩ mô.

- Về kỹ năng

Học viên có các kỹ năng nhận dạng, phân tích, kiểm soát và tài trợ rủi ro; kỹ năng ứng dụng các tiêu chuẩn hoặc mô hình quản trị rủi ro cho doanh nghiệp từ đó chủ động ứng phó với những rủi ro trong công việc kinh doanh, cụ thể:

- + Nhận biết các rủi ro tác động đến doanh nghiệp
- + Có khả năng phân tích, đánh giá và trọng một chừng mực nào đó có thể lượng hóa những thiệt hại do các rủi ro tác động
- + Vận dụng được các công cụ quản trị rủi ro để có thể đề xuất những biện pháp quản trị một cách hợp lý, hiệu quả trong doanh nghiệp.
- + Giúp học viên có khả năng nghiên cứu sâu hơn sau khi tốt nghiệp.

- Về thái độ:

- + Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của quản trị rủi ro trong doanh nghiệp, từ đó có ý thức ứng dụng các công cụ, kỹ thuật quản trị rủi ro trong công việc và cuộc sống.

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Quản trị rủi ro là một hoạt động cần thiết không chỉ đối với cá nhân mà còn rất quan trọng đối với doanh nghiệp. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc ứng phó với những tình huống xấu có thể xảy ra, từ đó có thể hạn chế những thiệt hại đáng tiếc. Môn học này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản và nâng cao liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro như các nguyên tắc, mô hình, tiêu chuẩn trong quản trị rủi ro, đặc biệt có phân tích các nhân tố vi mô và vĩ mô thường ảnh hưởng nhiều nhất đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro mô hình hoạt động, rủi ro nhân sự, rủi ro trong đầu tư,... cũng được giới thiệu trong môn học để người học có thêm kiến thức về quản trị rủi ro trong doanh nghiệp.

7. Nhiệm vụ của học viên

- Học viên cần thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học phần theo hướng dẫn của giảng viên.

- Học viên phải giành thời gian tương ứng đọc trước tài liệu ở nhà, soạn bài theo đề cương, ghi chú những vấn đề còn thắc mắc, chưa rõ cần trao đổi với giảng viên khi lên lớp

- Học viên được cộng điểm vào điểm kiểm tra - đánh giá thường xuyên nếu tích cực tham gia phát biểu ý kiến và các ý kiến phát biểu có chất lượng.

8. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1]. PGS. TS. Nguyễn Thị Liên Diệp, Quản trị rủi ro doanh nghiệp, NXB Hồng Đức, 2017

[2]. PhD. Robert J. Chapman, Simple Tools and Techniques for Enterprise Risk Management, tái bản lần 2, Nhà xuất bản A John Wiley & Sons, Ltd., Publication, 2015

- *Tài liệu tham khảo:*

[3]. PGS.TS Trần Kim Dung, Quản trị Nguồn nhân lực, NXB Thống kê, 2009

[4]. Michael, David and Kathy, Fundamentals of Risk Management. NXB Paul Hopkin, 2010

[5]. Dr. Krishna Nathan, Vice President and Director, IBM Research – Zurich Research Laboratory, INTEGRATED RISK MANAGEMENT for E-BUSINESS, NXB J.Ross, 2014

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp tự luận với trắc nghiệm); Tiểu luận...

- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Tổng quan về quản trị rủi ro doanh nghiệp	[1] [2]	5	3	2		7
2	Các chuẩn mực quốc tế về quản trị rủi ro doanh nghiệp	[1] [2]	7	5	2		11
3	Quy trình quản lý rủi ro doanh nghiệp	[1] [2]	13	11	2		23
4	Quản trị các nhân tố rủi ro bên trong doanh nghiệp	[1] [2]	14	12	1	1	25
5	Quản trị các nhân tố rủi ro bên ngoài doanh nghiệp	[1] [2]	11	9	2		19
	Tổng		50	40	9	1	85

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP

1.1. Một số vấn đề cơ bản

1.1.1. Quản lý rủi ro doanh nghiệp

1.1.2. Lợi ích của quản lý và chấp nhận rủi ro doanh nghiệp

1.2. Phương pháp tiếp cận quản lý rủi ro

1.2.1. Môi quan hệ của rủi ro với cơ hội và mục tiêu kinh doanh

1.2.2. Các phương pháp tiếp cận

1.2.3. Quy trình quản lý rủi ro

1.3. Phân loại rủi ro trong kinh doanh

1.3.1. Quản trị trong tổ chức doanh nghiệp

1.3.2. Kiểm soát nội bộ

1.3.3. Tác nghiệp

1.3.4. Chính sách quản lý

1.3.5. Nguồn rủi ro

CHƯƠNG 2: CÁC CHUẨN MỰC QUỐC TẾ VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP

2.1. Kiểm soát nội bộ doanh nghiệp

2.1.1. Thành phần của kiểm soát nội bộ

2.1.2. Môi quan hệ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro doanh nghiệp

2.2. Lồng ghép kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro doanh nghiệp

2.2.1. Điều kiện áp dụng

2.2.2. Quy định của một số nước hoặc tổ chức quốc tế

CHƯƠNG 3. QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỦI RO DOANH NGHIỆP

3.1. Thiết lập giả thiết và điều kiện tiêu chuẩn

3.2. Nhận diện rủi ro doanh nghiệp

3.3. Phân tích rủi ro doanh nghiệp

3.4. Đánh giá rủi ro doanh nghiệp

3.5. Xử lý rủi ro doanh nghiệp

3.6. Giám sát và điều chỉnh quy trình

CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO BÊN TRONG DOANH NGHIỆP

4.1. Quản trị rủi ro tài chính doanh nghiệp

4.2. Quản trị rủi ro điều hành và quản lý doanh nghiệp

4.3. Quản trị rủi ro thực hiện dự án trong doanh nghiệp

4.4. Quản trị rủi ro đạo đức, trách nhiệm doanh nghiệp

CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO BÊN NGOÀI DOANH NGHIỆP

5.1. Quản trị rủi ro về kinh tế

5.2. Quản trị rủi ro về môi trường kinh doanh

5.3. Quản trị rủi ro cơ chế, pháp lý

5.4. Quản trị rủi ro thị trường

5.5. Quản trị rủi ro các vấn đề xã hội

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU

1. **Tên học phần:** Quản trị thương hiệu; **Mã học phần:** QKTH508
2. **Số tín chỉ:** 03 TC (40;10;85)
3. **Điều kiện tiên quyết:** Không
4. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	0988032096	ngthuhuong911@gmail.com
2	TS. Lục Mạnh Hiên	0906238118	hienlm@gmail.com

5. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:* Trang bị cho học viên những kiến thức tổng quát về lĩnh vực Quản trị Thương hiệu, giúp học viên làm quen với các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn, các vấn đề hoạch định, thực hiện và kiểm soát trong quản trị Thương hiệu.

- *Về kỹ năng:* Học viên được phát triển các kỹ năng tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu.

- *Về thái độ:* Học viên cần nhận thức tầm quan trọng của xây dựng, bảo vệ và duy trì thương hiệu đối với sự ổn định và phát triển của doanh nghiệp, từ đó có sự liên hệ trong việc xây dựng thương hiệu cá nhân, tổ chức nơi học viên công tác.

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần Quản trị thương hiệu giới thiệu những kiến thức chuyên sâu về thương hiệu và quản trị thương hiệu. Các nội dung chủ yếu trong học phần gồm: tổng quan về thương hiệu, các nội dung cụ thể trong quản trị thương hiệu là định vị thương hiệu, xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, cấu trúc thương hiệu và mở rộng thương hiệu, truyền thông thương hiệu, bảo hộ thương hiệu, đo lường và khai thác tài sản thương hiệu.

7. Nhiệm vụ của học viên

- Nghiên cứu giáo trình, tài liệu theo yêu cầu;
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp;
- Tham gia thảo luận tích cực tại lớp;
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao;
- Hoàn thành 1 bài kiểm tra giữa kỳ;
- Hoàn thành kỳ thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1]. Phạm Thị Lan Hương, Lê Thế Giới, Lê Thị Minh Hằng, *Quản trị Thương hiệu*, NXB Tài chính, 2014

[2]. Nguyễn Quốc Thịnh, *Quản trị thương hiệu*, NXB Thống kê, 2018.

- *Tài liệu tham khảo:*

[3] Luật sở hữu trí tuệ, NXB Lao động, 2018.

[4] Phillip Kotler, Kevin Keller, *Quản trị marketing* (sách dịch), NXB Lao động Xã hội, 2013

[5]. Trần Văn Hòe, Doãn Thị Mai Hương, Giáo trình *Quản trị Marketing*, NXB Lao động, 2017

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (kết hợp tự luận với trắc nghiệm)

- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Chương 1: Tổng quan về quản trị thương hiệu	[1],[2],[3]	8	8	0		16
2	Chương 2: Định vị thương hiệu	[1]	7	6	1		13,5
3	Chương 3: Hệ thống nhận diện thương hiệu	[1],[2]	10	8	2		17
4	Chương 4: Cấu trúc thương hiệu và mở rộng thương hiệu	[1], [3],	7	5	2		11
5	Chương 5: Truyền thông thương hiệu	[2], [4]	8	5	3		11,5
6	Chương 6: Bảo hộ thương hiệu	[3]	5	4	0	1	8,5
7	Chương 7: Đo lường và khai thác tài sản thương hiệu	[1], [3]	5	4	1		8,5

	hiệu						
	Tổng		50	40	9	1	85

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG HIỆU

1.1. Các quan điểm tiếp cận thương hiệu

1.2. Vai trò của thương hiệu

1.3. Các thành tố thương hiệu

1.3.1. Tên thương hiệu

1.3.2. Biểu trưng và biểu tượng

1.3.3. Khẩu hiệu, nhạc hiệu

1.3.4. Các thành tố khác

1.4. Phân loại thương hiệu

1.4.1. Các tiêu chí phân loại

1.4.2. Một số loại thương hiệu

1.5. Khái niệm và quy trình quản trị thương hiệu

1.5.1. Khái niệm quản trị thương hiệu

1.5.2. Quy trình quản trị thương hiệu

CHƯƠNG II. ĐỊNH VỊ THƯƠNG HIỆU

2.1. Khái niệm và vai trò định vị thương hiệu

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Vai trò

2.2. Tiến trình định vị thương hiệu

2.2.1. Xác định và phân tích thị trường mục tiêu

2.2.2. Nhận diện bản chất cạnh tranh và phân tích đối thủ cạnh tranh

2.2.3. Thiết lập điểm tương đồng và điểm khác biệt

2.3. Giá trị thương hiệu cốt lõi

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Tuyên ngôn giá trị

CHƯƠNG III. HỆ THỐNG NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU

3.1 Khái niệm, vai trò, phân loại hệ thống nhận diện thương hiệu

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Vai trò

3.1.3. Phân loại

3.2. Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu

3.2.1. Yêu cầu cơ bản

3.2.2. Quy trình thiết kế

3.3. Triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu

3.3.1. Tổ chức áp dụng hệ thống nhận diện thương hiệu

3.3.2. Đồng bộ hóa các điểm tiếp xúc thương hiệu

CHƯƠNG IV. CẤU TRÚC THƯƠNG HIỆU VÀ MỞ RỘNG THƯƠNG HIỆU

4.1. Ma trận thương hiệu sản phẩm

4.1.1. Các khái niệm

4.1.2. Nội dung ma trận thương hiệu sản phẩm

4.2. Chiến lược gắn thương hiệu

4.2.1. Các loại chiến lược gắn thương hiệu

4.2.2. Tiến trình thiết kế chiến lược gắn thương hiệu

4.3. Mở rộng thương hiệu

4.3.1. Bản chất của mở rộng thương hiệu

4.3.2. Lợi ích và rủi ro của mở rộng thương hiệu

4.3.3. Các nguyên tắc mở rộng thương hiệu

4.3.4. Tiến trình thiết kế mở rộng thương hiệu

CHƯƠNG V. TRUYỀN THÔNG THƯƠNG HIỆU

5.1. Khái quát về truyền thông thương hiệu

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Vai trò

5.1.3. Yêu cầu và nguyên tắc

5.2. Các công cụ truyền thông thương hiệu

5.2.1. Quảng cáo

5.2.2. Quan hệ công chúng

5.2.3. Các công cụ truyền thông khác

5.3. Quy trình truyền thông thương hiệu

5.3.1. Mô hình truyền thông

5.3.2. Nội dung quy trình truyền thông

CHƯƠNG VI. BẢO HỘ THƯƠNG HIỆU

6.1. Hoạt động bảo hộ thương hiệu

6.1.1. Quy định pháp luật của quốc tế và Việt Nam về quyền bảo hộ đối với thương hiệu

6.1.2. Quy trình thủ tục xác lập quyền bảo hộ thương hiệu

6.1.3. Một số kỹ năng khi thực hiện thủ tục xác lập quyền bảo hộ thương hiệu

6.2. Các biện pháp tự bảo vệ thương hiệu của doanh nghiệp

6.2.1. Các tình huống xâm phạm thương hiệu

6.2.2. Các biện pháp chống xâm phạm thương hiệu

6.2.3. Các biện pháp tiếp sức thương hiệu

6.3. Tranh chấp thương hiệu và xử lý tình huống tranh chấp thương hiệu

6.3.1. Khái niệm

6.3.2. Các hình thức và nội dung

6.3.3. Nguyên tắc xử lý chung

6.3.4. Kỹ năng phân tích tình huống và xử lý tranh chấp thương hiệu

CHƯƠNG VII. ĐO LƯỜNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN THƯƠNG HIỆU

7.1. Đo lường giá trị tài sản thương hiệu

7.1.1. Các tiêu chí đo lường

7.1.2. Mục đích đo lường

7.1.3. Phương pháp đo lường

7.2. Khai thác tài sản thương hiệu

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP

- 1. Tên học phần:** Lãnh đạo doanh nghiệp; **Mã học phần:** QKLD509
- 2. Số tín chỉ:** 03 TC (40,10,85)
- 3. Điều kiện tiên quyết:** Không
- 4. Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	PGS. TS. Lê Thanh Hà	0942162962	halinhoanh@yahoo.com
2	TS. Nguyễn Thị Anh Trâm	0982551207	tramnguyen.ulsa@gmail.com

5. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức*
 - + Hiểu được khái niệm, bản chất của doanh nghiệp và lãnh đạo doanh nghiệp
 - + Hiểu, phân tích, đánh giá và vận dụng được một số vấn đề cơ bản trong lãnh đạo doanh nghiệp
- *Về kỹ năng*
 - + Bước đầu có kỹ năng cơ bản về phân tích, đánh giá về các loại hình doanh nghiệp; bộ máy lãnh đạo doanh nghiệp; đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp...
 - + Có kỹ năng vận dụng lý luận để giải quyết các tình huống lãnh đạo doanh nghiệp phát sinh trong thực tế
 - + Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các vấn đề về lãnh đạo doanh nghiệp
- *Về thái độ*
 - + Giúp cho học viên nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ, yêu cầu đối với nhà lãnh đạo doanh nghiệp.
 - + Rèn luyện các đức tính của nhà lãnh đạo doanh nghiệp như sự nhanh nhẹn, linh hoạt, tính nghiêm túc, chính xác, có căn cứ khoa học, tính kiên trì, tinh thần vượt khó.

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức sau: Giới thiệu chung về doanh nghiệp; bộ máy lãnh đạo trong doanh nghiệp; đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp; chỉ số hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo doanh nghiệp và phát triển năng lực lãnh đạo doanh nghiệp.

7. Nhiệm vụ của học viên

- Học viên cần thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học phần theo hướng dẫn của giảng viên.
- Dự lớp: 70% số giờ trở lên
- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp
- Tham gia học tập và tìm hiểu thực tế học phần theo một nhóm học chính thức thuộc lớp học phần (bài tập nhóm).
- Tham gia nghe giảng đầy đủ và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.

- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu bắt buộc:

[1]. Lê Quân, *Lãnh đạo doanh nghiệp*, NXB ĐH Quốc gia Hà nội, 2015

[2]. GS.TS. Nguyễn Thành Độ - PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền, *Quản trị kinh doanh*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2011

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (tự luận - trắc nghiệm)

- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

- + Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

- + Loại không đạt:

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Chương I: Tổng quan về doanh nghiệp	[2]	10	10	0		20
2	Chương II: Đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp	[1]	12	10	2		21
3	Chương III: Nhiệm vụ của lãnh đạo doanh nghiệp	[1]	12	8	4		18
4	Chương IV: Phát triển năng lực lãnh đạo doanh nghiệp	[1],[2]	16	12	4		26
	Tổng số		50	40	10		85

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1.1 Khái quát về doanh nghiệp

- 1.1.1. Bản chất của doanh nghiệp
- 1.1.2. Các loại hình doanh nghiệp
- 1.1.3. Hệ thống mục tiêu của doanh nghiệp
- 1.1.4. Các yếu tố sản xuất kinh doanh cơ bản trong doanh nghiệp
- 1.1.5. Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp

1.2 Bộ máy lãnh đạo doanh nghiệp

- 1.2.1. Hội đồng quản trị
- 1.2.2. Ban điều hành

Chương II: ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP

2.1. Giám đốc điều hành doanh nghiệp

- 3.1.1. Nghề giám đốc điều hành
- 3.1.2. Nhiệm vụ của giám đốc điều hành
- 3.1.3. Trách nhiệm và quyền hạn của giám đốc điều hành

2.2. Giám đốc chức năng

- 2.2.1. Giám đốc nhân sự
- 2.2.2. Giám đốc tài chính
- 2.2.3. Giám đốc sản xuất
- 2.2.4. Giám đốc marketing
- 2.2.5. Giám đốc cung ứng

Chương III: NHIỆM VỤ CỦA LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP

3.1. Chỉ số hoàn thành nhiệm vụ (KPI)

- 3.1.1. Khái niệm và vai trò của KPI
- 3.1.2. KPI và quản trị theo mục tiêu

3.2. Thẻ điểm cân bằng (BSC)

- 3.2.1. Nội dung thẻ điểm cân bằng
- 3.2.2. BSC và KPI

3.3. Phân cấp quản trị qua ứng dụng KPI

- 3.3.1. Quy trình phân cấp quản trị xây dựng KPI
- 3.3.2. Quy trình ứng dụng KPI trong doanh nghiệp

Chương IV: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP

4.1. Năng lực lãnh đạo doanh nghiệp

- 4.1.1. Năng lực và năng lực cốt lõi của lãnh đạo doanh nghiệp
- 4.1.2. Khung năng lực của lãnh đạo doanh nghiệp

4.2. Mô hình phát triển năng lực lãnh đạo

- 4.2.1. Mô hình KSPD (Know-See-Plan-Do)
- 4.2.2. Mô hình LLG (Lead-Learn-Grow)
- 4.2.3. Mô hình theo tiếp cận quản trị nguồn nhân lực

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU HÓA

1. **Tên học phần:** Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa

Mã học phần: QNQM 509

2. **Số tín chỉ:** 03 TC (40,10,85)

3. **Điều kiện tiên quyết:** Không

4. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	PGS.TS. Lê Thanh Hà	0942162962	halt@ulsa.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Hồng	0912657838	honghrm@gmail.com
3	TS. Đỗ Thị Tươi	0982209166	dothituoit@gmail.com
4	PGS. TS. Cao Văn Sâm	0903407024	samxvn@yahoo.com

5. **Mục tiêu của học phần**

- *Về lý thuyết:* Học phần trang bị cho học viên cao học chuyên ngành Quản trị nhân lực những kiến thức tổng hợp về Quản trị nhân lực trong tổ chức trong mối tương quan với những sự thay đổi toàn diện do quá trình toàn cầu hóa mang lại.

- *Về kỹ năng:* Học phần trang bị cho học viên cao học kỹ năng phân tích và giải quyết các tình huống xảy ra trong quá trình quản lý, nhằm sử dụng có hiệu quả NNL và đạt được các mục tiêu mà tổ chức đã đặt ra trong một môi trường kinh tế - xã hội có nhiều sự thay đổi dưới tác động của toàn cầu hóa.

- *Về rèn luyện phương pháp luận nghiên cứu:* Học phần trang bị cho học viên cao học phương pháp xây dựng lý thuyết mới, cách thức đưa ra những vấn đề mới trong lĩnh vực quản trị nhân lực khi môi trường kinh tế - xã hội có sự thay đổi.

6. **Mô tả vắn tắt nội dung của học phần**

Học phần Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa nghiên cứu cách thức quản lý con người trong tổ chức nhằm mục tiêu sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả chung của tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa, với sự bùng nổ thông tin, giao lưu, hội nhập quốc tế và những thay đổi về mọi mặt do toàn cầu hóa mang lại.

Học phần Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa giảng cho hệ cao học Quản trị nhân lực, có những khác biệt so với chương trình ở bậc cử nhân như sau:

(i) Người học không học lại các kiến thức cơ bản về QTNL ở bậc cử nhân. Trong học phần này, người học sẽ nghiên cứu sự thay đổi của các vấn đề nhân lực và quản trị nhân lực dưới sự tác động của toàn cầu hóa và cách thức quản lý sự thay đổi đó. Người học cũng sẽ nghiên cứu một số vấn đề mới về quản trị nhân lực nảy sinh do toàn cầu hóa mang lại.

(ii) Các nội dung nghiên cứu được xây dựng theo phương thức tổng hợp, xuyên chuỗi, nâng cao dưới dạng chuyên đề. Mỗi chuyên đề bao gồm một số nội dung có liên quan mật thiết với nhau, phản ánh những khía cạnh đa chiều của các chủ đề cốt lõi trong nội dung của môn học.

(iii) Nhấn mạnh đến tính thực tiễn của Quản trị nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa trên cơ sở vận dụng lý thuyết để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong công tác quản lý.

7. Nhiệm vụ của học viên

Quản trị lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa là một môn khoa học ứng dụng, có sự kế thừa, tích lũy kiến thức tổng hợp từ nhiều môn học khác. Do đó, học viên cần tích lũy, trang bị cho mình những kiến thức cơ bản về các môn học khác có liên quan như triết học, tâm lý học, quản trị học, quản trị chiến lược, hành vi tổ chức và quản trị nhân lực, Tiền lương - Tiền công để nghiên cứu sâu học phần này. Ngoài ra, Học viên cũng cần nắm vững cách thức khai thác thông tin trên mạng internet, có thể dịch được các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh

Nhiệm vụ của học viên là Nghe giảng trên lớp, làm bài tập, chuẩn bị bài trình bày theo chủ đề và hoàn thành bài tiểu luận.

8. Tài liệu học tập

- Lê Thanh Hà, *Bài giảng Quản trị nhân lực trong quá trình toàn cầu hóa* (gồm các slides), 2018.
- PGS.TS. Lê Thanh Hà (chủ biên), *Giáo trình Quản trị nhân lực (Tập 1 và 2)*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, 2009.
- Classic Drucker, *Những nguyên lý quản trị bất biến mọi thời đại*, NXB tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2016
- Dave Ulrich, Brian E.Becker & Mark A. Huselid, *Bản đồ chiến lược nhân sự*, NXB Công Thương, 2018.
- Ivancevich, John M., *Quản trị nguồn nhân lực*, Nxb.Tp. Hồ Chí Minh, 2015.
- Smart, Geoff, *Chọn đúng người: Thu hút nhân tài ứng với từng vị trí*, NXB Thanh Hóa, 2016.

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết
- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu
 + Loại không đạt:
 F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Tổng quan về quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa	Giáo trình Quản trị nhân lực	3	3			12
2	Sự thay đổi của các chính sách quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa	Bài giảng Quản trị nhân lực trong quá trình toàn cầu hóa	16	12	4		19.5
3	Quản lý sự thay đổi của các chính sách quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa	Giáo trình Quản lý sự thay đổi	15	12	3		17
4	Quản trị nhân lực trong môi trường đa văn hóa	Bài giảng Quản lý đa văn hóa	16	13	2	1	20.5
	Tổng số		50	40	9	1	85

B. Nội dung chi tiết

Chuyên đề 1

Tổng quan về quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa

1. Mục đích

Trang bị cho các học viên cao học những hiểu biết tổng hợp về toàn cầu hóa, các đặc điểm cơ bản của nó, tác động của toàn cầu hóa đến quản trị nhân lực và những vấn đề đặt ra đối với nguồn nhân lực và quản trị nhân lực khi nền kinh tế có mức độ hội nhập ngày càng cao với khu vực và thế giới.

2. Nội dung

I. Tổng quan về toàn cầu hóa.

1. Khái niệm toàn cầu hóa
2. Những đặc điểm cơ bản của toàn cầu hóa.
3. Toàn cầu hóa ở Việt Nam.

II. Tác động của toàn cầu hóa đến nguồn nhân lực và quản trị nhân lực

1. Tác động của toàn cầu hóa đến nguồn nhân lực
2. Tác động của toàn cầu hóa đến quản trị nhân lực
3. Cơ hội và thách thức đối với vấn đề quản trị nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa.

III. Những vấn đề mới đang đặt ra đối với quản trị nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa.

1. Di dân và di chuyển lao động quốc tế và sự thay đổi về môi trường dân cư, môi trường lao động.
2. Sự hình thành của các Công ty đa quốc gia và vấn đề đa văn hóa trong nguồn nhân lực của tổ chức.
3. Hội nhập, cạnh tranh và sự cần thiết phải lựa chọn mô hình quản trị nhân lực phù hợp.
4. Đòi hỏi đối với việc vượt qua các rào cản kỹ thuật, rào cản thương mại và vấn đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Thảo luận/ thực hành: Chủ yếu dùng phương pháp động não để giúp người học nắm vững các nội dung của mục II và III. Thảo luận ngắn theo 3 vấn đề của mục II.

Chuyên đề 2

Sự thay đổi của các chính sách quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa

1. Mục đích

Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về sự thay đổi của các chính sách quản trị nhân lực (chính sách tuyển dụng nhân lực, chính sách thù lao và phúc lợi, đào tạo, v.v.v...) khi nền kinh tế có mức độ hội nhập cao hơn. Giúp học viên so sánh các chính sách quản trị nhân lực hiện nay và chính sách quản trị nhân lực dự kiến trong tương lai khi mức độ toàn cầu hóa trở nên cao hơn.

2. Nội dung

I. Sự cần thiết phải thay đổi các chính sách quản trị nhân lực của các tổ chức dưới tác động của toàn cầu hóa.

1. Những nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi.
2. Các chính sách quản lý nguồn nhân lực đã, đang và sẽ có sự thay đổi.
3. Sự xuất hiện của một số chính sách quản trị nhân lực mới.

II. Sự thay đổi của các chính sách quản trị nhân lực.

1. Chính sách tuyển dụng nhân lực.
2. Chính sách đào tạo nhân lực.
3. Đánh giá thực hiện công việc.
4. Chính sách thù lao và phúc lợi.
5. Chính sách an toàn - vệ sinh lao động.
6. Chính sách quan hệ lao động.
7. Các chính sách khác.

III. Sự xuất hiện của một số chính sách nhân lực mới

1. Chính sách quản lý nhân lực đa văn hóa.
2. Chính sách đối với lao động nhập cư.
3. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và sự điều chỉnh chính sách quản trị nhân lực.

Hướng dẫn/ Thảo luận/ Thực hành: Chủ yếu dùng phương pháp động não để giúp người học nắm vững các nội dung của mục I, III. Với mục II, chia lớp thành 6 nhóm, giao cho các nhóm thảo luận ở nhà theo các chủ đề sau:

- Nhóm 1: Hãy chỉ ra những thay đổi trong chính sách tuyển dụng của tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa?
- Nhóm 2: Hãy chỉ ra những thay đổi trong chính sách đào tạo của tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa?
- Nhóm 3: Hãy chỉ ra những thay đổi trong chính sách tiền lương của tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa?
- Nhóm 4: Hãy chỉ ra những thay đổi trong đánh giá thực hiện công việc của tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa?
- Nhóm 5: Hãy chỉ ra những thay đổi trong chính sách an toàn – vệ sinh lao động của tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa?
- Nhóm 6: Hãy chỉ ra những thay đổi trong chính sách quan hệ nhân sự của tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa?

Hướng dẫn học viên cách thảo luận nhóm, cách trình bày kết quả thảo luận trên slides.

Học viên trình bày slides theo mẫu sau:

Nội dung chính sách	Khi mức độ toàn cầu hóa thấp	Khi mức độ toàn cầu hóa cao

Chuyên đề 3

Quản lý sự thay đổi của các chính sách quản trị nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa

1. Mục đích

Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về quản lý sự thay đổi; phương pháp xác định các nhóm ủng hộ, nhóm phản đối, nhóm “thờ ơ”; kiến thức và kỹ năng đưa ra các giải pháp thực hiện nhằm đảm bảo sự thành công trong việc quản lý sự thay đổi các chính sách quản trị nhân lực.

2. Nội dung

I. Tổng quan về quản lý sự thay đổi

1. Khái niệm, phân loại và cách thức nhận biết sự thay đổi.
2. Lựa chọn sự thay đổi và thiết lập các mục tiêu thay đổi.
3. Hoạch định và thực hiện sự thay đổi.
4. củng cố sự thay đổi.
5. Phát triển nhân viên và vấn đề nâng cao tỷ lệ người ủng hộ sự thay đổi.
6. Đánh giá và phân tích.
7. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý sự thay đổi.

II. Quản lý sự thay đổi trong các chính sách quản trị nhân lực.

1. Quản lý sự thay đổi liên quan đến vấn đề quyền và lợi ích của người lao động.
2. Quản lý sự thay đổi liên quan đến sự phát triển hay đổi mới tương lai của tổ chức.
3. Quản lý sự thay đổi trong các chính sách nhân lực cụ thể.

Hướng dẫn/ Thảo luận/ Thực hành: Chủ yếu dùng phương pháp động não để giúp người học nắm vững các nội dung của mục I. Với mục II, chia lớp thành 6 nhóm, giao cho các nhóm thảo luận ở nhà theo các tình huống do giảng viên đề xuất. Có thể sử dụng các tình huống được nêu trong Phụ lục 1.

Chuyên đề 4

Quản trị nhân lực trong môi trường đa văn hóa

1. Mục đích

Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về quản lý đa văn hóa, quản trị nhân lực trong môi trường đa văn hóa, kỹ năng xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách quản trị nhân lực đa văn hóa trong một công ty nói chung và trong một công ty đa quốc gia.

2. Nội dung

I. Đa văn hóa và quản trị nhân lực đa văn hóa.

1. Một số khái niệm.
2. Quan điểm về quản trị nhân lực đa văn hóa.
3. Những thách thức trong quản trị nhân lực đa văn hóa.
4. Chiến lược quản trị nhân lực đa văn hóa.
5. Yêu cầu đối với nhà quản lý, lãnh đạo trong quản trị nhân lực đa văn hóa.

II. Quản trị nhân lực đa văn hóa trong tổ chức.

1. Nguồn gốc của sự đa văn hóa trong nguồn nhân lực của tổ chức.
2. Nguyên nhân chính phải xây dựng chính sách quản trị nhân lực đa văn hóa trong các tổ chức có nguồn nhân lực đa văn hóa.
3. Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách quản trị nhân lực đa văn hóa trong một tổ chức.
4. Quản trị nhân lực đa văn hóa trong các công ty đa quốc gia.

Hướng dẫn/ Thảo luận/ Thực hành: Có thể dùng phương pháp động não để giúp người học nắm vững các nội dung của mục I, II. Để thảo luận, chia lớp thành 6 nhóm, giao cho các nhóm thảo luận ở nhà theo các tình huống do giảng viên đề xuất. Có thể sử dụng các tình huống được nêu trong Phụ lục 2.

Phụ lục 1: Các tình huống thảo luận về quản lý sự thay đổi trong chính sách quản trị nhân lực

Tình huống 1: Quản lý sự thay đổi trong chính sách lương bổng.

Một tổ chức hiện đang trả lương theo hệ số lương do Nhà nước quy định gắn liền với hệ số thi đua (CSTD hệ số 1,2; LĐTĐ hệ số 1,1; LĐ hoàn thành nhiệm vụ hệ số 1,0 và KHTNV: 0,4). Các tiêu chí đánh giá có tính định tính cao nên tuyệt đại đa số nhân viên đều đạt LĐTĐ. Tổ chức này quyết định thay đổi chính sách tiền lương theo hướng:

- Trả lương theo giá trị công việc và mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định bởi các tiêu chí có tính định lượng cao.
- Hệ số hoàn thành công việc được dự kiến có độ dẫn cách lớn hơn (dự kiến hệ số của CSTD: 1,6; LĐTĐ: 1,3; HTNV: 1,0 và KHTNV: 0,4).

Yêu cầu:

- Đề xuất công thức tính lương mới.
- Dự kiến các nhóm người ủng hộ, nhóm phản đối và nhóm “thờ ơ”.
- Xác định phương pháp thuyết phục nhóm phản đối, kích hoạt nhóm “thờ ơ” của bạn nếu bạn là người lãnh đạo.

Tình huống 2: Quản lý sự thay đổi trong chính sách tuyển dụng.

Một tổ chức đang thực hiện chính sách tuyển dụng nhân viên mới chủ yếu với phương châm ưu tiên con của những cán bộ đang làm việc và con cháu của lãnh đạo cấp cao. Tổ chức đang hoạt động rất thuận lợi vì những nhân viên lâu năm làm việc tích cực, đồng thời cấp trên rất “tạo điều kiện” do đã giúp con cháu họ.

Năm vừa rồi, tổ chức thay đổi lãnh đạo cấp cao mới là một người có tầm nhìn xa. Đứng trước tình trạng đội ngũ nhân viên mới do lãnh đạo cũ tuyển dụng có năng lực yếu kém, lãnh đạo mới quyết định thực hiện chính sách thu hút nhân tài và thực hiện tuyển dụng công bằng nhằm đáp ứng yêu cầu mới của toàn cầu hóa.

Yêu cầu:

- Dự kiến các nhóm người ủng hộ, nhóm phản đối và nhóm “thờ ơ”.
- Xác định phương pháp thuyết phục nhóm phản đối, kích hoạt nhóm “thờ ơ”.
- Hãy cho lãnh đạo lời khuyên về chính sách tuyển dụng thích hợp trong giai đoạn chuyển tiếp.

Tình huống 3: Quản lý sự thay đổi trong việc lựa chọn nhân sự lãnh đạo

Một tổ chức từ khi thành lập đến nay luôn thực hiện việc quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ vào các vị trí lãnh đạo bằng cách sử dụng nguồn nội bộ. Trước yêu cầu đổi mới nhằm đáp ứng tiến trình hội nhập, lãnh đạo tổ chức quyết định lựa chọn các vị trí lãnh đạo chủ chốt (người đứng đầu của các đơn vị) thông qua việc lựa chọn từ nguồn ứng viên từ bên trong và bên ngoài tổ chức.

1. Hãy đề xuất quy trình lựa chọn ứng viên của nhóm.
2. Với quy trình đó, hãy dự đoán các nhóm ủng hộ, nhóm phản đối và nhóm “thờ ơ”.
3. Hãy đề xuất cách làm để đa số các nhân viên của tổ chức ủng hộ sự thay đổi này

Tình huống 4: Quản lý sự thay đổi trong giải quyết lao động dôi dư

Bạn làm việc trong một trường đại học công lập ở TP. X, trong đó, do nhiều nguyên nhân, trường đã để xảy ra tình trạng tỷ lệ bộ phận phục vụ quá cao (tỷ lệ bộ phận phục vụ so với giảng viên chiếm tới 50% so với chuẩn là 15 – 20%). Chất lượng giảng viên lại rất thấp. Song do trường thành công trong việc xin chỉ tiêu tuyển sinh, thu nhập vẫn đảm bảo.

Năm 2012, Bộ GD-ĐT ban hành Thông tư 57, trường không được cấp chỉ tiêu tuyển sinh. Nguồn thu của trường giảm hẳn xuống.

1. Là người tham mưu cho Hiệu trưởng, bạn sẽ đề xuất giải pháp gì để đảm bảo thu nhập cho cán bộ công nhân viên, đồng thời nâng cao chất lượng giảng viên đáp ứng yêu cầu hội nhập.
2. Bạn hãy dự kiến nhóm ủng hộ, nhóm phản đối và nhóm trung dung.
3. Hãy đề xuất phương pháp để những người phản đối, người thuộc nhóm trung dung ủng hộ sự thay đổi nếu thực hiện giải pháp do bạn đề xuất.

Tình huống 5: Quản lý sự thay đổi trong đào tạo và sử dụng cán bộ.

Một Tập đoàn kinh tế đã có 50 năm xây dựng và trưởng thành. Cán bộ của Tập đoàn phần lớn có trình độ đại học và sau đại học, song rất ít người làm việc đúng chuyên môn được đào tạo. Do sự cạnh tranh và hội nhập, Tập đoàn buộc phải thay đổi.

1. Hãy đề xuất sự thay đổi trong chính sách đào tạo và sử dụng cán bộ.
2. Ai sẽ ủng hộ và ai sẽ phản đối với sự thay đổi do bạn đề xuất?
3. Làm thế nào để họ ủng hộ sự thay đổi đó?

Tình huống 6: Quản lý sự thay đổi trong nguồn nhân lực của tổ chức.

Một Công ty quyết định nhập một số dây chuyền công nghệ mới của nước ngoài. Do ở Việt Nam chưa từng có dây chuyền này nên Công ty phải tuyển dụng lao động là người nước ngoài vào làm việc ở Công ty.

1. Hãy đề xuất các nội dung chính sách quản trị nhân lực cần phải thay đổi.
2. Ai sẽ ủng hộ và ai sẽ phản đối với sự thay đổi do bạn đề xuất?
3. Làm thế nào để họ ủng hộ sự thay đổi đó?

Phụ lục 2: Các tình huống thảo luận về quản trị nhân lực trong môi trường đa văn hóa

Tình huống 1: Theo các bạn, Giám đốc nhân sự tại một chi nhánh công ty đa quốc gia ở nước ngoài cần làm gì để quản lý nhân sự đa văn hóa?

Tình huống 2: Theo các bạn, cần tuyển chọn và tổ chức đào tạo cho các nhà quản lý là người nước ngoài như thế nào để họ thích ứng với công ty của bạn?

Tình huống 3: Hãy đưa ra các dự đoán về “sốc văn hóa”, biểu hiện “sốc văn hóa”, nguyên nhân và cách thức vượt qua “sốc văn hóa” trong các công ty đa quốc gia?

Tình huống 4: Theo bạn, công ty đa quốc gia cần đưa ra những chính sách gì để điều hòa mối quan hệ giữa công ty và công dân nước chủ nhà?

Tình huống 5: Hãy chỉ ra các thách thức trong quản trị nhân lực đa văn hóa và cách thức vượt qua các thách thức đó.

Tình huống 6: Theo bạn, khi một công ty thành lập một nhà máy mới ở nước ngoài, công ty cần xây dựng chính sách quản trị nhân lực đối với chi nhánh này như thế nào? Hãy đưa ra các gợi ý đối với các nội dung của chính sách.

Phụ lục 3. Các chủ đề viết tiểu luận.

1. Tuyển dụng nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu mới của toàn cầu hóa trong thời kỳ hội nhập.

a, Tuyển dụng nhân lực tại Công ty X / Cơ quan Y/ Ngành Z /tỉnh ... nhằm đáp ứng yêu cầu mới của toàn cầu hóa.

b, Tuyển dụng nhân lực công bằng và vấn đề tuyển dụng lao động là người nước ngoài tại

c, Quản lý sự thay đổi của chính sách tuyển dụng nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu mới của toàn cầu hóa đối với ngành .../các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn ...

d, V.v...

2. Đào tạo nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu mới của toàn cầu hóa.

a, Đào tạo nhân lực tại Công ty X / Cơ quan Y/ Ngành Z nhằm đáp ứng yêu cầu mới của toàn cầu hóa trong thời kỳ hội nhập.

b, Quản lý sự thay đổi của chính sách đào tạo nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu mới của toàn cầu hóa đối với ngành .../các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn ...

c, Đào tạo cán bộ công chức nhằm đáp ứng yêu cầu của toàn cầu hóa kinh tế.

d, Quản lý sự thay đổi trong chính sách đào tạo trong môi trường toàn cầu hóa tại ...

e, Nâng cao hiệu quả đào tạo thanh tra lao động trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.

f, V.v...

3. Tiền lương trong giai đoạn mới của nền kinh tế.

a, Điều chỉnh chính sách tiền lương tối thiểu trong bối cảnh Việt Nam đã là thành viên chính thức của WTO và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.

b, Điều chỉnh nội dung quản lý nhà nước về tiền lương nhằm đáp ứng yêu cầu mới của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập.

c, Quản lý sự thay đổi phương án trả lương tại cơ quan X trong bối cảnh hội nhập.

d, Cơ chế hai bên và vấn đề xác định các mức lương theo thỏa thuận trong bối cảnh toàn cầu hóa.

e, Tiền lương ở các doanh nghiệp FDI và vấn đề điều chỉnh chính sách tiền lương đối với các doanh nghiệp này trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.

f, V.v...

4. Chính sách an toàn - vệ sinh lao động.

a, Điều chỉnh chính sách AT-VSLĐ trong bối cảnh Việt Nam đã là thành viên chính thức của WTO và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.

b, Điều chỉnh nội dung quản lý nhà nước về AT-VSLĐ nhằm đáp ứng yêu cầu mới của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập.

c, Quản lý sự thay đổi trong công tác AT-VSLĐ tại cơ quan X nhằm vượt qua các rào cản kỹ thuật và thương mại.

d, Bàn về việc thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế về AT-VSLĐ ở các doanh nghiệp Việt Nam/ ở Công ty X, ... trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.

e, AT-VSLĐ ở các doanh nghiệp Nhà nước và vấn đề điều chỉnh chính sách AT-VSLĐ đối với các doanh nghiệp này trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.

f, V.v...

5. Chính sách tạo động lực lao động.

a, Vận dụng các học thuyết tạo động lực lao động trong việc thúc đẩy động lực lao động ở trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.

b, Kinh nghiệm tạo động lực lao động ở các Công ty nước ngoài và khả năng vận dụng kinh nghiệm này vào các doanh nghiệp Việt Nam.

c, Quản lý sự thay đổi trong chính sách tạo động lực lao động của doanh nghiệp ... trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.

d, V.v...

6. Chiến lược nguồn nhân lực.

a, Phân tích sự lựa chọn chiến lược phát triển nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu mới của nền kinh tế.

b, Dự báo tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và điều chỉnh chiến lược nguồn nhân lực quốc gia.

c, Chiến lược phát triển cán bộ công chức ... nhằm đáp ứng yêu cầu của toàn cầu hóa kinh tế.

d, V.v...

7. Sử dụng nhân lực.

a, Áp dụng kinh dịch vào quản lý con người trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.

b, Cách thức quản lý con người của các nước phương Tây và việc áp dụng chúng vào hoạt động sử dụng nhân lực ở các cơ quan/ tổ chức ở Việt Nam.

c, Sử dụng nhân lực đa văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.

d, Vấn đề đề bạt, bổ nhiệm cán bộ trong nền kinh tế toàn cầu.

e, Vấn đề phân công, bố trí lao động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong môi trường toàn cầu hóa kinh tế.

f, V.v...

8. Mô hình quản trị nhân lực.

a, Sự thay đổi mô hình quản trị nhân lực của các doanh nghiệp Việt Nam/ Tập đoàn X/ Công ty Y/ cơ quan Z trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.

b, Áp dụng mô hình quản trị nhân lực Harvard / Michigan/ ... vào hoạt động quản trị nhân lực ở các doanh nghiệp Việt Nam/ Tập đoàn X/ Công ty Y/ cơ quan Z trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.

c, Quản lý sự thay đổi mô hình quản trị nhân lực ở các doanh nghiệp Việt Nam/ Tập đoàn X/ Công ty Y/ cơ quan Z trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.

d, V.v...

9. Quan hệ nhân sự.

a, Điều chỉnh quan hệ nhân sự nhằm đáp ứng yêu cầu mới của nền kinh tế thị trường.

b, Thúc đẩy quan hệ lao động hài hòa thông qua tăng cường đối thoại giữa quản lý và nhân viên tại Tập đoàn X/ Công ty Y/ cơ quan Z trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.

c, Văn hóa tổ chức và vấn đề thúc đẩy quan hệ lao động hài hòa tại Tập đoàn X/ Công ty Y/ cơ quan Z trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.

d, V.v...

10. Thiết kế, phân tích và đánh giá thực hiện công việc.

a, Đổi mới hệ thống đánh giá thực hiện công việc và sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Tập đoàn X/ Công ty Y/ cơ quan Z trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.

b, Đổi mới phân tích công việc tại Tập đoàn X/ Công ty Y/ cơ quan Z nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực trong bối cảnh mới của nền kinh tế.

c, Quản lý sự thay đổi trong phân tích/ đánh giá thực hiện công việc tại Tập đoàn X/ Công ty Y/ cơ quan Z trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế

d, V.v...

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP NÂNG CAO

- 1. Tên học phần:** Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao;
Mã học phần: KTQC 517
- 2. Số tín chỉ:** 03 TC (40,10,85)
- 3. Điều kiện tiên quyết:** Không
- 4. Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Vũ Thị Thanh Thủy	0982092518	thuyhuong7879@gmail.com
2	TS. Lê Thị Tú Oanh	0988770595	anhletu@gmail.com

5. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong, học viên hiểu về các kiến thức quản trị tài chính chuyên sâu làm giúp học viên chuyên ngành kế toán nghiên cứu các nội dung liên quan đến kế toán doanh nghiệp nâng cao.

- Biết cách lập các báo cáo tài chính của doanh nghiệp như: báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bảng cân đối kế toán; từ đó có thể phân tích khái quát tài chính doanh nghiệp

- Hiểu được các hình thức huy động vốn của doanh nghiệp như: huy động nợ, huy động vốn chủ sở hữu.

- Biết đánh giá rủi ro của 1 tài sản và của 1 danh mục đầu tư

- Hiểu được mối quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận

- Biết cách xác định các chi phí vốn

- Hiểu được cách xác định cơ cấu vốn tối ưu cho doanh nghiệp

- Biết cách lập kế hoạch tài chính dài hạn cho doanh nghiệp

- Hiểu được quản lý tài sản lưu động và cố định trong doanh nghiệp

- Biết phương pháp tái cấu trúc doanh nghiệp.

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần nghiên cứu các vấn đề lý thuyết chuyên sâu về quản trị tài chính doanh nghiệp: Nguyên tắc quản trị tài chính hiện đại, đặc điểm các nguồn vốn của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn, phân tích khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp, các quyết định tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp: quản lý dòng tiền vào, ra, các luật liên quan tới quản lý tài chính trong các doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu vốn và chi phí vốn, các quyết định đầu tư dài hạn của doanh nghiệp, phân tích các chính sách tín dụng thương mại của doanh nghiệp, tác động của thuế đến hoạt động tài chính doanh nghiệp. Học phần cũng nghiên cứu về các mô hình lập kế hoạch tài chính dài hạn của một doanh nghiệp. Các vấn đề về tái cấu trúc và sắp xếp doanh nghiệp cũng được đề cập một cách cơ bản.

7. Nhiệm vụ của học viên

- Yêu cầu học viên có mặt trên lớp ít nhất 70% số giờ theo quy định;
- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp;
- Đọc tài liệu liên quan đến học phần;
- Hoàn thành đúng hạn và có chất lượng các bài tập và nhiệm vụ khi giảng viên giao nghiên cứu ở nhà;

- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ;
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu học tập

[1] Bài giảng Cao học: Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao, Trường Đại học Lao động - Xã hội, 2013.

[2] PGS.TS. Dương Đức Lân – Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp – Nhà xuất bản tài chính, 2011.

[3] Vũ Thị Thanh Thủy (đồng tác giả), Thẩm định tài chính dự án đầu tư, NXV Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2018.

[4] Vũ Thị Thanh Thủy, Quản lý tài chính các trường đại học công lập, NXV Tài chính, 2017.

[5] Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp – NXB tài chính

[6] Quản trị tài chính doanh nghiệp, NXB Giao thông vận tải

[7] Lawrence D.Schall Charles W.Haley - Introduction to Financial management, sixth edition

[8] Ross- Fundamentals of Corporate Finance Vol I – 6th, Mc GrawHill Companies, 2003.

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp tự luận với trắc nghiệm)

- **Phương pháp đánh giá học phần**

TT	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung học phần:

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	Lý thuyết	TH, TL	
1	Chương 1. Một số vấn đề cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp	[1], [2], [3], [4] [5] [6] [7]	4	3	1	8.5
2	Chương 2. Quản trị tài sản của doanh nghiệp	[1], [2], [3], [4] [5] [6] [7]	6	3	1	8.5
3	Chương 3. Nguồn huy động vốn của doanh nghiệp	[1], [2], [3], [4] [5] [6] [7]	7	6	1	17
4	Chương 4. Chi phí sử dụng vốn và cơ cấu nguồn vốn	[1], [2], [3], [4] [5] [6] [7]	7	5	2	17
5	Chương 5. Báo cáo tài chính doanh nghiệp	[1], [2], [3], [4] [5] [6] [7]	7	6	1	17
6	Chương 6. Doanh lợi và rủi ro trong hoạt động đầu tư	[1], [2], [3], [4] [5] [6] [7]	9	7	2	17
7	Chương 7. Dự báo tài chính	[1], [2], [3], [4] [5] [6] [7]	10	8	2	
	Tổng cộng		50	40	10	85

B. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1. Một số vấn đề cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp

1.1. Mục tiêu quản trị tài chính doanh nghiệp

1.1.1. Tối đa hóa lợi nhuận

1.1.2. Tối đa hóa thu nhập một cổ phiếu

1.2. Các chức năng quản trị tài chính doanh nghiệp

1.2.1. Dự đoán nhu cầu vốn

1.2.2. Huy động vốn

1.2.3. Tổ chức sử dụng vốn

1.2.4. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

1.2.5. Kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp

1.3. Các nguyên tắc quản trị tài chính doanh nghiệp

1.3.1. Nguyên tắc giá trị thời gian của tiền

1.3.2. Nguyên tắc sử dụng nợ vay trong kinh doanh

1.3.3. Nguyên tắc đánh đổi rủi ro và lợi nhuận

1.3.4. Các nguyên tắc khác

1.4. Các nhân tố ảnh hưởng tới quản trị tài chính doanh nghiệp

1.4.1. Môi trường pháp lý

- 1.4.2. Môi trường kinh tế
- 1.4.3. Môi trường khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế

Chương 2. Quản trị tài sản của doanh nghiệp

2.1. Quản trị tài sản ngắn hạn

- 2.1.1. Quản trị dự trữ
- 2.1.2. Quản trị tiền mặt
- 2.1.3. Quản trị các khoản phải thu

2.2. Quản trị tài sản dài hạn

- 2.2.1. Quản trị tài sản cố định
- 2.2.2 Các chỉ tiêu đánh giá

Chương 3. Nguồn huy động vốn của doanh nghiệp

3.1. Nguồn huy động vốn trung và dài hạn của doanh nghiệp

- 3.1.1. Vốn chủ sở hữu
- 3.1.2. Vốn vay

3.2. Nguồn huy động vốn ngắn hạn của doanh nghiệp

- 3.2.1. Vay tiền mặt
- 3.2.2. Phát hành quá số dư
- 3.2.3. Chiết khấu giấy tờ có giá
- 3.2.4. Khách hàng trả tiền trước

Chương 4. Chi phí sử dụng vốn và cơ cấu nguồn vốn

4.1. Chi phí sử dụng vốn

- 4.1.1. Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu
- 4.1.2. Chi phí sử dụng vốn vay
- 4.1.3. Chi phí sử dụng vốn bình quân

4.2. Cơ cấu nguồn vốn

- 4.2.1. Cơ cấu nguồn vốn
- 4.2.2. Hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp

Chương 5. Báo cáo tài chính doanh nghiệp

5.1. Vai trò của báo cáo tài chính

- 5.1.1. Vai trò của báo cáo tài chính đối với nhà quản trị tài chính
- 5.1.2. Vai trò của báo cáo tài chính đối với nhà đầu tư
- 5.1.3. Vai trò của báo cáo tài chính đối với cơ quan quản lý nhà nước
- 5.1.4. Vai trò của báo cáo tài chính đối với các chủ thể khác trong nền kinh tế

5.2. Báo cáo kết quả kinh doanh

- 5.2.1. Ý nghĩa của báo cáo kết quả kinh doanh
- 5.2.2. Các lập báo cáo kết quả kinh doanh

5.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- 5.3.1. Ý nghĩa của báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 5.3.2. Các lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ

5.4. Bảng cân đối kế toán

- 5.4.1. Ý nghĩa của bảng cân đối kế toán
- 5.3.2. Các lập bảng cân đối kế toán

Chương 6. Doanh lợi và rủi ro trong hoạt động đầu tư

6.1. Khái quát về doanh lợi và rủi ro

- 6.1.1. Doanh lợi tuyệt đối và doanh lợi tương đối

6.1.2. Doanh lợi thực tế và doanh lợi danh nghĩa

6.1.3. Doanh lợi bình quân

6.1.4. Rủi ro và phân bù rủi ro

6.2. *Doanh lợi, rủi ro và đường thị trường chứng khoán*

6.2.1. Doanh lợi dự kiến

6.2.2. Danh mục đầu tư

6.2.3. Rủi ro, doanh lợi hệ thống và phi hệ thống

6.2.4. Đường Thị trường chứng khoán

Chương 7. Dự báo tài chính

7.1. *Tổng quan về dự báo tài chính*

7.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của dự báo

7.1.2. Các phương pháp dự báo

7.1.3. Các nguyên tắc dự báo

7.2. *Dự báo tài chính*

7.2.1. Dự báo doanh thu

7.2.2. Dự báo kết quả kinh doanh

7.2.3. Dự báo ngân quỹ

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Học phần Kế toán quản trị bao gồm 03 tín chỉ được phân bổ như sau: 40 tiết lý thuyết, 10 tiết thực hành và 85 giờ tự học của học viên. Học viên sẽ phải làm 1 bài kiểm tra giữa kỳ (theo lịch của giáo viên giảng dạy) và 1 bài thi kết thúc học phần (theo lịch thi của nhà trường).

- Đối với giảng viên giảng dạy cần:

+ Nhất thiết phải có bài giảng của học phần Kế toán quản trị nhằm phục vụ tốt cho việc giảng dạy học phần này;

+ Phổ biến cho học viên về những quy định, nội dung của học phần giảng dạy;

+ Phương pháp giảng dạy: Phương pháp động não, phương pháp dạy học dựa trên vấn đề;

+ Phương tiện giảng dạy: Phấn, bảng, máy chiếu;

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG

1. Tên học phần: Quản trị quan hệ khách hàng; Mã học phần: QKKH516
2. Số tín chỉ: 03 TC (40;10;85)
3. Điều kiện tiên quyết: Không
4. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	0988032096	ngthuhuong911@gmail.com
2	TS. Đoàn Thị Quỳnh Anh	0913.069668	quynhanh_ulsa@yahoo.com

5. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức*: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về các hoạt động quản trị quan hệ khách hàng như các chiến lược, nội dung triển khai...
- *Về kỹ năng*: Học viên có thể xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng, hoạch định chiến lược, thực hiện và kiểm soát hoạt động quan hệ khách hàng, giúp tạo dựng và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng.
- *Về thái độ*: Học viên cần nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động quản trị quan hệ khách hàng trong việc ổn định và phát triển của doanh nghiệp; học viên cần có thái độ học tập nghiêm túc, vận dụng tốt những kiến thức đã học trong công việc.

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần Quản trị quan hệ khách hàng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bản chất của quản trị quan hệ khách hàng; những công việc chủ yếu trong quản trị quan hệ khách hàng; hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng; quy trình lựa chọn chiến lược quản trị quan hệ khách hàng và những tác nghiệp cụ thể trong quản trị quan hệ khách hàng.

7. Nhiệm vụ của học viên

- Nghiên cứu giáo trình, tài liệu theo yêu cầu;
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp;
- Tham gia thảo luận tích cực tại lớp;
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao;
- Hoàn thành 1 bài kiểm tra giữa kỳ;
- Hoàn thành kỳ thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc*:

[1] Trương Đình Chiến và cộng sự, *Quản trị Quan hệ khách hàng*, NXB Phụ nữ, 2009

- *Tài liệu tham khảo*:

[2] Phillip Kotler, Kevin Keller, *Quản trị marketing (sách dịch)*, NXB Lao động – Xã hội, 2013

[3] Lưu Đan Thọ, Tôn Thất Hoàng Hải và Cao Minh Nhựt, *Marketing B2B – Marketing khách hàng tổ chức*, NXB Tài chính, 2016

[4]. Trần Văn Hòe, Doãn Thị Mai Hương, Giáo trình *Quản trị Marketing*, NXB Lao động, 2017

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (kết hợp tự luận với trắc nghiệm)

- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Chương 1: Tổng quan về quản trị quan hệ khách hàng	[1],[2],[3]	8	8	0		16
2	Chương 2: Dịch vụ khách hàng trong quản trị quan hệ khách hàng	[1]	7	6	1		13,5
3	Chương 3: Chiến lược quản trị quan hệ khách hàng	[1],[3]	10	8	2		15
4	Chương 4: Quản trị và chia sẻ cơ sở dữ liệu khách hàng	[1]	5	4	1		8,5
5	Chương 5: Quản trị quan hệ khách hàng trong thương mại điện tử	[1]	8	5	3		11,5

6	Chương 6: Quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng	[1]	7	5	1	1	11
7	Chương 7: Kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng	[1], [3]	5	4	1		8,5
	Tổng		50	40	09	01	85

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG

1.1. Bản chất của quản trị quan hệ khách hàng

1.1.1. Khái niệm và vai trò

1.1.2. Tầm quan trọng

1.1.3. Nội dung của quản trị quan hệ khách hàng

1.1.4. Quy trình xây dựng và thực hiện hoạt động quản trị quan hệ khách hàng

1.2. Đặc điểm và phạm vi của quản trị quan hệ khách hàng

1.2.1. Đặc điểm

1.2.2. Phạm vi

1.3. Các yếu tố chi phối đến quản trị quan hệ khách hàng

1.4. Mối quan hệ giữa quản trị quan hệ khách hàng (CRM) và các hoạt động quản trị chức năng khác trong doanh nghiệp

1.4.1. CRM với marketing

1.4.2. CRM với bán hàng

1.4.3. CRM với truyền thông

1.4.4. CRM với dịch vụ khách hàng

1.4.5. CRM với con người

CHƯƠNG II. DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG TRONG QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG

2.1. Bản chất và vai trò của dịch vụ khách hàng trong chiến lược và hoạt động CRM

2.2. Các cấp độ của dịch vụ khách hàng

2.2.1. Cấp độ 1 – những khách hàng mua lần đầu

2.2.2. Cấp độ 2 – những khách hàng mua lặp lại

2.2.3. Cấp độ 3 – những khách hàng trung thành

2.3. Lựa chọn hình thức dịch vụ khách hàng

2.3.1. Hồ sơ Pyramid

2.3.2. Hồ sơ Hourglass

2.3.3. Hồ sơ Hexagon

2.4. Cạm bẫy của hồ sơ dịch vụ khách hàng

CHƯƠNG 3. CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG

3.1. Cơ sở xây dựng chiến lược quản trị quan hệ khách hàng

3.1.1. Phân tích chiến lược kinh doanh

3.1.2. Phân tích chiến lược khách hàng

3.1.3. Phân tích ngành và môi trường cạnh tranh

3.2. Phát triển chiến lược CRM

- 3.2.1. Chiến lược bán hàng dựa vào sản phẩm
- 3.2.2. Chiến lược quản lý dịch vụ và hỗ trợ
- 3.2.3. Chiến lược marketing dựa vào khách hàng
- 3.2.4. CRM cá nhân hóa

3.3. Tổ chức xây dựng chiến lược CRM

- 3.3.1. Lựa chọn người tham gia
- 3.3.2. Chuẩn bị cho cuộc họp đầu tiên
- 3.3.3. Hợp xây dựng chiến lược CRM
- 3.3.4. Xác định các chiến lược tiềm năng
- 3.3.5. Lựa chọn chiến lược CRM

CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ VÀ CHIA SẺ CƠ SỞ DỮ LIỆU KHÁCH HÀNG

4.1. Dữ liệu và thông tin

- 4.1.1. Tầm quan trọng của dữ liệu, thông tin trong CRM
- 4.1.2. Các loại dữ liệu chủ yếu

4.2. Quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng

- 4.2.1. Khái niệm về quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng
- 4.2.2. Phân tích dữ liệu
- 4.2.3. Lên kế hoạch sử dụng cơ sở dữ liệu
- 4.2.4. Triển khai sử dụng cơ sở dữ liệu

4.3 Vấn đề pháp lý và đạo đức trong sử dụng dữ liệu, thông tin

- 4.3.1 Vấn đề pháp lý
- 4.3.2 Các quy tắc đạo đức

4.4. Công cụ thu thập thông tin khách hàng

- 4.4.1. Nguồn thông tin và dữ liệu
- 4.4.2. Các công cụ thu thập thông tin
- 4.4.3. Độ tin cậy của thông tin

CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

5.1 Thương mại điện tử (e-CRM) và hệ thống thông tin khách hàng trong kinh doanh hiện đại

- 5.1.1. Khái niệm về e-CRM
- 5.1.2. Các lợi ích của e-CRM
- 5.1.3. Các công cụ chủ yếu sử dụng trong e – CRM
- 5.1.4. Điều kiện áp dụng e - CRM

5.2. Các cấp độ của e-CRM

- 5.2.1. Cấp độ 1 – Cung cấp thông tin cho khách hàng
- 5.2.2. Cấp độ 2 - Thu nhận và tương tác trao đổi thông tin với khách hàng
- 5.2.3. Cấp độ 3 – Bán hàng trực tuyến

5.3. Chiến lược CRM trong thương mại điện tử

CHƯƠNG 6. QUẢN TRỊ XUNG ĐỘT VÀ DUY TRÌ SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG

6.1. Tổ chức hoạt động chăm sóc khách hàng

- 6.1.1. Khái niệm chăm sóc khách hàng
- 6.1.2. Vai trò của công tác chăm sóc khách hàng
- 6.1.3. Các nguyên tắc thiết kế chương trình chăm sóc khách hàng
- 6.1.4. Các phương thức chăm sóc khách hàng
- 6.1.5. Tổ chức bộ phận chăm sóc khách hàng trong doanh nghiệp

6.2. Quản trị các xung đột với khách hàng

- 6.2.1. Bản chất xung đột và vai trò của quản trị xung đột
- 6.2.2. Đặc trưng của hành vi xung đột
- 6.2.3. Phòng ngừa xung đột
- 6.2.4. Giải quyết xung đột

6.3. Xây dựng văn hóa dịch vụ khách hàng trong doanh nghiệp

- 6.3.1. Nhận thức của nhân viên về tầm quan trọng của sự hài lòng khách hàng
- 6.3.2. Các nguyên tắc xây dựng văn hóa dịch vụ khách hàng

CHƯƠNG 7. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG

7.1. Nội dung đánh giá

7.2. Các giai đoạn đánh giá hoạt động CRM

- 7.2.1. Giai đoạn 1 – Đánh giá các ảnh hưởng bên ngoài doanh nghiệp
- 7.2.2. Giai đoạn 2 – Đánh giá các ảnh hưởng bên trong doanh nghiệp

7.3. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động CRM

- 7.3.1. Đánh giá hiệu quả của hệ thống CRM
- 7.3.2. Đánh giá CRM về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- 7.3.3. Đánh giá hệ thống CRM về mặt công nghệ
- 7.3.4. Đánh giá mối quan hệ giữa CRM với marketing và bán hàng
- 7.3.5. Dự báo về thị trường và khách hàng

7.4. Điều chỉnh chiến lược và hoạt động CRM

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ TÁC NGHIỆP

- 1. Tên học phần:** Quản trị tác nghiệp; **Mã học phần:** QKTN517
- 2. Số tín chỉ:** 03 TC (40,10,85)
- 3. Điều kiện tiên quyết:** Không
- 4. Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Thị Anh Trâm	0982551207	tramnguyen.ulsa@gmail.com
2	TS. Phùng Thị Mỹ Linh	0912931289	phungmylinhkinhte@gmail.com

5. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức*
 - + Nắm được khái niệm, bản chất, nội dung tổng quan về quản trị tác nghiệp trong các doanh nghiệp.
 - + Nắm được kiến thức thực tiễn và bước đầu trau dồi năng lực vận dụng các kiến thức vào thực tiễn quản trị tác nghiệp ở các doanh nghiệp.
- *Về kỹ năng*
 - + Cung cấp cho người học các kỹ năng cơ bản về quản trị tác nghiệp như: dự báo, ra các quyết định chiến lược tác nghiệp.
 - + Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các vấn đề, kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề về quản trị tác nghiệp.
- *Về thái độ*
 - Giúp học viên nhận thức đúng đắn về vai trò, nhiệm vụ của nhà quản trị tác nghiệp trong bối cảnh hiện nay.

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức sau: Giới thiệu chung về quản trị tác nghiệp; Dự báo nhu cầu sản phẩm; Hệ thống hoạch định tác nghiệp; Chiến lược tác nghiệp và kiểm soát hệ thống sản xuất.

7. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: 70% số giờ trở lên
- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp
- Tham gia học tập và tìm hiểu thực tế học phần theo một nhóm học chính thức thuộc lớp học phần (có bài tập nhóm nộp cuối kỳ).
- Tham gia nghe giảng đầy đủ và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

8. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*
 - [1]. TS. Trương Đức Lực và TS. Nguyễn Đình Trung, *Quản trị Tác nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2013
 - [2]. Ths. Nguyễn Đình Trung, *Bài tập quản trị tác nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2011

- Tài liệu tham khảo:

[3]. GS.TS. Nguyễn Thành Độ, PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền, Giáo trình *Quản trị kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012

[4]. TS. Nguyễn Thành Hiếu, Sách chuyên khảo *Quản trị chuỗi cung ứng*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2015

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (tự luận - trắc nghiệm)

- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Chương I. Giới thiệu chung về quản trị tác nghiệp	[1]	8	8			16
2	Chương II. Dự báo nhu cầu sản phẩm	[1]	10	8	2		17
3	Chương III. Hệ thống hoạch định tác nghiệp	[1], [2]	10	8	2		17
4	Chương IV. Các chiến lược tác nghiệp	[1], [2]	12	8	4		18
5	Chương V. Kiểm soát hệ thống sản xuất	[1], [2]	10	8	2		17

	Tổng số		50	40	10		85
--	----------------	--	-----------	-----------	-----------	--	-----------

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ QUẢN TRỊ TÁC NGHIỆP

1.1. Thực chất của quản trị tác nghiệp

1.1.1. Khái niệm và vai trò của hoạt động quản trị tác nghiệp

1.1.2. Mục tiêu và các quyết định trong quản trị tác nghiệp

1.2. Những vấn đề chính trong quản trị tác nghiệp

1.2.1. Dự báo nhu cầu sản phẩm

1.2.2. Thiết kế sản phẩm và lựa chọn quá trình sản xuất

1.2.3. Quản trị công suất

1.2.4. Định vị doanh nghiệp và bố trí mặt bằng sản xuất trong doanh nghiệp.

1.2.5. Lập kế hoạch tổng hợp

1.2.6. Điều độ sản xuất

1.2.7. Quản trị dự trữ

1.2.8. Quản trị chất lượng hệ thống sản xuất.

1.3. Các quyết định trong quản trị tác nghiệp

1.3.1. Quyết định chiến lược

1.3.2. Quyết định tác nghiệp

1.3.3. Quyết định kiểm soát

1.4. Quá trình phát triển và xu hướng vận động của quản trị sản xuất

1.4.1. Lịch sử hình thành và phát triển của quản trị tác nghiệp

1.4.2. Xu hướng phát triển của quản trị tác nghiệp

CHƯƠNG II: DỰ BÁO NHU CẦU SẢN PHẨM

2.1 Thực chất và vai trò của dự báo trong quản trị sản xuất

2.1.1 Khái niệm, vai trò và phân loại dự báo nhu cầu sản phẩm

2.1.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến dự báo nhu cầu sản phẩm

2.2 Các phương pháp dự báo nhu cầu sản phẩm

2.2.1 Các phương pháp dự báo định tính

2.2.2 Các phương pháp dự báo định lượng

2.3 Kiểm soát dự báo

2.3.1 Các chỉ tiêu kiểm soát dự báo

2.3.2 Tín hiệu theo dõi

2.3.3 Giới hạn kiểm soát

CHƯƠNG III: HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH TÁC NGHIỆP

3.1 Hoạch định công suất trong dài hạn

3.1.1 Khái niệm và vai trò của hoạch định công suất trong dài hạn

3.1.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạch định công suất

3.1.3 Dự báo công suất trong dài hạn

3.2 Hoạch định tổng hợp

3.2.1 Khái niệm và vai trò của hoạch định tổng hợp

3.2.2 Các phương pháp hoạch định tổng hợp

3.2.3 Quá trình hoạch định tổng hợp

3.3 Lịch trình sản xuất chính (MPS)

3.3.1 Khái niệm lịch trình sản xuất chính

3.3.2 Mục tiêu của lịch trình sản xuất chính

3.3.3 Lập lịch trình sản xuất chính

CHƯƠNG IV: CÁC CHIẾN LƯỢC TÁC NGHIỆP

4.1 Sự phát triển của chiến lược tác nghiệp

4.1.1 Nhiệm vụ của doanh nghiệp

4.1.2 Các chiến lược kinh doanh

4.1.3 Kế hoạch sản xuất và tác nghiệp

4.1.4 Các ưu tiên cạnh tranh

4.2 Các quyết định chiến lược tác nghiệp

4.2.1 Sản phẩm và dịch vụ

4.2.2 Quy trình và công nghệ sản xuất

4.2.3 Công suất và thiết bị

4.2.4 Nguồn nhân lực

4.2.5 Nguồn cung cấp

4.2.6 Hệ thống tác nghiệp

4.2.7 Chất lượng sản phẩm và dịch vụ

CHƯƠNG V: KIỂM SOÁT HỆ THỐNG SẢN XUẤT

5.1. Quản trị dự trữ

5.1.1 Khái niệm và vai trò của quản trị dự trữ

5.1.2 Nội dung quản trị dự trữ

5.1.3 Các mô hình quản trị dự trữ

5.2. Quản trị chất lượng

5.2.1 Khái niệm và vai trò của quản trị chất lượng

5.2.2 Các công cụ chủ yếu của quản trị chất lượng

5.2.3 Thiết kế và kiểm soát quá trình sản xuất

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH DOANH QUỐC TẾ

- 1. Tên học phần: Kinh doanh quốc tế ;** **Mã học phần: QKQT518**
- 2. Số tín chỉ: 03 TC (40;10;85)**
- 3. Điều kiện tiên quyết: không**
- 4. Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	0988032096	ngthuhuong911@gmail.com
2	TS. Nguyễn Thị Huế	0904 622 422	Nguyenhue.sf@gmail.com

5. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:* Học phần Kinh doanh quốc tế giúp học viên có kiến thức lý thuyết cũng như thực tiễn về hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa. Học viên có thể phân tích được môi trường kinh doanh quốc tế, nắm được những chiến lược kinh doanh quốc tế, các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế. Ngoài ra, học viên có kiến thức về các hoạt động quản trị chức năng như quản trị sản xuất và logistics, marketing, quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế.

- *Về kỹ năng:* Học viên được phát triển các kỹ năng như hoạch định chiến lược kinh doanh quốc tế, phân tích thị trường, đánh giá và ra quyết định kinh doanh quốc tế...

- *Về thái độ:* Học viên cần nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh hiện nay. Do đó, học viên cần có thái độ nghiêm túc trong học tập, cần tích cực tìm hiểu những vấn đề thực tiễn gắn với lý thuyết được học, từ đó có sự vận dụng tốt vào công việc mình đang làm.

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần Kinh doanh quốc tế giới thiệu bảy chương. Chương 1 trình bày về tổng quan kinh doanh quốc tế, bao gồm: khái niệm, đặc điểm, vai trò, động cơ tham gia kinh doanh quốc tế, các yếu tố thúc đẩy hoạt động kinh doanh quốc tế, các hoạt động kinh doanh quốc tế. Chương 2 trình bày về môi trường kinh doanh quốc tế gồm môi trường bên trong và môi trường bên ngoài doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Chương 3 trình bày về chiến lược kinh doanh quốc tế, gồm: vai trò, các yếu tố ảnh hưởng, các loại hình chiến lược, cấu trúc tổ chức doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Chương 4 trình bày về quản trị hoạt động kinh doanh quốc tế, đó là: quản trị hoạt động xuất nhập khẩu, quản trị đầu tư quốc tế. Các chương còn lại trình bày một số hoạt động quản trị chức năng trong doanh nghiệp kinh doanh quốc tế như: quản trị sản xuất và logistics, marketing, rủi ro trong môi trường kinh doanh toàn cầu. Học phần này cung cấp kiến thức lý thuyết cũng như thực tế, giúp người học hiểu sâu về hoạt động kinh doanh quốc tế.

7. Nhiệm vụ của học viên

- Nghiên cứu giáo trình, tài liệu theo yêu cầu;
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp;
- Tham gia thảo luận tích cực tại lớp;

- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao;
- Hoàn thành 1 bài kiểm tra giữa kỳ;
- Hoàn thành kỳ thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu bắt buộc:

[1] Nguyễn Bách Khoa, *Chiến lược kinh doanh quốc tế*, NXB Thống kê Hà Nội, 2004

[2] Nguyễn Hoàng Việt, Đỗ Thị Bình, *Giáo trình Quản trị chiến lược toàn cầu*, NXB Hà Nội, 2017

[3] Phillip Kotler, Kevin Keller, *Quản trị marketing* (sách dịch), NXB Lao động Xã hội, 2013

- Tài liệu tham khảo:

[4] Phạm Thị Hồng Yến, *Giáo trình Kinh doanh quốc tế*, NXB Thống kê, 2012

[5] Đoàn Thị Hồng Vân và Kim Ngọc Đạt, *Giáo trình Quản trị xuất nhập khẩu*, NXB Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh, 2017

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Viết Tiểu luận

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, kiểm tra (B)	0,3
3	Tiểu luận (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Chương 1: Tổng quan về kinh doanh quốc tế	[1],[2],[4]	8	8	0		16
2	Chương 2: Môi trường kinh doanh quốc tế	[1],[2],[4]	7	6	1		12,5
3	Chương 3: Chiến lược kinh doanh quốc tế	[1],[2]	10	8	2		17
4	Chương 4: Quản trị hoạt động kinh doanh quốc tế	[1], [2], [5]	5	4	1		8,5
5	Chương 5: Quản trị sản xuất và Logistics toàn cầu	[1], [2]	5	4	1		8,5
6	Chương 6: Quản trị marketing toàn cầu	[1], [2],[3]	8	5	2	1	11,5
7	Chương 7: Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế	[1], [2],	7	5	2		11
	Tổng		50	40	9	1	85

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH QUỐC TẾ

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động kinh doanh quốc tế

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm

1.1.2. Vai trò

1.2. Động cơ thực hiện hoạt động kinh doanh quốc tế

1.2.1. Mở rộng thị trường, tăng lợi nhuận

1.2.2. Sử dụng hiệu quả nguồn lực ở các quốc gia

1.2.3. Tranh thủ những ưu đãi, thuận lợi của các quốc gia

1.2.4. Phân tán rủi ro.

1.3. Các yếu tố thúc đẩy hoạt động kinh doanh quốc tế

1.3.1. Bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế

1.3.2. Sự phát triển của khoa học công nghệ

1.3.3. Sự khác biệt giữa các quốc gia về lợi thế so sánh

1.4. Các hoạt động kinh doanh quốc tế

1.4.1. Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu

1.4.2. Mua bán đối lưu

1.4.3. Gia công quốc tế

1.4.4. Nhượng quyền thương mại

1.4.5. Đầu tư nước ngoài

CHƯƠNG II. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH QUỐC TẾ

2.1. Môi trường bên ngoài của doanh nghiệp kinh doanh quốc tế

2.1.1. Toàn cầu hóa

2.1.2. Sự khác biệt giữa các quốc gia trong kinh doanh quốc tế

2.1.3. Môi trường cạnh tranh trong kinh doanh quốc tế

2.2. Môi trường bên trong doanh nghiệp kinh doanh quốc tế

2.2.1. Phân tích chuỗi giá trị của doanh nghiệp kinh doanh quốc tế

2.2.2. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp kinh doanh quốc tế

CHƯƠNG III. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH QUỐC TẾ

3.1. Khái niệm và vai trò của chiến lược kinh doanh quốc tế

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Vai trò

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược kinh doanh quốc tế

3.2.1. Sức ép giảm chi phí

3.2.2. Sức ép đáp ứng nhu cầu địa phương

3.3. Các loại hình chiến lược kinh doanh quốc tế

3.3.1. Chiến lược quốc tế

3.3.2. Chiến lược đa nội địa

3.3.3. Chiến lược toàn cầu

3.3.4. Chiến lược xuyên quốc gia

3.4. Cấu trúc tổ chức của doanh nghiệp kinh doanh quốc tế

3.4.1. Cấu trúc tổ chức theo chức năng

3.4.2. Cấu trúc tổ chức theo sản phẩm

3.4.3. Cấu trúc tổ chức theo khu vực địa lý

3.4.4. Cấu trúc tổ chức theo sản phẩm và theo khu vực địa lý

CHƯƠNG IV. QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUỐC TẾ

4.1. Quản trị kinh doanh xuất nhập khẩu

4.1.1. Nghiên cứu thị trường và lựa chọn đối tác

4.1.2. Lập kế hoạch hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu

4.1.3. Tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu

4.1.4. Giám sát hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu

4.2. Quản trị đầu tư quốc tế

4.2.1. Quản trị đầu tư trực tiếp nước ngoài

4.2.2. Quản trị đầu tư gián tiếp

CHƯƠNG V. QUẢN TRỊ SẢN XUẤT VÀ LOGISTICS TOÀN CẦU

5.1. Tổng quan về quản trị sản xuất và logistics toàn cầu

5.2. Tổ chức mạng lưới sản xuất toàn cầu

5.2.1. Lựa chọn địa điểm sản xuất

5.2.2. Các thành viên trong mạng lưới sản xuất toàn cầu

5.2.3. Các mô hình mạng lưới sản xuất toàn cầu

5.3. Logistics toàn cầu

5.3.1. Nội dung logistics toàn cầu

5.3.2. Xu thế phát triển logistic toàn cầu

CHƯƠNG VI. QUẢN TRỊ MARKETING TOÀN CẦU

6.1. Thị trường toàn cầu

- 6.1.1. Phân đoạn thị trường toàn cầu
- 6.1.2. Lựa chọn thị trường
- 6.1.3. Định vị sản phẩm và thương hiệu toàn cầu
- 6.2. Quyết định chương trình marketing – mix**
- 6.2.1. Quyết định về sản phẩm
- 6.2.2. Quyết định về giá
- 6.2.3. Quyết định về phân phối
- 6.2.4. Quyết định về truyền thông marketing

CHƯƠNG VII. QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG KINH DOANH QUỐC TẾ

7.1. Nhận diện rủi ro trong kinh doanh quốc tế

- 7.1.1. Rủi ro chính trị
- 7.1.2. Rủi ro pháp luật
- 7.1.3. Rủi ro kinh tế
- 7.1.4. Rủi ro văn hóa
- 7.1.5. Rủi ro công nghệ
- 7.1.6. Rủi ro từ môi trường tự nhiên
- 7.1.7. Rủi ro từ phía đối tác

7.2. Phân tích rủi ro, đo lường tổn thất

- 7.2.1. Phân tích rủi ro
- 7.2.2. Đo lường tổn thất

7.3. Kiểm soát rủi ro

- 7.3.1. Phòng ngừa rủi ro
- 7.3.2. Hạn chế rủi ro
- 7.3.3. Đối phó với rủi ro

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN **QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG NÂNG CAO**

- 1. Tên học phần:** Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao; **Mã học phần:** QKCC519
- 2. Số tín chỉ:** 03 TC (40,10,85)
- 3. Điều kiện tiên quyết:** Không
- 4. Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Hoàng Thanh Tùng	098.908.5078	hoangthanhtung15@gmail.com
2	TS. Nguyễn Tiến Hưng	0886552289	hungdhldxh@gmail.com

5. Mục tiêu của học phần:

- Về kiến thức:

+ Nắm vững các lý thuyết về Quản trị chuỗi cung ứng trong hoạt động sản xuất kinh doanh

+ Hiểu được vai trò của liên kết; sự liên quan của các quyết định và hành động trong chuỗi cung ứng

+ Nắm được quy trình, phương pháp và nội dung cơ bản về các hoạt động chức năng trong chuỗi cung ứng

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng tạo lập mối liên kết và quan hệ ràng buộc giữa các quyết định và hành vi trong một chuỗi cung ứng thực tế

+ Vận dụng lý thuyết để triển khai áp dụng các biện pháp để cải thiện các hoạt động trong chuỗi cung ứng thực tế

- Về thái độ:

+ Nhìn nhận nghiêm túc các chức năng và hoạt động cơ bản trong chuỗi cung ứng, từ cấp địa phương đến toàn cầu

+ Cẩn thận, sáng tạo trong từng hoạt động, từng bộ phận của chuỗi cung ứng

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức sau: Lý luận cơ bản về Quản trị chuỗi cung ứng; Quản trị hậu cần đầu vào; Quản trị hậu cần đầu ra; Quản trị dự trữ và Xây dựng quan hệ liên kết trong chuỗi cung ứng.

7. Nhiệm vụ của học viên

- Đến lớp đầy đủ trong suốt quá trình học

- Tự nghiên cứu và chuẩn bị bài trong giờ tự học, làm đầy đủ các bài chuẩn bị, bài thảo luận, bài tập theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện quy chế đào tạo của trường Đại học Lao động – Xã hội

8. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1]. Giáo trình “ *Quản trị chuỗi cung ứng*”, Chủ biên: PGS.TS.Trần Văn Hòe; TS. Hoàng Thanh Tùng, Trường ĐH Lao động Xã hội (HLBB 1)

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Sách chuyên khảo: “*Quản trị chuỗi cung ứng*”, chủ biên: TS. Nguyễn Thanh Hiếu, Nhà xuất bản ĐH Kinh tế quốc dân (2015) (HLTK 1)

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Tiểu luận

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm:

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)					Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	BTL	KT	
1	Chương I. Tổng quan về Quản trị chuỗi cung ứng	[1]	10	8	2	0	0	17
2	Chương II. Quản trị hậu cần đầu vào	[1]; [2]	10	8	2	0	0	17
3	Chương III. Quản trị hậu cần đầu ra	[1]; [2]	10	8	2	0	0	17
4	Chương IV. Quản trị dự trữ	[1]; [2]	10	8	2	0	0	17
5	Chương V. Xây dựng quan hệ liên kết trong chuỗi cung ứng	[1]; [2]	10	8	1	0	1	17
	Tổng số		50	40	9	0	1	85

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; BTL: Bài tập lớn.

B. Nội dung chi tiết

Chương I: Tổng quan về Quản trị chuỗi cung ứng (SCM)

1.1 . Khái quát về chuỗi cung ứng

- 1.1.1. Thành viên tham gia chuỗi cung ứng
- 1.1.2. Các hoạt động chức năng của chuỗi cung ứng
- 1.1.3. Các nhân tố môi trường ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng

1.2. Quản trị chuỗi cung ứng

- 1.2.1. Hoạt động quản trị chuỗi cung ứng
- 1.2.2. Các mô hình quản trị chuỗi cung ứng

1.3. Chiến lược hoạt động của chuỗi cung ứng

- 1.3.1. Chuỗi cung ứng hoạt động theo hệ thống đẩy
- 1.3.2. Chuỗi cung ứng hoạt động theo hệ thống kéo
- 1.3.3. Chuỗi cung ứng hoạt động theo hệ thống kéo - đẩy và đẩy – kéo

1.4. Hiệu ứng Bullwhip và tác động đến chuỗi cung ứng

- 1.4.1. Hiệu ứng Bullwhip
- 1.4.2. tác động của hiệu ứng Bullwhip

Chương II: Quản trị hậu cần đầu vào

2.1. Quản trị nguồn cung nguyên vật liệu

- 2.1.1. Lựa chọn nguồn cung cấp
- 2.1.2. Duy trì và phát triển nguồn cung
- 2.1.3. Nguồn cung quốc tế

2.2. Quản trị thu mua

- 2.2.1. Xác định nhu cầu nguyên vật liệu
- 2.2.2. Lập đơn hàng và ký hợp đồng
- 2.2.3. Tổ chức thực hiện hợp đồng

2.3. Quản trị chi phí hậu cần đầu vào

- 2.3.1. Các chi phí mua nguyên vật liệu
- 2.3.2. Chi phí vận chuyển, giao nhận
- 2.3.3. Giảm thiểu chi phí hậu cần đầu vào

2.4. Những lựa chọn chiến lược

- 2.4.1. Chiến lược hậu cần tập trung giảm thiểu chi phí
- 2.4.2. Chiến lược hậu cần tập trung vào mức độ dịch vụ
- 2.4.3. Chiến lược hậu cần kết hợp
- 2.4.4. Các lựa chọn chiến lược hậu cần khác

Chương III: Quản trị hậu cần đầu ra

3.1. Quản trị bán hàng

- 3.1.1. Lập kế hoạch bán hàng
- 3.1.2. Tiếp nhận và xử lý đơn hàng
- 3.1.3. Vận chuyển và giao nhận sản phẩm

3.2. Quản trị hệ thống phân phối

- 3.2.1. Tổ chức hệ thống phân phối
- 3.2.2. Kiểm soát hoạt động của hệ thống phân phối

3.3. Quản trị chi phí hậu cần đầu ra

- 3.3.1. Chi phí tiếp nhận và xử lý đơn hàng
- 3.3.2. Chi phí vận chuyển, giao nhận hàng hóa

3.3.3. Giảm thiểu chi phí hậu cần đầu ra

Chương IV: Quản trị dự trữ

4.1. Dự trữ và quản trị dự trữ trong chuỗi cung ứng

4.1.1. Hoạt động dự trữ

4.1.2. Quản trị dự trữ trong chuỗi cung ứng

4.2. Các mô hình quản trị dự trữ trong chuỗi cung ứng

4.2.1. Mô hình mức đặt hàng tối ưu (EOQ)

4.2.2. Mô hình mức đặt hàng theo sản xuất (POQ)

4.2.3. Mô hình dự trữ thiếu (BOQ)

4.2.4. Mô hình khấu trừ theo số lượng (QDM)

Chương V: Xây dựng quan hệ liên kết trong chuỗi cung ứng

5.1. Quan hệ liên kết bên trong chuỗi cung ứng

5.1.1. Liên kết trong cung ứng nguyên vật liệu

5.1.2. Liên kết trong hoạt động sản xuất

5.1.3. Liên kết trong hoạt động lưu thông phân phối

5.2. Quan hệ liên kết bên ngoài chuỗi cung ứng

5.2.1. Liên kết với các đối tác cạnh tranh

5.2.2. Liên kết với cơ quan chức năng

5.3. Xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược

5.3.1. Mối quan hệ đối tác chiến lược

5.3.2. Biện pháp xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược

5.4. Quản trị thông tin trong chuỗi cung ứng

5.4.1. Luồng thông tin giữa các thành viên trong chuỗi cung ứng

5.4.2. Xây dựng cơ chế xử lý thông tin

5.4.3. ứng dụng công nghệ thông tin trong chuỗi cung ứng

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Thời lượng của học phần là 3 TC được phân bổ 40 tiết lý thuyết và 10 tiết thảo luận.

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

1. Tên học phần: Thương mại Quốc tế; **Mã học phần:** QKTM520

2. Số tín chỉ: 3 TC (40,10,85)

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Hoàng Thanh Tùng	098.908.5078	hoangthanhtung15@gmail.com
2	TS. Nguyễn Thị Huế	0904 622 422	nguyenhue.sf@gmail.com

5. Mục tiêu của học phần

- Về kiến thức

- + Các kiến thức chung về TMQT trong nền kinh tế hiện đại;
- + Các lý thuyết về thương mại quốc tế bao gồm các lý thuyết cổ điển và hiện đại;
- + Hệ thống các nguyên tắc, biện pháp kinh tế, hành chính và pháp luật Nhà nước sử dụng để thực hiện những mục tiêu đã xác định trong lĩnh vực TMQT;
- + Hiểu về các công cụ của chính sách thương mại quốc tế và các công cụ điều chỉnh chính sách thương mại quốc tế;
- + Hiểu được một số loại hình của liên kết kinh tế;

- Kỹ năng

- + Phân tích tác động của chính sách thuế quan đối với hoạt động thương mại quốc tế;
- + Phân tích và ứng dụng được các công cụ phi thuế quan mà các nước đang áp dụng để điều chỉnh chính sách thương mại;
- + Phân tích và ứng dụng được các biện pháp phòng vệ thương mại;
- + Phân tích được vai trò của các liên minh thương mại đối với sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.

- Thái độ

- + Nhận thức được tầm quan trọng của các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế;
- + Nghiêm túc thực hiện các hoạt động học tập có liên quan.

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần bao gồm 5 chương với thời lượng 3 tín chỉ (40 giờ thuyết giảng; 10 giờ thực hành thảo luận; 85 giờ tự học). Học phần tập trung vào các nội dung kiến thức cơ bản về thương mại quốc tế, các học thuyết cổ điển và hiện đại về thương mại quốc tế; kỹ năng phân tích các công cụ thuế quan và phi thuế quan; kỹ năng phân tích và ứng dụng các biện

pháp phòng vệ thương mại; hiểu được vai trò của các liên minh kinh tế đối với sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.

7. Nhiệm vụ của học viên

- Đọc tài liệu có liên quan đến học phần
- Thực hiện các bài tập, thảo luận nhóm do giảng viên hướng dẫn
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Hoàn thành bài tiểu luận cuối kỳ.

8. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1]. Đoàn Thị Liên, Trương Tiến Sĩ, Nguyễn Xuân Đạo, *Thương mại Quốc tế*, NXB Lao động-Xã hội, 2011.

[2]. PGS.TS. Hà Thị Ngọc Oanh, *Kinh doanh Thương mại Quốc tế*, NXB Đại học Lao động-Xã hội, 2014

- *Tài liệu tham khảo:*

[3]. GS.TS. Đỗ Đức Bình, PGS.TS. Nguyễn Thường Lạng, *Kinh tế Quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012

[4]. Nguyễn Minh Chí, Phạm Thế Hưng, Triệu Thị Thanh Hương, *Các điều ước quốc tế về thương mại*, NXB Chính trị Quốc gia,

[5]. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, *Luật Thương mại Quốc tế*, NXB Khoa học và Kỹ thuật

[6]. GS. Đỗ Đức Bình, PGS.TS. Nguyễn Thường Lạng, *Giáo trình kinh tế quốc tế*, NXB Đại học KTQD.

[7]. Ths. Trần Văn Nam, PTS. Trần Thị Hoà Bình, *Giáo trình luật thương mại quốc tế*, NXB Khoa học và kỹ thuật, 1999

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Viết tiểu luận

- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (tiết)				Tự học (tiết)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Chương 1: Tổng quan về Thương mại Quốc tế	[1]	6	4	2	0	9
2	Chương 2: Lý thuyết thương mại Quốc tế	[1], [2]	8	6	2	0	13
3	Chương 3: Chính sách thương mại Quốc tế	[1], [2]	10	6	2	2	14
4	Chương 4: Các công cụ của chính sách thương mại quốc tế	[1], [2]	14	10	4	0	22
5	Chương 5: Liên kết kinh tế -Thương mại quốc tế	[1]	12	8	4	0	18
Tổng số			50	32	16	2	72

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

1.1. Đặc trưng của thương mại quốc tế

1.2. Các hình thức và nội dung của thương mại quốc tế

1.3. Xu hướng phát triển của thương mại quốc tế

CHƯƠNG II. LÝ THUYẾT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

2.1. Lý thuyết cổ điển về thương mại quốc tế

2.2. Lý thuyết hiện đại về thương mại quốc tế

CHƯƠNG III. CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

- 3.1. Tổng quan về chính sách thương mại
- 3.2. Nguyên tắc điều chỉnh chính sách thương mại
- 3.3. Các loại chính sách thương mại
 - 3.3.1. Chính sách thương mại tự do
 - 3.3.2. Chính sách bảo hộ mậu dịch

CHƯƠNG IV. CÁC CÔNG CỤ CỦA CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

- 4.1. Công cụ thuế quan
- 4.2. Công cụ phi thuế quan
- 4.3. Các biện pháp tự vệ thương mại
- 4.4. Chống bán phá giá
- 4.5. Trợ cấp và thuế chống trợ cấp

CHƯƠNG V. LIÊN KẾT KINH TẾ VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

- 5.1. Các nguyên tắc liên kế thương mại
- 5.2. Các hình thức liên kết thương mại
 - 5.2.1. Khu vực mậu dịch tự do
 - 5.2.2. Liên minh thuế quan,
 - 5.2.3. Khu vực thị trường chung
 - 5.2.4. Liên minh kinh tế
 - 5.2.5. Liên minh tiền tệ

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Tên học phần:** Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; **Mã học phần:** QKCT521
- 2. Số tín chỉ:** 03 TC (40,10,85)
- 3. Điều kiện tiên quyết:** Không
- 4. Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Hoàng Thanh Tùng	098.908.5078	hoangthanhtung15@gmail.com
2	TS. Phạm Ngọc Yến	0914322468	yenngoc.thongke@gmail.com

5. Mục tiêu của học phần

-Về kiến thức:

- + Hiểu được về cạnh tranh ở các cấp độ
- + Nắm vững các nội dung nâng cao năng cạnh tranh ở cấp độ doanh nghiệp
- + Nắm vững các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

- Về kỹ năng:

- + Kỹ năng nhận biết và xác định năng lực cạnh tranh ở cấp doanh nghiệp
- + Vận dụng lý thuyết để triển khai các hoạt động nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập

- Về thái độ:

- + Nghiêm túc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản lý
- + Nhiệt tình, tận tụy trong điều hành và quản lý; trong nghiên cứu

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức sau: Cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế; Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; Các yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh; các tiêu chí đánh giá và các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

7. Nhiệm vụ của học viên:

- Đến lớp đầy đủ trong suốt quá trình học
- Tự nghiên cứu và chuẩn bị bài trong giờ tự học, làm đầy đủ các bài chuẩn bị, bài thảo luận, bài tập theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện quy chế đào tạo của trường Đại học Lao động – Xã hội

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu bắt buộc

[1]. Michael E.Porter “*Lợi thế cạnh tranh*”, Nguyễn Phúc Hoàng biên dịch; NXB Trẻ Tp. Hồ Chí Minh, 2016.

[2]. Michael E.Porter “*Chiến lược cạnh tranh*”, Nguyễn Ngọc Toàn biên dịch; NXB Trẻ Tp. Hồ Chí Minh, 2016.

- Tài liệu tham khảo:

[3]. Sách tham khảo: “*Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong điều kiện toàn cầu hóa*”, GS.TS Trần Sửu, NXB Lao động, 2006 (HLTK 1)

[4]. Sách tham khảo: “*Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*”, Trường Đào tạo, bồi dưỡng CBCT Trung ương, NXB Công thương, 2010 (HLTK 2)

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết, hình thức: Trắc nghiệm + Tự luận

- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm:

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)					Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	BTL	KT	
1	Chương I: Tổng quan về năng lực cạnh tranh	[1]; [2]; [3]	10	8	2	0	0	17
2	Chương II: Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp	[1]; [2]	10	8	2	0	0	17
3	Chương III: Các yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp	[1]; [2]	10	8	2	0	0	17

4	Chương IV: Các tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp	[1]; [2]	10	8	2	0	0	17
5	Chương V: Các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp	[1]; [2]	10	8	1	0	1	17
	Tổng số		50	40	9	0	1	85

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; BTL: Bài tập lớn.

B. Nội dung chi tiết

Chương I: Tổng quan về năng lực cạnh tranh

1.1. Năng lực cạnh tranh

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của năng lực cạnh tranh

1.1.2. Các quan điểm về cạnh tranh

1.1.3. Vai trò của nâng cao năng lực cạnh tranh

1.2. Các cấp độ năng lực cạnh tranh

1.2.1. Năng lực cạnh tranh về sản phẩm

1.2.2. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

1.2.3. Năng lực cạnh tranh ngành

1.2.4. Năng lực cạnh tranh quốc gia

Chương II: Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

2.1. Nhóm các yếu tố bên trong

2.1.1. Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp

2.1.2. Nhận thức của người lao động trong doanh nghiệp

2.1.3. Các chính sách và chiến lược của doanh nghiệp

2.2. Nhóm các yếu tố bên ngoài

2.2.1. Chính sách pháp luật

2.2.2. Điều kiện kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng

2.2.3. Sự sẵn có của các nhân tố đầu vào

2.2.4. Dung lượng thị trường

2.2.5. Sản phẩm thay thế

2.2.6. Năng lực cạnh tranh quốc gia

Chương III: Các yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

3.1. Trình độ và năng lực quản trị doanh nghiệp

3.1.1. Năng lực lãnh đạo

3.1.2. Trình độ chuyên môn

3.1.3. Cơ chế quản trị

3.2. Các nguồn lực của doanh nghiệp

3.2.1. Nguồn lực tài chính

3.2.2. Nguồn lực khoa học kỹ thuật, công nghệ

3.2.3. Nguồn nhân lực

3.3. Sản phẩm và thị trường của doanh nghiệp

- 3.3.1. Năng lực cạnh tranh về sản phẩm
- 3.3.2. Thị trường và thị phần của doanh nghiệp
- 3.3.3. Hoạt động nghiên cứu và phát triển

3.4. Marketing và thương hiệu

- 3.4.1. Hoạt động marketing
- 3.4.2. Danh tiếng và uy tín của doanh nghiệp

3.5. Phát triển bền vững

- 3.5.1. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
- 3.5.2. Hoạt động bảo vệ môi trường

Chương IV: Các tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

4.1. Danh tiếng và thương hiệu của doanh nghiệp

- 4.1.1. Hình ảnh và biểu tượng
- 4.1.2. Thương hiệu và uy tín

4.2. Thị phần và khả năng chiếm lĩnh thị trường

- 4.2.1. Thị phần của doanh nghiệp
- 4.2.2. Khả năng duy trì và mở rộng thị trường

4.3. Hiệu quả sản xuất kinh doanh

- 4.3.1. Năng suất lao động
- 4.3.2. Chất lượng sản phẩm
- 4.3.3. Lợi nhuận thu được

4.4. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

- 4.4.1. Trách nhiệm đối với người lao động
- 4.4.2. Trách nhiệm với cộng đồng
- 4.4.3. Trách nhiệm bảo vệ môi trường

Chương V: Các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

5.1. Nâng cao chất lượng nhân lực

- 5.1.1. Nâng cao trình độ nhân lực
- 5.1.2. Nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần, thái độ
- 5.1.3. Nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần

5.2. Đổi mới cơ cấu tổ chức và tăng cường các nguồn lực

- 5.2.1. Đổi mới cơ cấu tổ chức, hoàn thiện quy chế hoạt động
- 5.2.2. Tăng cường nguồn lực tài chính
- 5.2.3. Tăng cường nguồn nhân lực
- 5.2.4. Tăng cường nguồn lực khoa học công nghệ
- 5.2.5. Cải thiện cơ sở vật chất

5.3. Nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm

- 5.3.1. Nâng cao chất lượng sản phẩm
- 5.3.2. Đổi mới bao bì, mẫu mã sản phẩm
- 5.3.3. Tăng cường hoạt động nghiên cứu và phát triển

5.4. Nâng cao thương hiệu và uy tín

- 5.4.1. Xây dựng và phát triển thương hiệu
- 5.4.2. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp
- 5.4.3. Tăng cường hoạt động Marketing
- 5.4.3. Nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

5.5. Nâng cao năng lực dịch vụ

5.5.1. Nâng cao năng lực logistics

5.5.2. Nâng cao chất lượng dịch vụ sau bán hàng

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Thời lượng của học phần là 3 TC được phân bổ 40 tiết lý thuyết và 10 tiết thảo luận.
- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN HÓA VÀ ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

- 1. Tên học phần:** Văn hóa và đạo đức kinh doanh; **Mã học phần:** QKVH522
2. Số tín chỉ: 3 TC (40,10,85)
3. Điều kiện tiên quyết: Không
4. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Phạm Hải Hưng	0936158182	haihung1610@gmail.com
2	TS. Phùng Thị Mỹ Linh	0912931289	phungmylinhkinhte@gmail.com

5. Mục tiêu của học phần

- Về kiến thức:

+ Nắm vững những kiến thức cơ bản và kinh nghiệm trên thế giới về văn hóa kinh doanh, đạo đức kinh doanh, vai trò và ảnh hưởng của văn hóa kinh doanh như một nhân tố quan trọng đối với sự phát triển kinh doanh, nâng cao tầm quản lý.

+ Hiểu được sự đa dạng, phong phú của các nhân tố văn hóa kết tinh trong hoạt động kinh doanh để xây dựng các mối quan hệ kinh doanh lành mạnh, hướng tới lợi ích bền vững.

- Về kỹ năng

+ Cung cấp cho học viên những kỹ năng cần thiết để tổ chức, ứng dụng và phát triển về văn hóa kinh doanh trong quá trình kinh doanh.

+ Xây dựng kỹ năng cần thiết để xây dựng văn hóa kinh doanh trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Về thái độ

+ Nhận thức tầm quan trọng của văn hóa kinh doanh trong hoạt động kinh doanh và tổ chức doanh nghiệp, từ đó có thái độ tích cực rèn luyện các kỹ năng và năng lực của cá nhân để đáp ứng các yêu cầu trong công việc.

+ Nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa kinh doanh Việt Nam và các quốc gia trên thế giới từ đó có những thái độ, hành vi phù hợp với từng đối tác trong nền kinh tế hội nhập thế giới.

+ Nhận thức những vấn đề văn hóa kinh doanh để xây dựng một nền văn hóa với bản sắc riêng của mình.

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức chung về văn hóa kinh doanh và những kỹ năng cần thiết để tổ chức, ứng dụng và phát triển các kiến thức về văn hóa kinh doanh, đạo đức kinh doanh trong hoạt động kinh tế, kinh doanh.

7. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: 70% số giờ trở lên
- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp
- Tham gia nghe giảng đầy đủ và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu bắt buộc:

[1]. PGS. TS. Dương Thị Liễu, *Giáo trình văn hóa kinh doanh* (tái bản lần 2), NXB ĐH KTQD, 2018.

[2]. PGS. TS. Nguyễn Mạnh Quân, *Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty* (tái bản lần 1), NXB ĐH KTQD, 2012.

- Tài liệu tham khảo:

[3]. Erison, *Bộ quy tắc ứng xử*, 2017.

9. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi kết hợp tự luận với trắc nghiệm

- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

10. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

11. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Chương 1: Tổng quan về văn hóa kinh doanh	[1] [2]	8	6	2		13
2	Chương 2: Văn hóa kinh doanh Việt Nam	[1]	15	13	2		27
3	Chương 3: Văn hóa kinh doanh quốc tế	[1]	8	6	2		13
4	Chương 4: Các tình huống văn hóa kinh doanh	[1]	11	9	1	1	19
5	Chương 5: Đạo đức kinh doanh	[1] [2]	8	6	2		13

	Tổng	50	40	9	1	85
--	-------------	-----------	-----------	----------	----------	-----------

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tổng quan về văn hóa kinh doanh

1.1. Khái quát chung về văn hóa

- 1.1.1. Khái niệm văn hóa
- 1.1.2. Các yếu tố cấu thành văn hóa
- 1.1.3. Chức năng, vai trò văn hóa
- 1.2 Khái quát chung về văn hóa kinh doanh
 - 1.2.1. Khái niệm văn hóa kinh doanh
 - 1.2.2. Các đặc trưng của văn hóa kinh doanh
 - 1.2.3. Các tác động đến văn hóa kinh doanh
 - 1.2.4. Vai trò của văn hóa kinh doanh
- 1.3. Các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh
 - 1.3.1. Triết lý kinh doanh
 - 1.3.2. Đạo đức kinh doanh
 - 1.3.3. Văn hóa doanh nhân
 - 1.3.4. Văn hóa doanh nghiệp

Chương 2. Văn hóa kinh doanh Việt Nam

2.1. Văn hóa kinh doanh Việt Nam trước thời kỳ đổi mới

- 2.1.1. Văn hóa kinh doanh thời kỳ phong kiến
- 2.1.2. Văn hóa kinh doanh thời kỳ Pháp thuộc
- 2.1.3. Văn hóa kinh doanh giai đoạn 1954-1975
- 2.1.4. Văn hóa kinh doanh 1975-1986

2.2. Văn hóa kinh doanh thời kỳ đổi mới

- 2.2.1. Văn hóa kinh doanh trong doanh nghiệp nhà nước
- 2.2.2. Văn hóa kinh doanh trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
- 2.2.3. Văn hóa kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân

2.3. Một số vấn đề trong văn hóa kinh doanh tại Việt Nam

Chương 3: Văn hóa kinh doanh quốc tế

3.1. Khác biệt văn hóa trong kinh doanh quốc tế

- 3.1.1. Khác biệt và giao lưu văn hóa
- 3.1.2. Hiện tượng sốc văn hóa và vượt qua sốc văn hóa

3.2. Những biểu hiện cơ bản của văn hóa kinh doanh quốc tế

- 3.2.1. Giao tiếp trong môi trường kinh doanh đa văn hóa
- 3.2.2. Giao tiếp bằng văn bản

3.3. Đàm phán đa văn hóa

- 3.3.1. Những khác biệt văn hóa trong đàm phán
- 3.3.2. Hợp đồng và các biến số văn hóa
- 3.3.3. Nghệ thuật đàm phán giữa các nền văn hóa

3.4. Marketing đa văn hóa

3.4.1. Truyền thông và giao với khách hàng

3.4.2. Hành vi người tiêu dùng toàn cầu

3.5. Văn hóa kinh doanh một số quốc gia

Chương 4: Các tình huống văn hóa kinh doanh

4.1. Các tình huống về khác biệt và hài hòa về văn hóa trong kinh doanh

4.2. Các tình huống về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

4.3. Các tình huống về giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh

4.4. Một số tình huống văn hóa kinh doanh Việt Nam

Chương 5. Đạo đức kinh doanh

5.1. Khái niệm đạo đức kinh doanh

5.2. Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

5.2.1. Khái niệm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

5.2.2. Nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

5.3. Vai trò của đạo đức kinh doanh trong quản trị doanh nghiệp

5.4. Các khía cạnh của đạo đức kinh doanh

5.4.1. Đạo đức kinh doanh trong các chức năng của doanh nghiệp

5.4.2. Đạo đức kinh doanh trong marketing

5.5. Đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế toàn cầu

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Thời lượng của học phần là 3 TC được phân bổ 40 tiết lý thuyết và 9 tiết thảo luận và 1 tiết kiểm tra.

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

8. Kế hoạch đào tạo

STT	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
I.	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			6							
1	QTNT	501	Triết học	4	X				1. TS. Nguyễn Thị Giáng Hương 2. TS. Đoàn Thị Thu Hà	Triết học Tôn giáo học	Trường ĐH LDXH
2	QKPP	502	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2	X				1. PGS. TS. Nguyễn Bá Ngọc 2. TS. Ngô Anh Cường	Kinh tế Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
II.	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			15							
2.1	Các môn bắt buộc			9							
1	QKVI	503	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3	X				1. PGS.TS. Vũ Quang Thọ 2. TS. Lương Xuân Dương 3. TS. Nguyễn Thị Vân Anh	Kinh tế Kinh tế Quản lý kinh tế	Trường ĐH LDXH
2	QKVB	504	Kinh tế vi mô ứng dụng	3		X			1. TS. Doãn Thị Mai Hương 2. PGS.TS Vũ Quang Thọ 3. TS. Hoàng Thanh Tùng	Kinh tế Kinh tế Kinh tế	Trường ĐH LDXH
3	QKQT	505	Quản trị chiến lược kinh doanh	3	X				1. TS. Nguyễn Thị Anh Trâm 2. TS. Lục Mạnh Hiên	Quản trị nhân lực Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
2.2	Các môn tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần sau)			6							
1	QKTĐ	511	Quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp	3	X				1. PGS. TS. Lê Thanh Hà 2. TS. Nguyễn Duy Phương	Kinh tế Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
2	QKQL	512	Quản lý Nhà nước về kinh tế	3	X				1. PGS. TS. Nguyễn Bá Ngọc 2. TS. Doãn Thị Mai Hương	Kinh tế Kinh tế	Trường ĐH LDXH
3	QKPL	513	Pháp luật trong kinh doanh	3	X				1. TS. Khuất Thị Thu Hiền 2. TS. Đào Xuân Hội 3. TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Quản trị kinh doanh Luật kinh tế Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH

STT	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
4	QKKP	514	Kinh tế phát triển trong điều kiện hội nhập	3	X				1. TS. Nguyễn Xuân Hương 2. TS. Lương Xuân Dương	Quản trị kinh doanh Kinh tế	Trường ĐH LDXH
III.	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			27							
3.1	Các môn bắt buộc			15							
1	QKDA	506	Phân tích dự án đầu tư	3		X			1. TS. Nguyễn Thị Vân Anh 2. TS. Lục Mạnh Hiên	Quản lý kinh tế Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
2	QKRR	507	Quản trị rủi ro nâng cao	3		X			1. TS. Nguyễn Thị Vân Anh 2. TS. Nguyễn Duy Phương	Quản lý kinh tế Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
3	QKTH	508	Quản trị thương hiệu	3			X		1. TS. Nguyễn Thị Thu Hương 2. TS. Lục Mạnh Hiên	Kinh doanh thương mại Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
4	QKLD	508	Lãnh đạo doanh nghiệp	3		X			1. PGS. TS. Lê Thanh Hà 2. TS. Nguyễn Thị Anh Trâm	Kinh tế Quản trị nhân lực	Trường ĐH LDXH
5	QKQN	510	Quản trị nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	3			X		1. PGS.TS. Lê Thanh Hà 2. TS. Nguyễn Thị Hồng 3. TS. Đỗ Thị Tươi 4. PGS.TS Cao Văn Sâm	Kinh tế Quản trị nhân lực Quản lý kinh tế Kinh tế	Trường ĐH LDXH
3.2	Các môn tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần sau)			12							
1	QKKT	515	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	3		X			1. TS. Vũ Thị Thanh Thủy 2. TS. Lê Thị Tú Oanh	Tài chính - Ngân hàng Kế toán, Kiểm toán & Phân tích	Trường ĐH LDXH
2	QKKH	516	Quản trị quan hệ khách hàng	3		X			1. TS. Nguyễn Thị Thu Hương 2. TS. Đoàn Thị Quỳnh Anh	Kinh doanh thương mại Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
3	QKTN	517	Quản trị tác nghiệp	3		X			1. TS. Nguyễn Thị Anh Trâm 2. TS. Phùng Thị Mỹ Linh	Quản trị nhân lực Quản lý kinh tế	Trường ĐH LDXH
4	QKQT	518	Kinh doanh quốc tế	3		X			1. TS. Nguyễn Thị Thu Hương 2. TS. Nguyễn Thị Huế	Kinh doanh thương mại Kinh tế	Trường ĐH LDXH
5	QKCC	519	Quản trị chuỗi cung ứng nâng	3			X		1. TS. Hoàng Thanh Tùng	Kinh tế	Trường

STT	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số				I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành
			cao						2. TS. Nguyễn Tiến Hưng	Quản trị kinh doanh	ĐH LĐXH
6	QKTM	520	Thương mại quốc tế	3			X		1. TS. Hoàng Thanh Tùng 2. TS. Nguyễn Thị Huế	Kinh tế Kinh tế	Trường ĐH LĐXH
7	QKCT	521	Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp	3			X		1. TS. Hoàng Thanh Tùng 2. TS. Phạm Ngọc yển	Kinh tế Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LĐXH
8	QKVH	522	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	3			X		1. TS. Phùng Thị Mỹ Linh 2. TS. Phạm Hải Hưng	Quản lý kinh tế Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LĐXH
IV.	LUẬN VĂN THẠC SĨ			12				X			
TỔNG CỘNG (I+II+III + IV)				60							

Chủ tịch hội đồng thẩm định

Hiệu trưởng

PGS.TS. Bùi Hữu Đức

Hà Xuân Hùng